

PHỐ THÔNG

Tạp-chí Văn-hóa ra ngày 1 và 15

Giám-Đốc : NGUYỄN-VŨ

30

Too-dan Phố-Thông	P. I.
Trà-lời tạp chí BÁCH-KHOA	NGUYỄN VŨ
Những áng thơ Bay	THÀM THỆ HÀ
Nàng chính phủ trong Chính phủ ngầm . . .	VŨ BỨC TRÌNH
• Những đốm cầu cớ tại nhà Victor Hugo . . .	TÂN-PHONG
Nén tang Quốc ván dài Tây Sơn	HOA TỊNH LINH
Bến bờ sông Dịch	NGUYỄN NGỌC VINH
★ Vài nhận xét về văn hóa Nhật	T. SUGIYAMA
Những con mèo hoang	PHƯƠNG ANH
✖ Cho rồi : Ông PHAN KHÔI	PHẠM THỊ MỸ KHANH
• Văn sĩ thi sĩ tiền chiến	NGUYỄN-VŨ
Không Minh	NGUYỄN QUANG LỤC
Bữa tiệc thịt chó	BÌNH VĂN QUÝ
• Minh ơi! Tại sao có động đất?	DIỆU HUYỀN
• Xem tướng để lấy vợ	SAINT-EXUPÉRY
Người thơ xuất hiện	MẶC THU
✖ Mô-Viện trà thủ Trung-Trác	TRẦN HỮU TƯ
Nụ cười Phố-Thông	TRỌNG TẤU
✖ Thơ Lên Ruột: Nhảy Dù I	DIỆU HUYỀN
Tôi làm phim	THÁI THÚC DIỄN
Giấc mơ dài (thơ)	BẠN THANH
• Một bài thơ Ấn-dộ	PRABHAT VAIDYA
Phản văn (thơ)	DOANH MINH HẢI

TRUYỆN DÀI

Kiến trình Truyện dài của Cố VÂN NGA

Cố gáy diệu truyện dài của TÙ-VŨ

Bản dịch của VI HUYỀN ĐÁC

(Xem mục-lục đầy đủ ở trang 3-4)

KINH SƠ MÃI

LOẠI ĐẶC - BIỆT

Thanh - niên bảo - vè hương - thôn

Phát - hành 4 kỳ :

Loại I . . . mở ngày 10-5-1960

— II — 24-5-1960

— III — 7-6-1960

— IV — 21-6-1960

Mỗi vé giá 10\$

THƯ KÝ THIẾT KHẨU

TẠO CHÌ

Giám-Đốc, Chủ-Bút: NGUYỄN-VĨ

Quản- lý: TRẦN-VĂN-LANG

Tòa soạn: 283 Đường Gia-Long — Sài-gòn — Đ. T. Sài-gòn 307



KÝ MỐI BỒ XÔ & TẬP THÚC

I.— Phúc đáp anh Nguieren-Ngu-Í.	Nguyễn-Vỹ	6 — 9
2.— Nhữnđ đêm cầu cơ tại Nhà Victor Hugo.	Tân-Phong	10 — 16
3.— Vài nhận xét về Văn hóa.	T. Sugiyama	17 — 20
4.— Nhữnđ con mèo hoang (truyện ngắn).	Phương-Anh	21 — 28
5.— Phản văn (thơ).	Đoàn-Minh-Hải	29
6.— Khổng-Minh.	Nguyễn-quang-Lực	30 — 32
7.— Nhữnđ áng thơ hay.	Thàm-thệ-Hà	33 — 36
8.— Bên bờ sông Dịch (kịch).	Nguyễn-Ngọc-Vinh	37 — 44
9.— Giấc mơ đời (thơ).	Đan-Thanh	45
10.— Nền tảng Quốc văn đời Tây-Sơn.	Hoa-tịnh-Linh	46 — 54
II.— Cha tôi : Ông Phan-Khôi	Phan-thị Mỹ-Khanh	55 — 58
I2.— Văn sĩ thi sĩ tiền chiến.	Nguyễn-Vỹ	59 — 63
I3.— Nhữnđ tư-lưỡng đẹp về tình yêu.	Thanh-Lộc	64

14.— Xem <i>lửa</i> dè lấy vợ (<i>truyện quỷ</i>). Saint Exupéry	65—78
15.— Một bài thơ Ấn-dô.	P. Vaidya 73—74
16.— Người thơ xuất hiện	Mặc-Thu 75—78
17.— Bữa tiệc thịt chó (<i>truyện ngắn vui</i>) . Bình-vân-Quy	79—82
18.— Cò gáy điện (<i>truyện dài</i>)	Vĩ-Huyền-Đắc 83—88
19.— Nàng chính phủ trong chính phủ ngầm. Vũ-đức-Trinh	89—93
20.— Minh triết	Diệu-Huyền 94—98
21.— Dè trả thù bà Trứng-Trắc	Trần-hữu-Tư 100—104
22.— Chuyện Cà-ké	Trọng-Táu 105—109
23.— Tao-dàn P. T.	P. T. 110—114
24.— Thơ lén ruột	Diệu-Huyền 115—116
25.— Giới thiệu sách báo mới	P. T. 117—118
26.— Kiên trinh	Cô Văn Nga 119—123
27.— Đáp bạn bốn phương	Diệu Huyền và Bach-Yén 124—130

Sắp xếp bài, trình bày bìa và nội dung, cho màu . . Cô Diệu-Huyền

* Bias Offset Van-Quoc

- The following table shows some of the main differences between the two methods, including the following topics: PDE, ODE, initial value problem, boundary value problem, finite difference method, finite element method.

- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-
quốc mà không xin phép.
 - Tous droits de traduction, d'adaptation, et de
reproduction même partielle, réservés pour tous
pays.

Copyright by PHO-THONG, printed in Viêt-Nam

Phúc đáp Anh NGUYỄN-NGU-Í

(ở Tạp Chí BÁCH-KHOA)

★ NGUYỄN-VŨ

Vài tháng trước Tết, bạn Nguyễn-Ngu-Í, ở BÁCH-KHOA, đã trao đến tôi một bức thư mà anh nói là của một bạn đọc Phổ-Thông ở Paris gửi về tôi, nhưng lại không gởi thẳng đến tòa soạn Phổ-Thông cho tôi, như các bạn khác ở Hải ngoại vẫn thường trực tiếp với Phổ-Thông bằng thư tín, mà lại gởi anh Nguyễn-Ngu-Í, nhờ đưa lại tôi.

Thư ấy lại không có tên ký, và cũng không biết có phải là do một bạn đọc của Phổ-Thông ở Paris gửi về hay không, nên muốn được hợp lý hơn, tôi trao thư lại bạn Nguyễn-Ngu-Í và đề nghị anh nên đăng lên Bách khoa rồi tôi sẽ trả lời trong Phổ-Thông. Nay thư ấy đã đăng lên Bách khoa, cũng không ký tên, vậy tôi xin phúc đáp anh Nguyễn-Ngu-Í.



Bức thư ấy trình bày những nhận xét về hai bài của tôi đã đăng trong Phổ-Thông số 1 và số 2 ra ngày 1 và 15 tháng 11 năm 1958. Tôi rất hân hạnh được người bạn viết thư đã tỏ những lời khen ái đỗi với tôi và tạp chí Phổ-Thông, và tán thành ý kiến của Phổ-Thông về việc cần thiết có một Hàn-Lâm Viện Quốc gia để soạn gấp một bộ Tự-diễn Việt-nam chân chính. Như

vậy, anh bạn đã hoàn toàn thông cảm với ý nguyện của chúng tôi cũng như của các bạn đã cùng một quan điểm với Phò-Thông, và đáng lẽ không còn gì phải tranh luận.

Nhưng trong đoạn sau của bức thư, bạn đã nêu ra vài-ba « thắc mắc », đề « chất chính » tôi. Vậy tôi xin vâng lời phúc đáp.

1.— Cũng như đa số các bạn đã nhận thấy nhiều khuyết điểm lớn lao trong một số TỰ-ĐIỀN VIỆT-NAM và TỰ-ĐIỀN VIỆT PHÁP, đang thông dụng hiện nay, nhất là các giáo sư và các bạn học sinh, tôi có phần này các nhà làm tự-diền sao không làm cho đầy đủ và rõ ràng hơn một chút. Trong P.T. số 2, tôi có viết :

« Họ đã chịu khó dựa theo các bộ Tự-diền sơ sài Việt Pháp lúc ban sơ của vài bậc tiền bối mà biên chép thêm vào chút ít, rồi in ra bán, gọi là Tự-Điền. Hiện nay nhiều quyền « Tự-Điền » ấy vẫn tiếp tục xuất bản hoặc tái bản, quyền nào cũng gần giống như quyền nào, không có quyền nào đầy đủ hơn, và thích ứng hơn ».

Tôi thường nói thế không có gì là quá đáng. Sự thực, chúng ta cứ mở một dỗi quyển Tự-diền nào đó mà đọc kỹ, và nhận định đúng thiên vị, thì tự khắc thấy rõ.

Không phải tôi « nghiêm khắc ». Nhưng theo ngu-ý của tôi, chúng ta không nên viện lý do rằng họ đã « bỏ tám chín năm trời, xuất công, xuất vốn cho ra đời mấy cuốn Tự-diền », mà có thể che lấp những khuyết-diểm được. Kẻ làm tự-diền, bỏ vốn ra in, để thường họ không phải bỏ một mà thu vào mười sao ? Vì thế, chúng ta đã phải vui lòng mua một quyển tự-diền trên 100 đ.

Đành rằng trong lúc Nước ta chưa có một bộ Tự-diền, xứng đáng đầy đủ, thì chúng ta nên cứ tạm dùng các tự-diền kia. Nhưng, đứng trên lập-trường văn-hóa dân-tộc, chúng ta cũng còn có nhiệm-vụ vạch những khuyết-diểm, đề chính các tác-giả, hoặc những người đi sau, tìm cách bồi túc.

Chúng ta chỉ những khuyết-diểm, không phải là phủ-nhận công-lao của các tác-giả, mà chúng ta chỉ tiếc rằng các tác-giả đã chịu khó

đè tám chín năm trời làm một quyền tự-diễn mà không làm cho đầy đủ hơn. Chúng ta không đòi hỏi họ làm một công-trình toàn-thiện toàn-mỹ, nhưng chúng ta có quyền mong họ đừng làm vội-vàng và thiếu-sót quá.

Về **Tự-diễn Việt-nam**, theo thiền ý của chúng tôi, nếu không đủ điều kiện làm tự-diễn mới thì thà in lại các tự-diễn cũ của **Paulus Của** hoặc của **Khai-trí-tiến-đức** trong khi chờ đợi quyền Tự-diễn Việt-nam mới hơn và đầy đủ hơn.

Còn về **Tự-diễn Việt-Pháp**, thà rằng in lại Tự-diễn cũ của **Génibrel Trương-vịnh-Ký** v.v., còn nếu làm Tự-diễn mới, thì chúng ta không mong gì hơn là các tác giả chịu khó thêm vào cho đầy đủ hơn một chút chớ đừng biên chép theo các Tự-diễn cũ hoặc chỉ sửa đổi chút ít, mà thiếu-sót và sai lầm nhiều quá.

Mở một quyền **Việt-Pháp TỰ-DIỄN** ra tra, chúng ta thấy thí-dụ :

Sông « Đồng-Nai » ở Việt-Nam thì không có, mà sông « Hoàng Hả » bên Tàu thì có (Hoàng-Hà = Fleuve Jaune), những tỉnh *Cần Thơ, Biên-hòa, Gia-định, v.v...* của Việt-Nam không có, mà *Vân-Nam, Nam-kinh, Huơng-cảng* của Tàu lại có ! Đại-khai là có những thiếu-sót vô lý như thế. Lại thí-dụ như *Tra chử Đao Hoa* thì thấy dịch ra Pháp Văn : *Séducteur de femmes, Don Juan*. Chúng tôi e dịch tiếng Việt ra tiếng Pháp như thế thì có hơi cầu thả. Chúng tôi cho như thế là làm sai lầm ý-nghĩa của tiếng Việt. Người Ngoại-quốc học tiếng Việt, gặp những chữ như thế có phải là họ sẽ hiểu làm lắn cả tiếng Việt không ?

Áy là tôi nói một vài thí-dụ. Còn đầy rẫy các lỗi lầm lớn hơn và khuyết-diễn nhiều hơn. Chúng tôi không muốn chỉ ra vô số những

"khuyết-dièm, mơ hồ, hoặc sai-lầm lớn-lao trong một vài loại Tự-Điền Việt, Việt-Pháp, Pháp-Việt... hiện nay. Trong Phò-Thông số 2, chúng tôi chỉ nói sơ qua mà thôi. Chúng tôi được nghe vài ba người ngoại-quốc học tiếng Việt, đã tỏ nổi thắc-mắc, phâ-n-vân của họ khi gặp những chữ khó, tra các tự-diền Việt-Nam hiện-hữu, Việt-Pháp, Pháp-Việt v.v... mà không có, hoặc không hiểu gì hết, hoặc hiểu lầm, và đem ra áp-dụng sai lầm. Chính đa-số người Việt, nhất là công-chức, giáo viên, và học-sinh, cũng phàn nàn như thế."

Ở đây, chúng ta đừng nói đến cá-nhân các người làm tự-diền. Chúng ta chỉ nhận-xét khách quan, không thiên-vị ai cả, về các quyền Tự-diền hiện đang thông-dụng mà thôi.

Nhận-xét như thế, đề thấy rõ sự CẦN THIẾT GẤP RÚT CÓ CÁC TỰ-ĐIỀN ĐẦY ĐỦ HƠN, XÁC ĐÁNG HƠN, dù là Tự-diền Việt-Nam, hay Tự-diền Việt-Pháp, Việt-Hán, Việt-Anh...

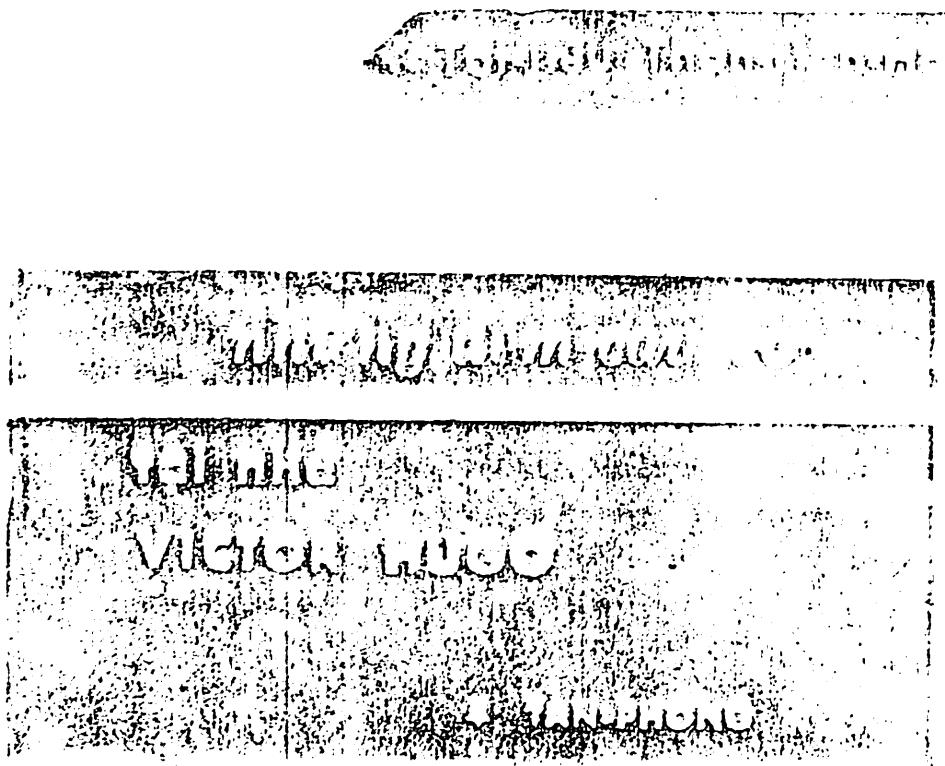
Muốn hoàn thành các tự-diền như thế, theo thiền ý của tôi, không phải một người làm được, mà PHẢI NHIỀU NGƯỜI. NHIỀU NGƯỜI CÓ HỌC THỨC RỘNG RÃI, nhất là PHẢI CÓ LƯƠNG TÂM, và nhiều kinh nghiệm chuyên môn, chứ không thè MỘT ông Tú-Tài, MỘT ông Cử-nhân, hay MỘT ông Tiến-sĩ, MỘT ông Thạc-sĩ mà làm nổi.

Vì vậy mà khi hai bạn học sinh vừa đỗ Tú Tài Việt đến hỏi ý kiến tôi về việc họ cũng định làm một quyền Tự-Điền Việt-Nam, tôi thành thực khuyên hai bạn ấy đừng nên làm vội để chờ học thêm cho giỏi dã.



2.— Về mấy điểm năm tháng xuất bản các Tự-Điền của Paulus Của, Génibrel, v.v... tôi xin đồng ý. Tôi nhìn nhận là có vội vàng sơ sot trong lúc tôi chỉ chủ-tâm bàn về sự cần-gấp có quyền Tự-Điền mới, hơn là chú ý đến một đôi chi tiết về năm tháng lịch sử. Xin thành thực cảm ơn anh bạn đã chỉ cho.

N. V.



(tiếp theo P. T. số 29)

TƯ đêm 11-9-1953 Victor Hugo cầu Cơ gọi hồn của Léopoldine về nói chuyện với ông, kể tiếp luôn mấy đêm sau Thi-sĩ thức có khi đến 5, 6 giờ sáng để cầu cơ trên chiếc bàn gỗ tròn một chun, đặt nơi phòng khách. Và cuộc thí-nghiệm thần linh học ấy kéo dài đến hai năm, gây một niềm tin-tưởng mãnh-liệt trong đầu óc của Thi sĩ, tác giả *Les Contemplations*, *In-*

Légende des Siècles, Chansons des Rues et des Bois...

Năm 1923, GUSTAVE SIMON xuất bản ở Paris một quyển sách nhan đề là « *Les tables tournantes de Jersey* » (Bàn xoay ở Đảo Jersey) có ghi rõ 73 biển bản các đêm cầu Cơ của Victor Hugo. Nhiều sách báo khác như *La Crise Mystique de Victor Hugo, Revue de Paris, le Figaro, v.v...*

còn ghi lại nhiều biến bản khác nữa.

Dưới một biến bản, Victor Hugo có viết một câu :

L'âme du Divin vit autour de vous
(Hồn của Thượng Đế sống chung quanh các người).

Có điều này rất lý thú, (nhất là với những người đã quen cầu cơ) là thỉnh thoảng có những vong hồn vất vưởng, vô danh, bỗng dung xen vào phá rối, hoặc nghịch ngợm viết bậy bạ để cười chơi, hoặc giả vờ hồn thiêng của một người quen thuộc để «xí gá». Thí dụ như biến bản số 104 do Bà Langlois Berthelot con giữ kỹ, chép lại một đêm cầu Cơ (không đề ngày tháng) tại nhà Victor Hugo như sau đây :

Thi sĩ hỏi : — Tên anh là gì ?

Hồn đáp : — *Pasatore it*

Hỏi : — Tiếng Pháp gì là vậy ?

Đáp : — Không phải tiếng Pháp ?

Hỏi : — Tiếng gì ?

Đáp : — *A hii*

Hỏi : — *Alii* là gì ?

Đáp : — *Italien* (Tiếng Ý)

Hỏi : — Tiếng Ý là ?

Đáp : — *Alia*

Hỏi : — *Alia* là gì ?

Đáp : — *A*.

Hỏi : — Sao lại *A* ?

Đáp : — Không phải.

Hỏi : — Anh là ai cho biết tên ?

Đáp : — *Z*.

Hỏi : — Tên gì kỳ vậy ? Nói lại.

Đáp : — *Turrir*.

Hỏi : — Tên hả ?

Đáp : — Phải.

Thể rồi hồn đi mất, không nói chuyện nữa.

Lại có một lần khác một hồn ma về viết :

— *Badicilen*.

Thi sĩ Victor Hugo hỏi :

— Nghĩa là gì ? Viết tiếng Pháp ra coi.

— *Badad*.

— Anh ngạo tựi tôi hả ?

— Ủ.

Thể rồi hồn ma biến đi. Theo những người có thí - nghiệm nhiều lần về cầu Cơ, thì đó là những vong-hồn lạc-lõng, gấp Cơ thì hiện về phá đám chơi,

phần nhiều là nói những chuyện bông-lông, không ăn nhập vào đâu cả.

Đêm 12-9-1853, bông - dung một hồn ma hiện vè, tự xưng là Hoàng - đế NAPOLEON III ! Cả nhà đều kinh- ngạc, vì Hoàng đế Napoléon III lúc bấy giờ đang ngồi ngai vàng, trị - vì nước Pháp, chờ đã chết đâu ! Chính Napoléon III là người đã dày Thi-si Victor Hugo ra đảo Jersey sau khi từ ghế Tổng - Thống Pháp ông gây cuộc đảo - chính, bỏ Cộng Hòa để tái lập Đế-quốc.

Victor Hugo nhiệt-liệt phản đối cuộc đảo - chính ấy nên bị Napoléon III trực xuất khỏi nước Pháp, và Thi-si ra ở đảo Jersey. Thi - si thù - oán vị Hoàng - đế tiếm ngôi, nhưng Napoléon III còn sống sót - sót ở Paris, sao lại hiện hồn vè nhập vào dân Cơ của Victor Hugo ? Thi-si ngạc - nhiên hỏi « hồn Hoàng - đế » :

— Người có biết chừng nào người sẽ chết không ?

Cơ đáp : — Biết.

— Chừng nào ?

— Hai năm nưa.

— Chết cách nào, người biết không ?

— Bị dân chúng giết.

— Ai sẽ thay thế cho người ?

— Thé-giới Cộng Hòa (La République Universelle)

Năm ấy là 1853. Victor Hugo chờ coi, nhưng đến 1855, là hết hạn 2 năm mà Hoàng - đế Napoléon III vẫn còn sống, và còn sống lâu nưa...

Theo kinh-nghiệm cầu Cơ, đó là một hồn thiêng nào đó biết Victor Hugo thù ghét Napoléon III, nên giả làm hồn Napoléon để « chơi khăm » nhà Thi-si !

Ngoài một vài kẻ giả dạng để xen vào chơi nghịch, còn thì hầu hết các cuộc cầu Cơ khác của Victor Hugo đã khiến cho Thi-si tin-tưởng triết - đế. Thí-dụ như những lúc nhà thơ được tiếp-xúc với linh-hồn của NAPOLEON Ier, của Đại-tướng ANNIBAL, Thi-si ANDRÉ CHÉNIER, Thi-si RACINE, v.v Có lần Victor Hugo bảo Chénier làm nốt mấy bài thơ bỏ dở dang năm 1785 trước khi bị chết trên đoạn đầu dài, thì tác-giả La jeune captive cũng sẵn sàng làm

tiếp cho trọn bài.

Buổi tối ngày 17 tháng Hai năm 1854, trong lúc cả gia đình Victor Hugo ngồi ăn cơm, có một người nói dùa câu này :

« Nếu cầu Cơ mà tôi được ai cho 10.000 quan, thì tôi thích hơn là được Thi Sĩ Shakespeare cho 10 câu thơ ». Thế rồi, sau bữa ăn, cả gia đình xúm lại cầu Cơ chơi, thì mệt hồn ma về viết ngay 4 câu thơ sau đây :

*Qu'est-ce que j'entends donc et
qu'est-ce que j'apprends ?
Quoi, dans cette maison vous avez
osé dire
Que vous aimeriez mieux avoir
dix mille francs
Que dix phrases du Grand Shakespeare ?*

Tạm dịch :

*Ta nghe ai nói trong phòng
Một câu quái lạ vô cùng đáo diẽn
Các người thích vạn quan tiền
Hơn mười câu đẹp của Đại hiền
Séc-pia ?*

Thi sĩ Victor Hugo mặc cõi vì hồn ma trách móc, nên vội vàng bảo chưa rằng người nói câu vô-ý-thức trên kia chỉ có ý mong được 10.000 quan để giúp đỡ cho những kẻ bị đày

ra ở đảo mà không có tiền xài, chớ thật tâm không có ý khinh mạn nhà Đại kịch-si Shakespeare.

Những cuộc cầu Cơ tại đảo Jersey suốt trong thời gian Victor Hugo lưu đày ở đây, đã có ảnh-hưởng rất sâu đậm trong tư-tưởng và trong văn thơ của nhà Đại Thi-sĩ.

Trong quyển Hồi-ký của Victor Hugo, (có trích đăng trong quyển « *La Crise mystique de Victor Hugo* » của LE-VAILLANT), Thi-sĩ có chép : đêm 24-3-1854, hời 3 giờ sáng, Thi-sĩ đang ngủ, có nghe rõ ràng tiếng chuông kêu mở cửa, Thi-sĩ tỉnh dậy, nằm im lặng tai nghe, vẫn tiếng chuông reo ngoài cửa. Ông dậy đánh diêm mở cửa sổ ra coi, phải đánh 4 que diêm, vì bị gió tắt hoài. Nhìn ra ngoài chỉ thấy mặt biển tối mờ - mịt, sóng đánh nhẹ-nhàng vào bờ. Gió lạnh. Thi-sĩ đóng cửa sổ, vào giường nằm thì thấy trên vách tường giữa hai cửa sổ có ánh lửa lập-lòe của bốn que diêm của ông đã tắt từ nay, giờ bỗng bùng lên cháy ròn-ròn, xanh-xanh...

Một lúc sau, ngọn lửa ma tắt biến. Victor Hugo có lượm

4 que diêm ấy bỗng cất trong
một phong bì để làm kỷ niệm.
Hiện nay, phong bì với 4 que
diêm « ma » của Victor Hugo
vẫn còn, trong Collection các
vật kỷ niệm của Victor Hugo
ở nhà bà Langlois — Berthelot

Đêm 24-3-1854, 3 giờ sáng
Victor Hugo thấy rõ hồn ma
xuất hiện như thế, thì hai ngày
sau, 26-3-1854, nhà Thi-sĩ có
viết mấy câu thơ lạ lùng sau
đây :

*L'ombre emplit la maison de ses
sonstilles funèbres.
Il est nuit. Tout se tait. Les for-
mes des ténèbres
Vont et viennent autour des endor-
mis géants
Pendant que je deviens une chose,
je sens
Les choses près de moi qui deviennent
des êtres
Mon mur est une face et voit, mes
deux fenêtres
Blèmes sur le ciel gris, me regardent dormir.*

Xin tạm dịch :

Bóng ngập đầy nhà, gió thổi âm-u.
Đêm khuya. Im lặng. Hình bóng
tối mù.
Phản phác qua lại quanh người
ngủ mê,

Tôi thành như vật, hồn phách u-
Vật đến gần tôi, vật thành như
người,
Vách tường như một gương mặt
u-ám
Cửa sổ xanh dòn trên vòm trời
xám,
Tôi thím-thíp ngủ, trồ mắt nhìn
tôi.



Đêm 10-12-1854, Victor Hu-
go cầu Cơ gọi hồn nhà Bác-học
GALILÉE để hỏi : « Trên sao
Thổ-tinh (Saturne) có người ở
hay không ? » Galilée không trả
lời, nhưng có một Linh-Hồn vô
danh về viết 4 câu thơ sau đây :
*Rentre dans ton silence et souffle-
tes chandelles
Rentre dans cette nuit dont quel-
quefois tu sors,
L'œil vivant ne lit pas les choses
éternelles.
Par dessus l'épaule des morts.*

Xin tạm dịch :

Hãy trở về Im-lặng, hãy thôi tắt
ngọn đèn.
Hãy trở về đêm thăm triền miên
Mắt trần không đọc được những
sự vật vô biêu,
Qua những hồn linh ào huyễn.
Ai đã đọc kỹ quyển Thơ vỹ

đại *La Légende des siècles* của Victor Hugo, chắc đã tìm thấy trong nhiều bài thơ lạ lùng, nguồn cảm hứng vô cùng mãnh liệt mà nhà Thi hào đã tìm trong Thế giới huyền ảo u minh, Thế giới của Dante, của Shakespeare, của Gœthe...



Thuật lại các đêm cầu Cơ của Thi sĩ Victor Hugo, theo các sách dẫn chứng như tôi đã kể :

— *Crise mystique de Victor Hugo* của MAURICE LEVAL-LANT

— *Les tables tournantes de Jersey* của GUSTAVE SIMON

— Những biên bản còn ghi lại rõ ràng để làm tài liệu, về các đêm cầu Cơ ở nhà Victor Hugo trên đảo Jersey.

— Những bài trong báo *Le Figaro, Revue de Paris* (HENRI GUILLEMIN) *Les Années* (JEAN MISTLET) v.v...

— Những vật kỷ niệm của bà LANGLOIS BERTHELOT, của ông SERGENT (người giữ bảo tàng viện của Victor Hugo) v.v..

Chúng tôi có hai điều nhận xét sau đây :

1.— Nói đến những oan hồn

hay chơi nghịch về phá Cơ như trong đòn Cơ của Victor Hugo, (thường thường đòn Cơ nào cũng gặp trường hợp này,) chúng tôi đã có lần ngời dự một buổi cầu Cơ ở xóm Nguyễn tri Phương gần Phú Thọ, vào dịp Rằm tháng Bảy, bỗng dung Cơ chuyển - động rồi xung tên là Ba Thẹo.

Hỏi : — Ba Thẹo là ai vậy ?

Cơ : — Là tôi.

— Tôi là ai ?

— Tôi là tôi, chó ai.

— « Tôi là tôi » là ai, mới được chó ?

— Tôi là ông Cọp.

— Ông Cọp nào ?

— Cọp... Cọp... Cọp...

— Cọp-cọp-cọp là gì ?

— Hù ! Hù ! Hù !

Rồi hồn ma biến mất. Chúng tôi cũng cười rồ lên, chẳng hiểu gì cả.

Biết là có hồn anh « Ba Thẹo » nào đó đến phá, sau nhiều lần tôi lại gọi hồn anh ta, nhưng anh không hiện về nữa. Cũng đêm ấy, có một cô, xung tên là Kim - Oanh, hiện về cho biết: cô là con mồ-côi, bị lính Maroc bắt chết ở đầu cầu Thị - Nghè, đêm 14 tháng 10

năm 1946, rồi quăng xác xuống sông. Cô chậm rãi kể chuyện với những lời rất thảm - thiết bi-ai, chúng tôi bốn năm người nghe chung quanh bàn Cơ, nghe cô đều úa nước mắt, khóc.

Vong hồn cô Kim - Oanh kể chuyện xong rồi, có người hỏi:

— Hiện giờ cô còn bà con họ hàng gì ở Saigon không?

— Còn bà dì ở Thị - Nghè. Bà đã lấy chồng khác rồi.

— Hồi cô chết, cô mấy tuổi?

— 18.

— Cô có đi học không?

— Trường Dakao.

— Cô có đẹp không?

Kim Oanh không trả lời, Cơ chỉ nhúc nhích vài cái, rồi đứng im luôn. Oan hồn Kim Oanh đã biến đi, sau không bao giờ hiện về nữa.



2.— Theo như nhà Bá học GALILÉE, (chết năm 1642, người đã quả quyết lần đầu tiên trong lịch sử khoa học rằng trái đất tròn và xoay chung quanh mặt trời, và bị tòa án La Mã kết tội chết) không trả lời cho Thi sĩ Victor Hugo biết là ở trên Thủ Tinh (Saturne) có người ở hay không, mà chỉ nói 4 câu thơ huyền bí, thì chúng tôi có cảm tưởng rằng không

bao giờ loài người, dù khoa học tiến đến bực nào chăng nữa, sẽ có thể hiểu thấu được hết những huyền-vi của tạo hóa. Có thể phóng hỏa tiễn và vệ tinh nhân tạo lên trăng, có thể tính toán được những con số liên quan trong một phạm vi nhỏ hẹp của Thái dương hệ mà thôi, (nhỏ như năm mươi hột cát trên bãi sa-mạc thăm-thẳm của Vũ trụ bao-la chi-chít hàng triệu-miệusinh - tú !) nhưng Huyền-Cơ của Thượng - đế vô tận vô-biên, trí-óc khoa-học của loài người dù thấy mình tiến bộ đến đâu đi nữa, cũng không nên tự - phụ rằng đã thắng được khoa-học của Trời.

Trí - óc sáng - suốt của loài người chẳng qua như ánh sáng của ngọn nến đổi với hào-quang thiêng liêng của Thượng-Đế. Cho nên nhà Bá - học GALILÉE đã hiện hồn về, bảo với nhà Tho Victor Hugo :

Rentre dans ton silence et souffle tes chandelles

Rentre dans cette nuit dont quelques fois tu sors...

Bài học đẹp đẽ biết bao cho loài người kiêu - căng ngạo nghẽ !

TÂN-PHONG

Vài nhận xét về Văn-Hóa và

Văn - tự Nhựt - Bồn

* Tsuyoshi SUGIYAMA

Cử-nhan Văn-chương, Giáo-sư

Đại - học Osaka (Nhựt - Bồn)

(Coi P.T. số trước).

TÌNH IÉNG Nhật đã tự bắt buộc phải nhập-tịch nhiều tiếng ngoại - quốc, để cho ngự-vọng của mình được dồi - dào phong-phú thêm.

Tôi đã nói tiếng Hán-tự chiếm 40 %/o tòng số tiếng nói của Nhật, nhưng từ sau Thế - chiến thứ hai, chúng tôi chỉ còn lựa lấy 1850 chữ để đủ dùng hằng ngày.

Ngoài ra, còn những tiếng ngoại quốc khác nữa. Hàng ngày chúng tôi dùng bao nhiêu tiếng mượn của ngoại quốc ? Thật là ngoài sự tưởng - tượng của chúng tôi ! Tiếng Anh và tiếng Mỹ thì quá nhiều, không thể nào kể hết được nơi đây, chúng ta hãy thử kể những tiếng

Pháp mà thôi : cũng đã vô số, như :

Après - guerre, avant - garde, avec, bons sens, bohémien, café, chic, communiqué, concours, conte, esprit, fiancé (e) matinée, madame, monsieur, mode, petit bourgeois, raison d'être, renaissance, rendez - vous, reportage, restaurant, rococo, romanesque, rouge, silhouette, soleil, v.v...

Đó là kè sờ một số chữ Pháp hiện đang được thông - dụng trong tiếng Nhật, mà hình như dân - chúng thích dùng những tiếng mới ấy, và chính là các nhà Báo, các ký-giả lại ưa dùng, khuyến - khích và phô-biến cái khuynh-hướng ấy. Nói tóm lại, tiếng Nhật ngày nay thật là vô

cùng lộn-xộn.

Nói về văn-hóa cũng thế.

Tôi xin kề một thí - dụ : trường hợp của NATUME SOSEKI, một trong số các nhà Văn danh tiếng nhất của Nhật bồn hiện đại.

Natume Soseki sinh năm 1867 và chết năm 1916, tốt nghiệp Đại-học-đường Tokyo, nơi đây ông chuyên học về Anh - văn. Năm 1900, ông sang Anh-quốc để học thêm ba năm nữa. Về Nhựt, ông được bồ làm giáo-sư tại trường Đại-học Tokyo. Ông bắt đầu tham-gia Văn-nghệ, xuất bản một quyển sách hài - hước mỉa-mai, nhan đề : « Tôi là một con Mèo ». Kế tiếp, ông xuất bản chín mươi quyển tiểu-thuyết cùng một chủ-dịch : để cập đến các vấn-dề do sự thâm-nhập của Văn-hóa Âu-Tây gây ra cho các giới Trí - Thức và Thanh - niên Nhật.

Ông thành-thực nhận xét rằng không thè nào học theo Văn-hóa Âu-Tây một cách hấp-tấp sơ-sài mà thấu triệt đầy đủ được. Nói về công cuộc duy - tân của thời Minh - Trị, ông cho rằng

không khắc nào con ếch mà muốn nuốt một con bò. Tại vì Nhật - Bồn cố rán bắt chước mau lẹ tất cả cuộc sống tiến triển của Âu-Châu để khỏi bị thua sút cho nên nước Nhựt mới bị lâm vào tình trạng dở dang kia.

Văn-hóa Âu-Tây là kết quả của một cố gắng xây dựng kiên nhẫn từ lâu đời, thì nước Nhựt làm sao vượt theo cho kịp một trình độ ngang - hàng trong một thời gian quá ngắn ngủi. Thành thử nước Nhựt chúng tôi không khắc nào một người khoe khoang mặc chiếc áo « khính ». (Áo mượn của người khác).

Tình trạng các nhà trí thức của Nhựt-bồn dưới thời Minh-Trị, như nhận xét vừa rồi, là đề tài nồng cốt của các tiểu-thuyết của NATUME S O S E K I . Nếu người ta muốn sống chỉ trong khoảng mươi năm thôi mà đầy đủ tất cả những kinh nghiệm 100 năm của đời sống của kẻ khác, thì ít nhất mình phải có một sinh lực 10 lần mãnh liệt hơn người kia : nhưng chuyện đó thật là khó được lầm. Dù mình có thắng được vẻ vang cuộc thử thách kia chẳng nữa thì mình cũng sẽ bị kiệt lực, nếu không cuồng loạn

tinh thần. Đè khỏi lâm vào tai nạn ấy, mình phải trốn tránh trong một sự gian dối về trí thứ c và sự giả dối văn hóa ấy chỉ gây thêm sự thiếu thành thật về tinh thần và đạo đức. Đó là vấn đề trọng đại mà nhà văn Natsume Soseki đã nêu ra trong các tác phẩm của ông.

Tóm lại, ông chỉ trích tính tự phụ tự ái của lớp người trí thức của thời đại. Họ tự cho rằng họ là những kẻ dùi dắt cả thế hệ, nhưng sự thật họ chỉ là những kẻ già dối, loè loẹt như con công mà thôi.

Cái rỗng tuếch về trí thức mà tôi vừa phân tách, căn cứ trên các tác phẩm của Natsume Soseki, là một chứng bệnh của thời đại mà nước Nhật không sao tránh được. Sự ham muốn sống theo mức tân tiến hiện nay huộc chúng tôi phải áp dụng hắp tiếp văn hóa Âu tây, cho nên chúng tôi không có thì giờ để suy nghĩ.

Tôi đã nói rằng người Nhật (tôi kề cả tôi nữa) không có thật giỏi tiếng ngoại-quốc. Lý do chính là vì ở Nhật chúng tôi ít có được cơ-hội rèn luyện thêm về ngôn- ngữ ngoại-quốc.

Việc đó kẽ cũng hơi lợ, nhưng

sự thật hiện nay ở các ĐẠI-HỌC-
đường danh-tiếng nhất của Nhật
vẫn còn một số Giáo-sư Nhật
thật giỏi về ngoại ngữ và văn-
chương ngoại - quốc hoặc Anh-
ngữ, hoặc Pháp-ngữ, nhưng nói
ngoại-ngữ thì lại rất kém.

Cuộc chiến bại năm 1945 của nước Nhật - bồn là một kinh-nghiệm thật chưa chua chát cho chúng tôi. Nhưng đó cũng là một bài học đắt cho chúng tôi suy-nghiệm về lịch-sử nước Nhật hiện đại. Đặc-tính của hiện đại Nhật-Bồn chính là cái rỗng-không trí-thức mà nhà Văn Natsume Soseki đã nhận xét, và hiện còn là một vấn-dề chưa giải-quyet được. Đành rằng Nhật-Bản hiện nay là một nước phát-triển toàn-diện theo Âu-hoa, nhưng mặc dù vậy nó vẫn còn là một nước có tính-chất Á-dông.

Một nhà phê-bình hiện đại của nước Nhật đã tả rõ tình-trạng đó như sau đây: người Nhật hiện nay giống như những bụi cỏ không có rễ. Một mặt thì bị văn-minh Âu-Tây đe-dọa, nếu muốn tự cứu lấy mình thì phải hấp-thụ cái văn-minh ưu-thắng ấy. Nhưng vì hấp-thụ với-vàng quá nên chỉ

thừa hưởng được lớp vỏ ngoài mà thôi, chứ chưa thấm nhuần được cái nội-dung tinh-túy của nó. Một mặt thì không có thì giờ quay về học hỏi văn-hóa cõi-truyền của nước mình. Vì vậy mà nhà phê-bình kia nhận xét rất đúng rằng người Nhật hiện thời giống như bụi cỏ không có rễ, về hai phương diện.

Về văn-hóa, hiện nay ở nước Nhật mỗi tháng có hàng ngàn quyển sách mới xuất bản, và được dân chúng mua đọc. Hầu hết các tác phẩm của Anh, Mỹ, Pháp, Đức, Ý v.v... đều đã được dịch ra tiếng Nhật. Cho nên có thể nói rằng người Nhật hiện nay được đọc bằng tiếng Nhật bất cứ một quyển sách ngoại ngữ nào mới xuất bản ở Âu Mỹ. Đó là một việc rất tốt đẹp. Nhưng, theo như nhà văn Natsume Soseki đã

nói, đọc sách dịch của Âu Mỹ mà không thấu triệt được văn-hóa tinh-túy của Âu Mỹ thì cũng như mặc chiếc áo khinh-mượn của người ta mà thôi. Chúng ta không nên phạm lại cái lỗi lầm cũ, như bài học của cuộc chiến bại vừa rồi.

Tuy nhiên, ở hậu bán Thế-kỷ XX này, chắc chắn rằng một người cũng như một dân tộc không thể nào sống cô độc được. Chúng ta sống giữa những cuộc tiếp xúc quốc tế với muôn hình hình thức. Vậy chúng ta không hề tránh được ảnh hưởng của ngoại bang.

Cho nên, tôi tin rằng dù sao đi nữa tương lai của nước Nhật bồn cũng sẽ có một văn-hóa mới, thực hiện sự tòng hợp của hai văn-hóa Đông và Tây.

T.SUGIYAMA



* DANH NGÔN

La faiblesse de la force est de ne croire qu'à la force.

(Cái nhược điểm của sức mạnh là chỉ tin nơi sức mạnh)

PAUL VALÉRY
(Văn-sĩ Pháp)

TRUYỀN NGHỆ

Những con mèo

HOANG Phuong-Anh

RA khôi ngõ, hắn dừng
lại nhìn xuôi ngược.
Đường trưa, vắng khách
đi. Hàng quán đóng cửa, mỗi
một ngủ dưới nắng. Hắn ngáp
dài, uốn lưng mấy cái cho
xương sống dần ra.

Đứng im như thế lâu lăm, hắn
đưa mắt nhìn như chờ đợi. Ròng
hắn ngã xế trên thềm xi-măng.
Vài chiếc xe chạy vụt qua rồi
mắt hắn ở cuối đường.

Từ xa, dắt kia phố đi lại
một gã cũng trạc tuổi hắn. Đầu
cạo trọc nhẵn thín. Đói cho gã
kia đến bên, hắn hất hàm hỏi :

— Thế nào ? Đói quá rồi ! Đì
ăn được chưa ? Tao đợi mày
gần hai tiếng đồng hồ, sốt ruột.
Đã hơn một giờ rồi còn gì nữa !

Gã kia mặt mày tiu-nghiu,

buông thông :

— Cò được đồng nào đâu !

Hắn eau có :

— Từng ấy thằng mà không
thằng nào có lấy được dăm mươi
đồng. Tao nhìn cõi đã hai
ngày, gần nhẵn răng rồi đây.
Mẹ nó ! Cõi tiền cứ lo nhảy với
nhốt, hết có nghĩ gì đến tao.

Hắn lấy tay xoa lên cái bụng
lép-xẹp. Đầu nghiêng về phía
trước, hắn thát thểu đi vào.
Được mấy bước, hắn quay đầu
lại :

— Nay ! Thạch ! — tên gã trọc
đầu — cho tao một điều bao
xanh ! Đói sao mà đòi cõi lân
cả đói thuốc.

Gã trọc đầu chớp chớp đôi
mắt buồn thiu, uể oải lắc đầu.
Hắn thát vọng thở dài, nuốt nước
miếng qua khòi cái cổ khò

NHỮNG CON MÈO HOANG :

như lừa dốt. Hắn nghe nóng ran ở đầu và trước mắt lốm đốm những sao trưa. Cho tay vào túi quần, hắn lững-thờng di luồn trong ngõ vắng. Đầu lắc lư, dựng ngược mấy chòm tóc phất phơ.



Hắn tên là Lộc, ngoài hai mươi tuổi thôi. Dáng gầy đét như con mồi. Còn ngực, dung là ngực «ô-mê-ga».

Hơn ba tháng nay, hắn đến ở trên cǎn gác trong ngõ hẻm của khu Bàn Cờ này. Lối sống của hắn khác hẳn mọi người. Ban ngày thì hắn ngủ, ngủ quên cả ăn. Ban đêm hắn lại thức, thức để làm phiền thiêu hạ. Hắn không đi học, cũng không làm một công việc gì giữa độ thành giànhsống này, thế hắn vẫn sống và bạn bè thì vò kẽ. Bạn hắn đều hang người, chửa xe đạp có, sinh viên có, phu xích-lô có, thợ hớt tóc có, sĩ-quan có, công tư có, vô nghề nghiệp có và cả bọn lưu manh «cao bồi cóc cắn» nữa. Nhưng phần lớn là bọn quỉ sứ, nửa người, nửa ngợm có mặt thường - trực làm náo động cái khu phố này.

Lúc ban đầu, đến ở chỉ trọt-trại mình hắn. Được mấy hôm thì tấp nập những bạn-bè, hết tốp này sang tốp khác, cả ngày lẫn đêm. Tiếng xe gắn máy, vespa và cả xe hơi nổ liên-miên

không ai ngủ được. Nhìn trước cửa, dưới cǎn gác hắn ở, xe đậu có dọc, chồng chất san sát, người ta ngồi hiệu buôn xe đạp hay hơn thế nữa — nơi gửi xe trước cửa rạp xi-nê nào.

Thỉnh thoảng vài đêm, chập tối người ta thấy vắng hoe nhưng độ mườn giờ đêm thì bọn hắn kéo ở đầu về một lũ. Kém theo vài tà áo hồng, áo xanh tươi như hoa, xinh như mộng. Cô thì vũ nữ, cô thì học sinh, cô thi công tư chức, cô thi di ở mướn, cô thi di bán hàng rong. Đủ cả, gần như không thiếu một hạng nào.

Vào những đêm như thế thì cái tó quỉ của hắn ngầu xị, cǎi lên. Tiếng hò hét, cười đùa, tiếng giày dép, bàn ghế khua nhau chan chát đến bung tai nhức óc. Rồi cái tó quỉ ấy bắt đầu trở thành cái hộp đêm, đàn hát, nhảy nhót rộn ràng. Mỗi cho đến hai ba giờ khuya bảy quỉ sứ tan dần chỉ còn lại độ dăm tên với mấy «đào» thay phiên nhau chuyện trò, làm việc cho đến sáng.

Thực là loạn! Tối tăm mặt mũi! Người ta không hiểu ra làm sao cả. Lúc ban đầu bà con chung quanh còn nói, rầy-rà, phàn-nàn, gọi cảnh sát, sau nói mãi không ăn thua gì lại bị chúng hành hung, loạn thêm để chọc nên người ta thôi, làm ngơ trước cảnh trái tai gai mắt.

NHỮNG CON MÈO HOANG

Từ đó, cái tò quí tha hồ tung hoành, tác quái.

Trưa nay ngủ dậy, đã 12 giờ, hắn cảm thấy đói ghê gớm vì trọn ngày hôm qua hắn có ăn cơm đâu. Cảnh nào chử cảnh ấy đối với hắn là thường. Bởi thế, hắn lôi một tén trọc đầu dày bảo di xin tiền mày thằng bạn quỉ sứ khác để ăn cơm.

Sau khi gã trọc đầu trơ mặt đưa ma trả lời xuôi xị, hắn buồn ghê lắm. Hắn lùi thui trở về cái tò quí, trong đầu nghe như có một đám tang đã đi qua.

Lên gác, hắn ngã xuống giường, nhắm mắt nằm im thin thin. Böyle quí đã thức dậy từ lâu. Một tén mặt dày nhũng theo đến ngồi xuống bên hắn :

— Nay Lộc ! Tui tao kéo nhau đi thanh toán vụ này. Tối đến cho mày biết kết quả. À ! Cái radio « chài » được hôm tuần trước đã « cho di » chưa ?

Hắn thở dài, trả lời li-nhi :

— Còn dè ở nhà thằng Lâm. Tao mệt quá rồi !

— Vậy tao đến lấy giao cho khách hàng. Tiền nong thanh toán sau.

Hắn lờ-lững gật đầu.

Bọn quỉ kéo ra khỏi cửa. Chúng đi sầm-sập xuống thang gác. Hắn chỗi dậy, đóng cửa, miệng làm bầm :

— Lai « choảng » nhau, hùt Mẹ kiếp !

Xong, hắn quay lưng tựa vào cửa đưa mắt quan sát khắp căn gác. Sao mà trống trại, lặng-lẽ điu-biu quá. Ngoài chiếc giường to-trưởng và cái bàn con xiêu vẹo với hai chiếc ghế thấp do bà chủ nhà cho mượn, gia tài hắn có còn gì nữa đâu. Quần áo, chỉ một bộ mặc trong người.

Một mối buồn rười rượi kéo đến với hắn. Nuốt nước bọt, hắn lắng nghe cơn đói dang lên. Có tiếng chân bước nhẹ lên thang gác, hắn chẳng buồn nhìn, mũi suy nghĩ đâu đâu. Tiếng chân dừng lại ở cửa.

— Anh Lộc ơi ! Anh Lộc !

Theo sau đó, mấy tiếng gỗ cửa rất sè. Mắt hắn sáng lên. Dũng là tiếng Thu rồi, ý-trung-nhân của hắn. Hắn nhích thân ra khỏi cánh cửa. Một làn ánh sáng soi vào căn gác âm u. Thu đứng ở cửa, giữa vùng ánh sáng, lóng lẫy như một nàng tiên. Hắn mừng rỡ ra mặt, nhủ thầm :

— Không hẹn, mà nàng đến đúng lúc quá. Nàng đến đưa tiền cho mình đây. Cứu tinh của mình đã đến rồi !

Hắn vui-vẻ :

— Em từ nhà đến à ? Có nóng lắm không em ? Trời trưa, nắng to như thế này, em đến thực tội cho em tôi quá !

NHỮNG CON MÈO HOANG

Nàng khẽ nhếch môi, trên mắt ló vẻ khó chịu :

— Vâng ! Cám ơn anh có lòng nghĩ đến !

Mắt hắn đứng lại. Nữ cười méo xệch đi. Hắn ngạc nhiên quá đỗi :

— Sao em hôm nay có cử chỉ lạ quá vậy em ? Anh có làm gì đâu mà em lại giận ? Vào nhà đi em, đứng mãi ở cửa sao tịt !

Thu đi vào ngồi xuống ở mép giường. Nàng mở « sac » lấy khăn tay chùm mây giọt mồ-hôi trên trán. Hắn đến ngồi kè bên, vuốt ve :

— Bà đầm giận gì anh ? Nói anh nghe đi ! Nào anh đã có lỗi gì...

Thu nheo mắt lại, cười nửu miệng :

— Chắc thế không ? Hừ ! Anh tốt quá nhỉ !

Hắn há hốc mồm ra nhìn Thu. Nàng không nhìn lại, thản nhiên nói một hơi dường từ trước giờ chưa bao giờ được nói. Nàng mở đầu đột-ngột như đã định sẵn :

— Từ lâu, từ ba năm trước, lúc mới yêu nhau, em thấy anh sao đẹp quá. Đẹp cả thể xác lẫn tâm hồn. Em sung sướng ghê. Lúc nào anh cũng chăm học và hiền hòa, nhã-nhặn đáng mến. Nhưng ngày nay thì...

Hắn khoa tay, định cất lời Thu. Nàng gạt tay hắn xuống :

Không ! Anh đừng em nói hết ý em đã. Em cũng nói thêm điều này để anh đừng làm là em yêu anh, chỉ yêu con người anh và tâm hồn anh thôi. Ngoài ra, không vì gia-dinh anh giàu có, sang trọng hay quyền thế gì đâu. Điều này đã chứng tỏ cho anh biết hơn năm nay, từ ngày anh nghỉ học, gia-dinh ruộng bỏ đến bây giờ. Em chưa bao giờ hối hận rằng đã yêu anh. Nhưng anh đã làm buồn em nhiều, đau khổ nhiều. Em hy-sinh vì anh, mong anh được vui sướng, rốt cục lại em chỉ hy-sinh một cách vô lối. Và để đến bù lại, anh đã phụ lòng mong mỏi của em.

Mặt nhăn nhó, hai bàn tay hắn bóp vào nhau kêu răng rắc. Hắn cúi thấp xuống, buồn thiu :

— Thu ! Anh biết lắm ! Em đã hy-sinh nhiều cho anh. Em không khinh anh nghèo, trái lại ngoài giờ học em phải đi làm thêm để có tiền nuôi anh trong lúc gia-dinh anh chẳng cho anh một xu nào. Anh khỏe sở và nhục nhã lắm chứ. Bởi thế, anh cố tìm việc làm, cố xứng đáng với tình em. Anh không biết rằng anh đã làm gì ! ..

— Anh còn chối nửu ư ? Em nghe người ta nói đầy tai. Mất ăn, mất ngủ vì xấu hổ. Cực lòng em không thể tả, anh có biết đâu !

Hắn cười, gật gù :

— Thôi rồi ! Mắc kẽ ly-gián

của người ta rồi. Đích thị, không sai !

Thu vẫn bình tĩnh, lạnh-lùng :

— Hứng hóng che dấu và qua mắt em. Em ngỡ là anh biết hận khi nghe em nói, trái lại anh còn tìm cách chối quanh. Ai thù oán gì anh mà dùng kế ly-gián. Cả khu phố này và Cảnh-sát cuộc dùng kế ly-gián vì ghen với anh a ? Anh trả lời đi ? Anh Lộc !

Hắn lặng thinh, băn - khoăn. Thu nói tiếp :

— Em mướn căn gác này để cho anh ở trong lúc anh chưa có công việc làm. Nghĩa là em yêu anh, lo lắng cho anh, săn sóc anh với sức của em, sao anh không nghĩ ? Anh biến căn gác này thành cái tò qui, thành một cái hộp đêm, tụ tập bọn bắt lương làm những điều phi-pháp, hèn hạ, nhơ nhuốc. Anh không sợ đau lòng em ? Tùi nhục cho em ?

Nàng lấy khăn lau đói mắt đỏ hoe :

— Có khi nào anh nhìn lại anh chua ? Thân xác anh ngày nay trông thảm hại làm sao ? Cử chỉ, lời nói, tâm hồn anh biểu hiện sự đọa lạc, xuống dốc đến tận cùng. Anh không còn là anh Lộc của ngày xưa. Ngày nay anh du дang, đẩm đá, ăn mặc lố-lăng, cử chỉ phách lối mỗi khi ra đường. Anh còn buôn lậu, chạy « áp phe », kết hợp với bọn lưu manh trộm cắp. Chưa đủ, đã

thế anh lại dẫn đĩ-điếc về đây nhảy nhót, chơi bài trác táng. Căn gác này còn là nơi hẹn hò, chơi bài của thiên hạ. Vì nó là chỗ chứa, chỗ tụ họp, mèo mõ của đủ hạng người. Anh còn chối nữa thôi ?

Mắt hắn tối sầm lại. Ý nghĩ xoay tiền Thu, tắt ngấm trong trí hắn. Tình-trạng thế này, còn mong gì nữa. Hắn thở dài. Thu đứng lên nhìn quanh một lúc đoạn bảo hắn :

— Đáng lẽ em biết việc này từ lúc anh mới ở ít lâu nhưng vì em không thi giờ rảnh đến đây thường, và lại em đến thường cũng không tiện. Thiên hạ dị - nghị, nói ra, nói vào em còn mặt mũi nào dám ngó ai. Bởi thế em có biết gì. Bây giờ em về. Anh nhớ đừng tìm em nữa, chỉ khi nào anh biết ăn-năn hối-hận, biết làm lại cuộc đời. Sự tin nhiệm và lòng tin đã chết & trong em. Anh nhớ nhá ! Em đã quyết định rồi, khi nào anh là Lộc của ngày xưa hãy đến tìm em.

Mặt hắn tái dần theo câu nói. Hắn không ngờ, sự thế có thể xảy đến như thế được.

Tiếng giày cao gót xuống thang gác nệm lên những tiếng khô-khan làm hắn đau buốt tận đáy tim. Hắn khóc. Lần đầu tiên hắn khóc vì Thu. Hắn vừa ném, nghe dư-vị đau xót của cuộc đời.



NHỮNG CON MÈO HOANG.

SAU khi Thu về đến giờ, hắn bỗng nhiên hết đói. Hắn nắm sải tay trên giường. Nước mắt tự-nhiên chảy không sao ngăn được. Đầu nặng như chì. Nhưng hắn không biết rõ mình buồn, khóc, đau khổ vì nguyên do nào nữa. Không phải hắn buồn vì sợ mất Thu hay là từ nay Thu không cung-cấp tiền cho hắn sống. Giận Thu, oán hờn Thu vì những lời nói ban trưa thì cũng có nhưng chưa phải là động cơ, nguyên nhân làm hắn buồn khổ. Là con trai, hắn đâu có yếu hèn đến mức ấy.

9 giờ hơn. Hắn vẫn nắm vùi không dậy nổi. Căn gác của hắn vẫn tối om om, không một tiếng động, không một chút ánh sáng. Đây là lần đầu tiên có sự khác thường này.

Có tiếng chạy sầm - sập lên thang gác, rồi đậm cửa vội vàng:

— Lộc ơi ! Lộc ! May có nhà không ? Mở cửa mau lên !

Tiếng đậm cửa càng to hơn, hắn miễn cưỡng ngồi dậy, mở cửa, bật đèn lên. Một tên tung vào như gió :

— Đ. mẹ ! Nguy đến nơi rồi !

Hắn vẫn đứng-dưng :

— Việc gì ?

— Vừa giao hàng, lấy tiền xong thì bị « chớp ». Tao nhanh chân thoát khỏi, tại nó bị bắt hết rồi. Không hiểu « chớp » thế mà chịu nổi không ? Khai dậy thì

tại mình... Xui-xẻo quá !

— Tao mõi mệt lắm rồi. Mặc k Biết đâu thế lại may !

Tên kia giương mắt, lấy làm lạ về thái độ của hắn. Chuyên sống chết, vẫn bình thản. Lạ thực ! Hắn không hỏi, nói thêm tiếng nào nữa, tiến đến bàn ngồi xuống, ôm lấy đầu. Tên kia lấy gói thuốc « con mèo » ra, chia cho hắn một điếu.

— Hút đi ! Rồi đi ăn cái đã !

Hắn đứng dậy, phi-phà khỏi thuốc lửng-thủng theo tên kia xuống thang gác. Vừa xuống đất, có mấy tên khác ngừng xe jeep ngoài đầu ngõ, vào đến nơi. Một tên mặc áo rằn-ri, đầu chải « mõ-vít » tém sát, vỗ vai hắn thi-thầm :

— Nay cậu ! Chúc nứa cậu tản-cu-hộ, mình có hẹn « đào » đến đây. Cậu vui lòng cho mượn căn gác nhé ! Mười hai giờ, mình « chuồn » đem nàng trả lại cho ông via, bà via. Bây giờ mình đưa đào đi chơi, chốc trở lại.

Hắn uể-oải, chép miệng.

— Ủ ! Chốc nứa trở lại hắn hay.

Mấy tên kia vội vã kéo nhau ra xe. Trên xe có một nàng tiên tha thuỷt, kiều diễm đợi chờ. Hắn ra sau, sang bên kia đường vào quán phở.

Ăn xong, hắn về thì căn gác đã đầy người. Bầy quỉ sứ khi trưa tụ họp lại. Đứa sưng mặt, đứa hip mắt, đứa máu me vẩy cả trên áo.

— Đ. mẹ ! Tụi nó đông quá, lại

NHỮNG CON MÈO HOANG

thêm có mấy con đào thị chiến.
Hôm nào tao rinh chém bỏ mẹ!
Một tên trong bọn nói.

Cùng lúc ấy ở phía sau vang
lên một tiếng động mạnh, chát
tai, rung rinh căn gác. Một tên
chạy vào, ném một con mèo vàng
rất to xuống sàn gác :

— Tao vừa đậm được con mèo
đây. Mập quá. Nhậu nghe!

Cả bọn nhao nhao xúm xít vây
lấy con mèo. Hắn không nói gì,
lại đầu giường lôi ra một xấp
giấy trắng, đèn ngồi ở bàn. Hắn
ngồi đến mấy con mèo hoang ở
khu phố này đi ăn vụng, kêu la
sáng đêm. Đó là mèo hoang hắn
chúng phá-phách và đói lảm.

Suy nghĩ một lúc lâu, cẩn gần
đèp cái nắp viết nguyên-tử, hắn
mới cúi xuống viết một mạch.
Thì ra hắn viết thư cho anh hắn.

Saigon 7 Janv. 196..

«Thưa anh,

«Đến nay, đã hơn sáu tháng em
không dám về nhà thăm anh
chị và các cháu. Em cũng không
viết thư cho anh. Từ cái hôm
anh tổ chức buổi tiệc gia-dinh
mừng được vinh thăng đại tá,
anh cầm em bước chân về già.
đã đến nay, em sống một cuộc
đời hết sức sa-đọa và tủi-nhục.

« Hôm nay, em viết thư về anh
để ta tội và cầu xin anh chị
tha lỗi cho. Em thấy rằng dù
em có đậm đầu lạy muôn nghìn

lại cũng không sao đèn bù
được tội lỗi ấy.

« Lòng em đau lắm. Em đã khóc
nhiều cho thân thể và con
người xấu xa đê-tiện của em.
« Trời! Có tủi nhục cho em
chưa. Khi trưa, em nằm mơ
thấy ba hiện về đứng trước mặt
em rưng rưng nước mắt. Ba
cầm gậy nhịp nhịp trên đầu
em mà không nói.»

Cầu thang gác lại rung rinh,
rồi một cái đầu thò vào, gọi hắn:

— Lộc! Lộc! Ra tao bảo cái
này.

Hắn ngừng viết, ngang đầu
lên. Tên kia tiến vào nói khẽ
bên tai hắn:

— Hôm nay có bạc đây! Đi
«Văn Cảnh» nhảy một mạch rồi
đi chơi. Có đào phụ họa. Xe
còn đậu ngoài ngõ chờ cậu đấy!

Hắn do dự một lúc đoạn...
lắc đầu :

— Thôi! Tui may di di! Từ
nay tao xin thôi.

Tên kia đứng im lặng, nhìn
hắn dò xét. Hôm nay cũng là
lần đầu tiên hắn từ chối những
cái hàn thèm thường.

Lại có tiếng chân bước lên
thang gác. Hắn nhanh mày tỏ vẻ
khó chịu. Bỗng nhiên hắn nhận
ra căn gác hắn ôn-ào náo-nhiệt,
hồn đòn một cách la lùng. À!
Thì ra tên mặc áo rắn-ri khi nãy
trở lại vừa bước qua cửa.

NHỮNG CON MÈO HOANG

Hắn đứng dậy, nhìn chung quanh căn gác, suy nghĩ một lúc hắn bảo :

— Nay cậu xem, tại nó kéo tới nǎm la-liệt, ôn ào thế kia biết làm sao bây giờ. Không lẽ đuổi chúng đi. Đấy, chúng vừa định làm thịt con mèo hoang đập chết còn bỏ đấy.

Cả bọn đang bàn tán, chuyện ôm tôi lên đều ngừng lại, đưa mắt nhìn. Gã « rắn-ri », đứng tần ngần, phàn-vân. Hắn xoa tay, xếp lại bức thư viết dở cho vào túi áo. Trong đầu hắn, trống không bận nghĩ một điều gì. Nếu có, hắn chỉ nghĩ đến sự giải thoát, nghĩ đến những ánh mắt dịu hiền thương mến trong mờ.

Có tiếng người nói chuyện dưới đường lăn trong tiếng giày bước lạo-xạo. Hắn thoáng nghe một câu có vẻ lạ :

— Thưa ông, dịch thị là đây rồi ! Bọn tôi ở đây.

Hắn bước ra cửa, đứng dựa lang-cang nhìn xuống. Năm sáu nhân-viên cảnh-sát và hiến-binh đang hỏi mấy tên trong bầy quỉ của hắn. Tên nào tên nấy đều được còng lại tử tế. Hắn đã biết chuyện gì sẽ xảy ra rồi. Tự dung, hắn mỉm cười quay vào đứng trước cửa :

— Thế là xong ! Các cậu đừng bắn-khoán ! Tôi đã lùm ra biện pháp ôn thỏa.

Hắn cười thành tiếng, vui vẻ :

— Lối giải-thoát với niềm vui và thỏa mãn.

Cả bọn ngạc nhiên, tưởng hắn hóa diên, nín nhau trao đổi những cảm nghĩ lặng thầm. Tiếng chân nhịp lên thang gác, rõ mồn-một và đều đều. Ánh đèn neon in bóng hắn qua ngưỡng cửa lọt vào nền trời tối mènh-mông.

Hắn đợi chờ, mỉm cười trong thỏa-mãm.

Nếu quyền ở tôi, tôi sẽ gieo rắc sách khắp mặt đất như người ta gieo lúa trong luống cày.

HORACE MANN

PHÂN VÂN...)

Chiều Xuân ấy tôi đi chiều gió loạn,
Trên đường đi xác lá quyện chân tôi,
Tôi vẫn đi, mắt ngó chốn xa vời...
Lòng héo hắt. Xa nhà chân vẫn bước II



Chân vẫn bước bấp bênh trên đường lá,
Ánh nắng chiều nhàn nhạt động trên vai
Tôi vẫn đi, biến biệt ở ngày mai...
Trên cành héo lá vàng rơi lặng lẽ III



Gió chiều, chim kêu đầy quanh quẽ.
Nhìn con đường lầm lũi đêm bước chân;
Một con én lạc mẹ dang bâng khuâng,
Kêu ríu rít, đường nào là tờ ấm?

ĐOÀN-MINH-HẢI

Chuyện cũ người xưa

Không Minh

* NG-QUANG-LỤC.

(Tiếp theo P. T. số 29)

NGHỆ THÔNG TIN QUỐC GIA

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

VĂN HÓA - KHOA HỌC



NHẤT Lại, hồi bấy giờ, khi Chư Cát Lượng đến Đông Ngò vào yết kiến Tôn Quyền, thì Lượng bảo Quyền rằng :

— Nay khắp nơi đại loạn, tướng quân khởi binh đã chiếm được Giang-Đông, Lưu-Dụ-Châu, cũng thu quân ở Hán-Nam, cùng Tào Tháo tranh thiên hạ. Nay Tháo đã bình định được nhiều bọn đối cự, vừa rồi lại phá Kinh Châu, uy danh chấn động bốn bề. Người anh hùng đều không còn nơi dụng võ. Vì vậy Lưu Dụ Châu phải chạy.

Ngày nay xin tướng quân tự lượng sức mình mà xử đối. Vì chẳng có thể lấy quân Ngò Việt cùng quân Trung Quốc tranh thắng thì làm đi. Bằng

không thể được thì liệu sớm sớm thôi đi.

Nếu không thể cự địch được sao không áu binh thúc giáp, ngoanh mặt về phương Bắc mà thở. Nay tướng quân ngoài mặt thì lấy danh nghĩa phục tùng trong lòng thì mưu kế trù trừ do dự. Việc đã gấp lầm rồi mà không quyết đoán ngay đi thì tai họa đến đó.

Tôn Quyền nói :

— Cứ lời tiên-sinh nói, sao Lưu Dụ Châu lại không hàng Thảo ?

Lượng nói :

— Dụ-Châu không hàng Thảo khác gì tráng sĩ Diêu-Hoành nước Tề. Đó là một lòng thủ nghĩa không chịu nhục. Huống chi Dụ-Châu là dòng dõi Vương thất nhà Hán, là bậc anh tài cai thế, bọn sĩ-phu ngưỡng mộ theo về như nước chảy ra bể lớn. Nếu việc chẳng thành cũng là tự lòng trời. Há chịu ở dưới người sao ?

Quyền bỗng nhiên nói :

— Vậy thì ta cũng không thể để cho mười vạn dân Đông-Ngò phải đặt dưới quyền kềm chế của người được. Ta đã quyết kế rồi. Không có Lưu-Dụ-Châu, ai đương nổi Tào-Tháo. Nay Dụ-Châu mới thất bại thì thử hỏi còn kháng cự làm sao được nữa.

Lượng đáp :

— Dụ-Châu tuy vừa thua quân ở Trường-Bản, nay thu thập chiến sĩ cùng thủy quân của Quan Vũ cũng được vạn tinh giáp. Lưu-Kỳ họp chiến sĩ Giang-Hà cũng không dưới một vạn. Quân Tào-Tháo ở phương xa đến đã mỏi mệt lắm rồi. Tôi nghe nói khi đuổi Dụ-Châu ban ngày, Thảo lấy quân khinh kỵ truy nã gắt gao cấp tốc, một ngày một đêm đi tới hơn ba trăm dặm. Thế tức là cái nỗi cõng dương đã hết sicc mà bắn cũng đã hết đạn ; bây giờ cái sức còn lại không đủ đâm thủng được cái lò mong manh trên tảng ván mỏng. Bình Pháp lấy điều ấy làm tối kỵ. Bình Pháp nói :

— Dùng binh cấp tốc như vậy, thế nào cũng què thượng tướng.

Vẫn lại người phương Bắc không quen thủy chiến. Quân lính Kinh-Châu hàng Thảo vì bức bách chờ không cầm phục. Nay tướng quân một lòng phả giặc, ra mệnh lệnh cho mãnh tướng thống xuất mấy vạn quân, cùng Dụ-Châu đồng tâm hiệp lực phá Thảo tất thành công. Quân Thảo bị phá tất phải về Bắc. Như vậy, cái thế Kinh-Châu Ngò Việt lập thành có thể chia ba chân vạc vậy. Cái cơ thành bại là ở ngày nay.

“ Tôn Quyền nghe Không Minh nói cả mừng liền sai bọn Chu Du, Trịnh Phò, Lô Túc đem ba vạn thủy quân theo Tiên-Chủ

cùng Chư Cát Lượng gom sức
kháng cự Tào Tháo.

**Vào trận XÍCH BÍCH
Lưu-Bị với Chu Du**



Đây xin kè tóm tắt cuộc Đồng Minh giữa Quyền và Lượng theo « Tam Quốc Chí Diển nghĩa » kè lại để đọc giả so với chính truyện Chu-Du sau khi đã tiếp Không Minh, nhận thấy vượt hẳn tài minh, muôn kết nạp không được nên mạnh tay muỗn giết.

Chu Du cùng Tôn Quyền ra quân, mời Không Minh theo khai hội nghị, Du hỏi Không Minh :

— Xưa kia Tào Tháo binh ít,
Viên Thiệu binh nhiều mà

Tháo đã thắng Thiệu ấy là vì dùng mưu của Hứa-Du đốt lương ở Ô-Sào. Nay Tháo có tám mươi ba vạn mà quân ta chỉ có năm-sáu vạn, cự lại thế nào cho nổi. Nên tôi nghĩ trước hết hãy đốt lương Tào Tháo đi đã, nhiên-hậu mới có thể phả được. Nay tôi cho người thám thính biết rằng lương Tháo đẽ cả ở Thiết-Sơn. Tiên-Sinh ở Hán Thương đã lâu, thông tò địa lý nơi ấy, vậy đám phiền Tiên sinh cùng bọn quan Trường và Triệu Tử Long đem quân đến đó, riêng tôi xin giúp ngàn quân đẽ đến Thiết-Sơn đốt phá lương thực Tào Tháo.

Không Minh nhận lời ngay.

(Còn nữa)

Vừa rồi tòa án Mexico xử vụ anh ALFREDO SALAZAR GARCIA về tội cưỡng hiếp vợ. Nhưng tất cả 7 cô vợ (đều trẻ cả) ra trước vành móng ngựa đều đồng thanh yêu cầu quan Tòa tha cho chồng vì « anh ấy chỉ quên làm đơn xin ly-dị ». Mặc dầu vậy, tòa chiếu theo Luật phạt quanh 3 tháng tù, nhưng vẫn tö lời khen anh là « đã khôn khéo sắp đặt việc nhà đưọc trong ấm ngoài êm. »

những áng thơ hay

CẨN THIẾT

Không có anh lấy ai dưa em
di học về
lấy ai viết thư cho em mang
vào lớp học
ai lau nước mắt cho em ngồi
khóc
ai dưa em di chơi trong chiều
mưa
những lúc em cười trong
đêm khuỷa
lấy ai nhìn những đường
rặng em trắng
đôi mắt sáng là hành tinh lồng
lánh
lúc sương mù ai thở đầm
sương tan
ai cầm tay cho đỏ má hồng
em
ai thở nhẹ cho mây vào trong
tóc...

Không có anh nhỡ một mai em
khóc
anh thu buồn trong mắt sẽ
hao di
tóc sẽ dài thêm mờ tóc buồn
tho
Không có anh thì ai vè vuốt

*** THẨM-THỆ-HÀ**

Không có anh lấy ai cười
trong mắt
ai ngồi nghe em nói chuyện
thu phong
ai cầm tay mà đặt mùa xuân
nghe đường máu run như
cành lộc biếc
Không có anh nhỡ mai em
chết
thượng dẽ hỏi anh sao tóc em
buồn
sao tay gầy, sao dại mắt héo
hon...
anh sẽ phải cui đầu di về
địa ngục...

NGUYỄN - SA

Nguyễn Sa là một nhà mô phạm.
Nguyễn Sa lại là một nhà thơ.
Tác phong nhà mô phạm thì quá
ư đạo mạo mà tâm hồn nhà thơ
thì phóng-tung, đạt-dào, cởi-mở.
Cho nên khi thi-nhân sáng-tác,
chiếc áo nhà mô-phạm rơi xuống
cùng với những tín-diều luân-lý
nghiêm - khắc, và tâm-hồn thi-
nhân vươn lên cùng với những
tràng cảm hứng triền-miên. Và
ta sẽ không ngạc-nhiên tí nào khi

NHỮNG ÁNG THƠ HAY

nghe Nguyên-Sa thò-thè :

*Không có anh lấy ai đưa em
đi học về
lấy ai viết thư cho em mang vào
lớp học*

Có lẽ các học trò của giáo sư Nguyên - Sa Trần-Bích-Lan sẽ cười rúc - rich khi đọc những câu Thơ quá ư mùi-mẫn này của thầy mình. Các em cười, nhưng chắc - chắn các em sẽ sung - sướng khi thấy thi-nhân phản-ảnh đúng thị-hiểu của những tâm-hồn hoa mộng, những tâm-hồn tha-thiết với tình - cảm như người lữ-hành thèm-thuồng dòng nước ngọt bên ghềnh đá chơi-vơi...

Cô em cần người bạn đường để đưa em đi học, cần người viết thư để an-ủi, khích-lệ em. Nhưng vốn là một xuân - nử ngây-thơ, em lại hay nũng - nịu và giận-dỗi để cho người phải chiều mình và để cho lòng mình chan-hòa những cảm - tình triều-mến. Cho nên thi - nhân đã nói lên tiếng nói của lòng nàng :
*Ai lau nước mắt cho em ngồi khóc
ai đưa em đi chơi trong chiều mưa*

Cái hình ảnh của cô em ngồi

khóc đè cho người yêu lau lệ, thật là đẹp - đẽ biết bao ! Cái hình ảnh của cô em khép - nép bên người bạn đồng - hành dưới mái hiên vào một chiều mưa ủ-dot, thật là thi - vị biết bao ! Phải những kẻ có tâm-hồn thi-sĩ hoặc những tâm-hồn vừa nở mộng yêu - đương mới có những hành-dộng vừa trẻ con, vừa lạ-lùng và cũng vừa thơ - mộng ấy.

Thi-nhân càng thấy mình cần-thiết khi nghĩ đến :

*Những lúc em cười trong đêm khuya
lấy ai nhìn đường sang em
trắng
đôi mắt sáng là hành-tinh lóng-lánh
lúc sương mù ai thở để sương tan*

Nàng đẹp, mà người đẹp ai lại không muốn « người ta » thường - thức vẻ đẹp của mình, nhất người ấy lại là thi - nhân ? Vì thi-nhân bao giờ cũng nhìn vẻ đẹp khác với thiên - hạ : có người cho khoé mắt là hờ thu, có người cho khoé mắt là vũ-trụ... Riêng Nguyên Sa nhìn đôi mắt nàng như những hành - tinh lóng-lánh, mà hành - tinh ấy lại có lúc đầm sương mù... Hình

NHỮNG ÁNG THƠ HAY

anh thật là quái-dị và cưng thật
là đẹp như thơ !

Có cuộc yêu - đương nào chỉ
xây - dựng bằng cái nhìn và hơi thở ? Tình-yêu luôn luôn tiến-
triển qua những cử-chì âu-yếm,
dậm-dà, gieo vào lòng trinh-nữ
những cảm-giác khó quên để biến
thành những sự đỏi hỏi cần-
thiết :

ai cầm tay cho đỏ má hồng em
ai thở nhẹ cho mây vào trong
tóc
không có anh nhỡ mai em khóc
anh thu buồn trong mắt sê hao
di

Thi-sĩ có lúc thật thật - tế và
cũng có lúc thật mơ mộng. **Thật**
và mộng hòa-hợp để tạo cho
thi-sĩ và giai-nhân một vòng ảo-
giác khóa chặt cả hai tâm - hồn.
Làm thế nào biết được mối tóc
của nàng buồn ? Làm thế nào
hình-dung được (hay cảm - giác
được) mái tóc buồn như thơ ?
Nếu không phải là kẻ đang dâm-
chìm trong một ảo giác dịu-
hiền, chắc - chắn sẽ không thể
nào có được sự nhận - thức
và rung - cảm tế - nhị ấy.
Và nếu không có sự rung
cảm tế-nhị phối-hợp với một sự

tưởng tượng dồi-dào, thi-nhân
làm sao cảm-giác được minh dang
« *dắt mùa xuân* » và nghe được
« *đường máu run* như cành lộc
biếc » ?

tóc sê dài thêm mớ tóc buồn thơ
không có anh thì ai ve-vuốt
không có anh lấy ai cười trong
mắt
ai ngồi nghe em kè chuyện thu-
phong
ai cầm tay mà dắt mùa xuân
nghe đường máu run như cành
lộc biếc

Đã sống chung nhau trong một
vòng ảo-giác thì sự cần-thiết nào
phải riêng gì giai-nhân ? Thi-sĩ
cũng cảm thấy cần-thiết — sự
liên-đới cần-thiết đối với nhau.
Thiếu thi nhân, giai-nhân có thể
chết. Đến Thương-đế còn nhận
thấy tóc nàng buồn, tay nàng gầy,
đôi mắt nàng héo-hon..., chàng
làm sao khỏi hối hận cúi đầu di
về địa-ngục ?

không có anh nhỡ mai em chết
thương-đế hỏi anh sao tóc em
buồn
sao tay gầy, sao đôi mắt héo hon
anh sẽ phải cúi đầu di về địa-
ngục...



NHỮNG ÁNG THƠ HAY

Nhiều nhà phê-bình cho rằng : « *Nguyên - Sa là nhà thơ của yêu - đương* ». Tôi muốn thêm rằng : « *Nguyên - Sa là nhà thơ biết yêu - đương* ». Bởi Nguyên-Sa biết sống chân-thành và mảnh-liệt trong tình-yêu, biết rung-cảm những cái mà bao nhiêu người không biết rung-cảm, biết nâng tình-yêu lên đến Thượng - đế và đưa tình - yêu xuống tận địa ngục thâm-u.

Đọc thơ Nguyên-Sa, ta liên- ường đến Xuân - Diệu thời tiền

chiến với những ý tình bồng-bột, sôi-nồi. Khác với Xuân-Diệu là tình - cảm của Nguyên-Sa tuy cũng bồng - bột, sôi - nồi nhưng đậm - đà, thâm - thiết hơn qua những lời thơ thanh-thanh, êm-nhé như một đường tơ thành-thót, dịu-dàng.

Có người sẽ cho Nguyên-Sa là nhà thơ phi - luân - lý. Điều đó hẳn Nguyên-Sa sẽ không phủ-nhận. Vì biết đâu đó không là một quan-niệm văn-nghệ mới của thi-nhân ?

THẦM-THÊ-HÀ

Một ông khách say lào đảo bước vào một quán rượu tại đường Tự-do kêu chủ hàng :

— Cô cho tôi một ly Whisky.

Khi rượu mang ra, ông khách lại nói :

— Thôi cô làm ơn đổi cho tôi ly Martell.

Uống xong, ông khách đứng dậy đi thẳng.

Bà chủ vội chạy theo gọi :

— Thưa ông, ông chưa trả tiền ly rượu Martell.

Ông khách uống rượu trọn mặt trả lời :

— Thì tôi đã đổi cho cô ly rượu Whisky rồi.

Bà chủ quán ngạc nhiên :

— Nhưng ly rượu Whisky ông có trả tiền đâu ?

Ông khách đưa tay lên trời kêu lớn :

— Ô, thì tôi đâu có uống rượu Whisky mà cô đòi tiền ?

Nói xong ông khách bỏ đi thẳng...

TUY-KHA

(Đè-thám Saigon)

Bên bờ sông Dịch

KỊCH

(MỘT CẢNH — MỘT HÌỜI)

* NGUYỄN-NGỌC-VINH

(Bên bờ sông Dịch vào một chiều
đêm-n, ánh nắng vàng yếu ớt của
ban ngày còn sót lại lừa-thưa trên
các đợt cây. Hai ngàn quân sĩ kè
giờom người giáo vận y-phục trắng
đang nghiêm trang làm lễ cầu
nguyễn đưa tiễn Kinh-Kha. Trước
khán đài, Thái tử Đan với nét
mặt ngâm-ngùi nhìn Kinh-Kha trong

tin-tưởng, rồi
ngược mặt lên nhìn
trời cầu nguyện.
Kinh-Kha với dáng
đẹp trầm - ngâm
nghĩ-ngợi. Xa xa

- Các vai :
- THÁI TỬ ĐAN
 - KINH KHA
 - TRÁNG - SĨ
 - QUÂN - SĨ

có tiếng sáo vọng lại lúc rõ lúc bặt
hùa lẫn tiếng gió ngàn cây, tiếng
sông vỗ bờ của con sông Dịch).

Thái-tử Đan.— (đặt tay lên
vai Kinh-Kha) — Nay tráng sĩ
Kinh - Kha ! Ta đang thăm
nguyễn cầu cho chuyến đi của
tráng sĩ được thành-công, để
cho muôn dân rồi đây được sống
trong cảnh thanh-bình, no ấm.

Kinh-Kha.—
(với vẻ tự ác,
chú đầu đáp lì
xong đứng dậy
đáp) — Xin thái-
tử bình tâm.

Chuyến đi này, tôi tin chắc thế
nào cũng lấy được đầu tên bạo
chúa họ Tần kia.

Thái-tử Đan. — (*lộ vè vui mừng*) — Nếu được vậy, hẳn rồi đây công ơn của tráng sī sẽ được muôn dân ghi nhớ đời đời, riêng Đan này cũng rất cảm kích lòng quả cảm của tráng sī.

(*Thái-tử Đan nói đến đây, mỉm một nụ cười thỏa chí rồi tiếp, trong lúc đó Kinh-Kha và mọi người đang chú ý lắng tai nghe có tiếng rồ ngựa từ xa vang lại, gần như không để ý đến lời nói của thái-tử Đan).*)

— Tráng sī ! Ta đang mừng thầm khi nghĩ đến cái chết của Tần Thủy Hoàng, rồi đây, nơi điện Hàm Dương kia sẽ nhờ lưỡi kiếm của tráng sī để kết liễu cuộc đời của một tên hòn quan bạo ngược. Tráng sī sẽ xứng đáng là vị anh hùng bậc nhất trong thiên hạ.

(*Trong lúc này, tiếng rồ ngựa mỗi lúc một rõ dần, Kinh-Kha với quay nhilon về hướng người ngựa đang tiến đến, lộ vẻ vui mừng).*)

Kinh.Kha. — (*nói rất khẽ*) — Tiếng rồ ngựa này nếu là Cáp-Nhiếp đến thì hay lắm, ta tìm mãi mà chẳng được gặp.

(*Thái-tử Đan nhìn thấy vẻ tươi vui trên nét mặt Kinh Kha, lòng càng hồn hồn.*)

Thái-tử Đan. — Tráng sī đang nghĩ và nói gì thế ?

Kinh.Kha. — (*vội quay lại*) Tôi đang thăm nghĩ rằng tiếng rồ ngựa kia sẽ là Cáp-Nhiếp.

Thái-tử Đan. — Cáp-Nhiếp ! (đưa mắt nhìn Kinh-Kha như muốn hỏi nhưng rồi gật gật đầu) Ủ, nhỉ. Nếu có thêm Cáp-Nhiếp trong chuyến đi này.

Kinh.Kha. — Vàng, nếu quả là Cáp-Nhiếp đến, tất chuyễn đi này nhất định thành công.

(*Lúc này người và ngựa đã đến gần, Kinh-Kha và Thái-tử Đan cùng quay nhilon về phía người ngựa).*)

Thái-tử Đan. — (*quay lại nhìn Kinh-Kha*) — Người kia là Cáp-Nhiếp ?

Kinh.Kha. — (*vội vã mặt thất vọng*) — Không. Không phải là Cáp-Nhiếp mà là một kẻ lạ mặt ! Một kỵ-mã.

Thái-tử Đan. — (*kinh ngạc*) Một kỵ mã ?

Kinh.Kha. — Vàng, một kỵ mã.

Thái-tử Đan. — (*hở lỗ vè lo ngại*) Nhưng, trời phù hộ ta tất công việc sẽ thành, mặc dầu không có Cáp-Nhiếp.

Kinh.Kha. — (*giương vui*) — Vàng, trời phù hộ ta, (vừa

nhì vừa đặt tay lên chuỗi kiếm
đeo ở bên hông). Lưỡi kiếm của
thái tử trao cho tôi thế nào cũng
kết liễu được đài Tân - thủy -
Hoàng.

(*Người kỵ mā đā đén noi
ghim cưng truật mọi người.
Xuống ngựa, với cui đầu chảo.*)

Tráng sī.— Kẻ hèn mọn
này xin chào tất cả mọi người.

(Kinh-Kha và Thái-tử Đan nhùn
kè lụ mặt chưa kịp hồi, tráng-si đã
đến gần chỗ Kinh-Kha và Thái-tử
Đan đứng, nói tiếp).

— Kẻ này rất khát khao được
thưa cùng Thái-tử và tráng-si
một câu chuyện...

Thái-tử Đan. — (*đứa tay khoát*) Ta miễn lè cho. Người muốn trình chuyện gì, hãy nói mau đi.

(Kinh-Kha nhàn kỵ mā với vè
kiệu ngao, nết m môi cướp).

Tráng - sī. — (nghĩêng mìnħ
đáp lě lǎn nūa) Xin cảm tạ Thái
tử và tráng-sī Kinh.Kha. Thật
là điều vạn hạnh, kê này có một
câu chuyện cần nói, nhưng
chẳng hay Thái-tử và tráng sī có
cho phép và muốn nghe chăng?

Thái tử Dan.— (Nhìn về
hiệu ngang của tráng sĩ, có ý tin
tưởng) — Chúng tôi mong được
nghe những lời vàng ngọc của
tráng sĩ; hẳn là người có mưu

ké gì hay đέ giúp Kinh - Kha
trong việc hành-thích Tần-Thủy-
Hoàng chăng ?

Kinh.Kha.—(tiếp lời) Kha
này xin cảm tạ tráng-si đã đến
đây, và rất sung sướng được
nghe lời chỉ bày của tráng si.

Tráng.sī. — (vân dâng điệu nghiêm trang) Tôi sợ rằng lời nói của tôi chỉ làm Thái tử và tráng sī bất bình, tức giận mà thôi.

Thái tử Đan — (xua tay).
Không, Đan này rất vui lòng
nghe người nói.

Kinh.Kha. — (*có vẻ sot ruột*)
Nếu là điều hay thì người hay
nói ra đi, còn chần chờ gì nữa.

Tráng sī. — Vậy thì tôi xin
nói. Tôi cũng là một kẻ ngày
đêm mất ăn, mất ngủ và chỉ
mong sao thấy được ngày an
bình về với đất nước, xứ sở,
muôn dân vui cười trong no ấm.
Trộm nghe việc tráng sī sắp
nhập Tần, lòng này xiết bao
mừng rờ. Nhưng có điều là
cho kẻ này lầm thắc mắc. . .

Kinh-Kha.— Tráng sĩ thắc mắc vì điều gì? Hay không có Cáp-Nhiếp dì trong việc này ư?

Tráng sī.—Không. Nếu có
Cáp Nhiếp hay không cũng vậy.
Mà dầu có Cáp Nhiếp hay năm
bảy Cáp-Nhiếp, đi nữa, chưa

BÊN BỜ SÔNG DỊCH

chắc đã giết được Tần Thủy Hoàng.

Kinh-Kha.— (*ngạc nhiên*)
Tại sao lại có sự lạ lùng như thế ? Tráng sĩ không tin & Kinh-Kha này ư ? (*vỗ vào ngực*).

Thái tử Đan.— Người là ai ? Vậy người có thể giúp ta trong việc trừ khử tên hung Tần kia ?

Tráng Sĩ (*vội quay sang Thái tử Đan*).— Trước tiên, kẻ hèn này xin thưa chuyện với thái tử. Vì sao Thái tử muốn trừ diệt Tần thủy Hoàng ?
(*Thái tử Đan chưa kịp đáp, tráng sĩ đã tiếp*)

— Có phải thế này chăng. Nhưng xin Thái tử đừng tự dối ! Việc này hẳn là thái tử vì thù riêng, vì muốn dành cái địa vị trí-vì thiên hạ mà mưu đại sự. Tôi tin rằng Thái-tử chỉ vì thái tử mà mưu chuyện lật đổ tên Hoàng đế khát máu kia chứ chăng phải thái tử nghĩ đến cái đau khổ của muôn dân đang bị chà đạp dưới gót Tần.

(*Nghe vậy, Thái tử Đan lấy làm giận dữ vì kẻ này đã nói đúng ý-nghĩ của mình.*)

Thái tử Đan.— (*Nạt nộ*)
Người chỉ là một tên cuồng-

nhân. Trong lúc một người sắp lên đường để làm việc đại nghĩa, trừ hại cho thiên hạ thì người hiện đến nói những điều không ích lợi gì cả.

(*Nghe Thái tử Đan nói thế, mọi người đều nhao nhao lên tò ý phản đối kẻ lạ mặt*).

— Xin Thái tử và tráng sĩ Kinh-Kha hãy giết kẻ ngông cuồng ấy đi !

Kinh Kha.— (*vội đưa tay ra hiệu bảo mọi người im*)— Vì sao không để cho kẻ kia nói nữa ! (*dạy lại tráng sĩ*) Ngày, tráng sĩ, tráng sĩ cứ nói nữa đi. Kha này không sợ sự thật !

Tráng Sĩ.— Đáng quý thay Kinh Kha ! Nhưng kẻ này chỉ ca ngợi tráng sĩ riêng ở chuyện vừa rồi mà thôi. Và kẻ này cũng ca ngợi cái công việc sắp làm của tráng sĩ, nhưng kẻ này cũng rất buồn để mà nói rằng việc tráng sĩ sẽ không thành công. Xin tráng sĩ đừng đỗ lỗi là không có Cáp Nhiếp, một khi tráng sĩ thất bại.

Kinh Kha.— Người làm lớn. Kha này đâu phải kẻ hèn đến thế.

Song, người lấy có gì để bảo chắc rằng Kha này không thành

công ?

Thái tử Đan. — (tức giận)

Thôi, người hãy đi đi ! Đi ra khỏi chốn này đi !

Tráng sĩ. — Xin thái tử bớt giận. Một Kinh-Kha, một Cáp-Nhiếp mà làm gì được ! Cho dù Kinh Kha, người kiểm thuật có tuyệt vời đi nữa, người cũng không làm gì được, vì người chỉ là một sức mạnh lè loi và cô độc.

Này, tráng sĩ Kinh Kha ! Một người, hai ba người, một nhóm người có thể đếm được trên đầu ngón tay thì làm nên việc gì. Các người đã quên mà tự cho các người là những kẻ anh hùng có thể thay đổi được cuộc sống cho thiên hạ ư ?

Kinh Kha. — Này tráng sĩ ! Người đã làm mất. Kha này đi đâu phải vì Kinh Kha, mà chính là muốn trừ một cái hại cho thiên hạ, muốn mọi người được sống vui tươi.

Thái tử Đan. — Ta mong người hãy đi đi ! Người đến đây chỉ gây thêm bận rộn trong việc làm của chúng ta mà không giúp ích gì được cả, lại còn muốn cản trở bước đi của tráng sĩ Kinh-Kha. Vậy, thì ta thử hỏi người : ai sẽ đi thay thế trong việc làm

trọng đại này ? Ai mới giết được Tần-Thủy-Hoàng ? Hay người mới có thể giết được chăng ? (Thái tử Đan biu môi).

Tráng sĩ (vẫn thản nhiên). — Không phải kè này và cũng chẳng phải các người !

Tráng sĩ Kinh-Kha ạ, người đã tự dối, kẻ này tin rằng người đi chưa hẳn là vì nghĩ đến muôn dân. Và, cũng không vì một Kinh Kha, một Thái tử Đan mà Tần Thủy Hoàng chết.

Kinh Kha. — Ta xin hỏi người điều này, vậy ai có thể thay ta trong chuyến đi này để giết Tần Thủy Hoàng ? Hay người chăng ? (cười lớn).

Tráng sĩ. — Ai mới có thể giết được Tần Thủy Hoàng ư ? Chính là tất cả thiên hạ ! Chỉ có thiên hạ mới giết được.

Kinh Kha. — Tất cả thiên hạ ? (biu môi) Thế thì tại sao thiên hạ không thử đi giết đi ! (Lại cười lớn).

Tráng sĩ. — Điều mà các người lầm lớn bấy nay là các người đã không chịu nghĩ đến cái phần đông đảo trong thiên hạ. Không vì một Thái tử Đan, một Kinh Kha mà cuộc sống của thiên hạ tươi đẹp. Đem lại hạnh

phúc, tươi vui trong cuộc sống của họ, chỉ có những kẻ đã từng đau và bị chà đạp dưới gót Tân mới đem lại cho họ. Chính là cái phần đồng trong thiên hạ ấy.

(Lúc này mọi người đã bắt đầu chú ý đến lời nבי của tráng sĩ mà bấy nay họ chẳng hề nghĩ đến. Thái tử Đan rất cảm phục vì những lời nbei của tráng sĩ, nhưng thấy Kinh Kha vẫn im lặng nên cũng chẳng nói một lời nào. Ngừng một lát tráng sĩ lại tiếp, tiếng nbei của tráng sĩ mỗi lúc một vang lên cùng với tiếng sông Dịch thủy, tiếng gió vi vu và tiếng trúc buồn của Cao-Tiệm Ly).

Tráng sĩ.— Mùa đầu cho tráng sĩ Kinh Kha, người sẽ giết được Tân Thủy Hoàng chẳng nữa. Nhưng giết được Tân Thủy Hoàng rồi cũng không giải quyết được gì cả, một khi còn những kẻ sẽ nối tiếp Tân Thủy Hoàng.

Kinh Kha.— Ta dám hỏi người, ai sẽ là kẻ nối tiếp Tân Thủy Hoàng?

Tráng sĩ (vẫn thản nhiên).— Ai sẽ là kẻ nối tiếp Tân Thủy Hoàng ư? Bất cứ kẻ nào tự xem mình là có quyền thế để áp bức người. Bất cứ kẻ nào nghĩ

đến mình nhiều hơn nghĩ đến thiên hạ, làm việc cho mình chứ không phải cho thiên hạ, thì kẻ ấy có thể là Tân Thủy Hoàng.

Này, tráng sĩ Kinh Kha! Đừng giận tôi nhé! Tráng sĩ có thể là Tân Thủy Hoàng lắm! À! Tráng sĩ đừng nhìn tôi bằng cặp mắt kinh ngạc chứ! Tráng sĩ đừng giận chứ. Nếu tôi nói không đúng thì gươm đây, tráng sĩ hãy dùng để giết tôi đi.

(Tráng sĩ rút gươm của mình đưa cho Kinh Kha, nhưng Kinh Kha đưa tay cản nêu lại trả vào vỏ)

Kinh Kha.— (vỗ vào ngực)

Kẻ này có thể là Tân Thủy Hoàng ư? Vì sao người lại bảo thế? Kha này đâu có màn phủ quý vinh hoa? Người hãy hỏi mọi người xem.

Thái tử Đan.— (giận dữ) Người là ai mà cuồng điên đến thế! Người là ma hay là quỷ hiện lên để phá hại việc làm của ta. Hãy đi đi! Rời khỏi chỗ này ngay đi!

Tráng sĩ.— (cười lớn) Trong lúc các người không chịu tìm thấy lẽ phải lại bảo kẻ đã tìm thấy lẽ phải là ma là quỷ. Thật buồn cười.

Còn Kinh Kha, vì sao ta bảo tráng sĩ là Tần Thủy Hoàng. Chính vì tráng sĩ là một kẻ thích hưởng thụ và thỏa mãn riêng mình. Sung sướng gì mà tráng sĩ cầm lấy nên vàng của Thái tử Đan để thay bòn gạch mà ném con rùa.

Sung sướng gì trong lúc thiên hạ khóc than, cuộc sống trãm bẽ cực khổ, dày dọa, áp bức của bạo Tần mà tráng sĩ đòi ăn gan ngựa. Tráng sĩ có còn nhả, tráng sĩ đã làm đổ máu một người vô tội trong lúc tráng sĩ chưa đặt chân lên đất Tần, chưa làm gì ích cho thiên hạ, muôn dân vui sướng cả.

Kinh Kha.— (*ngâm nghĩ qua một phút*) À ! Người muốn nói đến cái chết của Phàn Ô-Kỳ chăng ? Phàn quân chính tự ý muốn chết. Phàn quân đã tự dùng cái chết của mình với một hy vọng có thể giết được Tần Thủy Hoàng mà !

Tráng sĩ.— Không, Phàn Ô-Kỳ chết là tự ý của Phàn Ô-Kỳ. Ta muốn nói đến cái chết của một người khác, của Yên-Cơ.

(*nghe nói đến Yên-Cơ, Thái tử Đan vội lén tiếng*)

Thái tử Đan.— Cái chết của Yên-Cơ chẳng phải vì tráng sĩ Kinh Kha. (vđ. *ngực*) Mà chính là ta.

Tráng sĩ.— Chính vì Kinh Kha. Kinh Kha thích hưởng thụ mà Yên Cơ đã chết. Kinh Kha đã khen dồi bàn tay của Yên Cơ đẹp nên Thái tử mới chặt đẽ tặng cho chàng. Kinh Kha đã đòi hưởng thụ rất nhiều. Nhưng kẻ nào tự cho mình cái quyền hưởng thụ hơn người một cách vô lý, vô nghĩa, thì kẻ ấy chẳng khác gì Tần thủy Hoàng.

Trong lúc Kinh Kha chưa trừ được tên bạo chúa Tần thủy Hoàng, trong lúc Thái tử Đan chưa cầm đầu một xứ nào mà một Yên Cơ đã phải bị giết để thỏa mãn sự thích hưởng thụ của một người. Nếu một ngày nào đó, Thái tử Đan và Kinh Kha cầm đầu được t bìen hạ như Tần thủy Hoàng thì còn biết bao nhiêu nàng Yên Cơ sẽ phải chết để làm thỏa mãn cho một số người. Những lời tôi nói, Thái tử và Tráng sĩ Kinh Kha nghĩ thế nào ? Có đúng chăng ?

(*Lần này Thái-tử Đan và Kinh Kha chỉ thở dài mà chẳng buồn đáp*)

Lại lời nào. Mọi người cũng đều lặng im như để suy nghĩ, bỗng một quân sĩ đến quỳ trước ba người).

Quân sĩ. — Tàu Thái tử và Tráng sĩ Kinh Kha, đã đến giờ nhập Tần. Vậy xin tráng sĩ lên đường cho kịp.

(Như nhớ lại việc sắp thi hành, Kinh Kha với nghiêm minh chào từ giã Thái tử Đan và tráng sĩ.)

Kinh Kha — Giờ đã khôi điểm, Kha nầy xin chào Thái tử và tráng sĩ. Vĩnh biệt mọi người!

(Tráng sĩ nghiêm minh đáp lễ lại và nhén theo Kinh Kha cung thái tử Đan đang từ từ tiến nhanh xuống thuyền, rồi nhảy lên yên ngựa ra đi, mà không nói thêm một lời nào nữa. Thái tử Đan lặng lẽ tiến Kinh Kha xuống thuyền, lúc này tiếng chiêng và trống bắt đầu nỗi hiệu cuộc lễ tiến đưa Kinh Kha, thái tử Đan ra hiệu cho thuyền nhỏ neo rồi đưa tay vẫy chào Kinh Kha).

Thái tử Đan. — Xin chào tráng sĩ Kinh Kha và chúc tráng sĩ thành công.

(Con thuyền đưa Kinh Kha từ từ ra khơi, Thái tử Đan và mọi người đều nhìn theo ra giồng sông cho đến khi thuyền Kinh Kha khuất dạng, chỉ còn lại tiếng sóng vỗ bờ của con sông Dịch và tiếng trúc tiêu điều của Cao Tiệm Ly).

(Hiền Vương, trọng xuân 60)
— 78/2 —



DANH NGÔN

Một cuốn sách tốt, là một cuộc xô số, mà số đọc đắc luôn luôn có trong óc người đọc.

G. TRUC



GIẤC MƠ ĐỜI

Mười năm sực tinh giắc mơ đời
 Ngọn gió lùu về mưa lại rơi
 Đã biết nhân sinh là ảo mộng
 Cánh bướm phiêu bạt vẫn chơi vơi



Đêm hối về đâu trường bến tận
 Cho lòng ta lạnh buốt Hur Vô
 Heo may xào xác, mưa hia quanh
 Nửa kiếp thương đời lưng túi thơ.



Sự nghiệp gì đây? gởi thế gian
 Năm canh thao thúc bóng hoa đèn
 Thoắt mười năm đó, ôi! tâm sự
 Trở gót giang hồ, lệ úa hoen.

ĐAN THANH

Nên tàng Quốc văn

ĐỜI

TÂY - SƠN

KHÌ nhắc đến ba anh em áo vải nhà TÂY SƠN, chúng tôi cũng không quên nhắc đến vua QUANG - TRUNG. Thiết tưởng chúng tôi không cần phải nhắc lại một trang sử oai hùng chưa từng có trong lịch sử Việt Nam. Một vị «anh hùng cái thế» về chính trị cũng như về quân sự, Ngài xứng đáng là một bậc vĩ nhân của thế hệ hậu tiến.

Ngược lại, đương thời kẻ chiến thắng thường xóa nhòa tên tuổi của bậc vĩ nhân nhà TÂY SƠN: — Vua Quang Trung NGUYỄN HUỆ — Như đào mả, tán xương, tru di giống nòi, vất đồi niên hiệu CÀNH - THỊNH trên chuông

đồng và tờ nhan ngoài bộ ĐẠI VIỆT SỬ KÝ khắc dời TÂY SƠN cũng bị đục bỏ, xóa đi cho tuyệt dấu tích.

Hắn chúng ta thừa hiểu sự nghiệp nhà TÂY SƠN vươn lên một địa vị quan trọng trên trang sử oai hùng của dân tộc; một phần lớn nhờ bàn tay vua Quang Trung Nguyễn-Huệ. Dĩ nhiên trước một triều đại về Xã hội, Quân sự, Kinh tế, được tổ chức hẳn hòi, hoàn bị, thì tất về văn học không có một cái gì đáng chú ý, đáng tưởng nhớ, đáng biết ơn ư? Tôi xin ghi lại đây một vài

* HOA-TỊNH-LINH

nét «quốc văn dời Tây-Sơn» đề quý vị độc giả cùng thưởng thức và nhận lấy cái công của người xưa mà khâm niêm muôn đời.

SỰ BỘC PHÁT QUỐC VĂN ĐỜI TÂY-SƠN

Vào thế kỷ thứ 17, Việt Nam đã biến thành một giải đất chia đôi, Bắc, Nam nhìn nhau qua lê sầu muôn thuở : Đàng ngoài chúa Trịnh Tùng (1570 — 1620) vin vào nhà Lê để cát cứ cai trị, Đàng trong chúa Nguyễn Hoàng (1600—1613) cũng lo hùng cứ một phương, mở mang bờ cõi và nuôi mộng hoàn thành lãnh thổ dưới một màu cờ pháp phái độc lập.

Mãi đến cuối thế kỷ thứ 18 ; năm Kỷ-sửu 1769 trở đi, Đàng ngoài cũng như Đàng trong đều nằm trong hoàn cảnh rối ren, nào đói kém vì nạn thất mùa, mà thuế má mỗi ngày một tăng. Nhân-dân diêu đứng lầm-than. Tình trạng quốc gia lại càng trầm trọng, quẫn bách.

Trước một triều đại như thế, tất cả niềm tưởng vọng, tin tưởng từ lâu hẫu đã xóa nhòa trong lòng người dân. Chỉ còn chờ cơ hội mà bộc phát, lật đổ một chế độ hư mục để lập lại một triều đại

mới hoàn bị sung sướng hơn.

Anh em áo vải đất Tây Sơn : Nguyễn - Nhạc, Nguyễn - Huệ, Nguyễn Lữ năm được cơ hội, phất ngọn cờ đào để chiêu binh dựng võ nòi lên từ năm Tân-mão 1771, mở cuộc cách mệnh lấy dám bình dân nghèo nàn làm lợi khí để chiến thắng.

Sau khi đã hoàn thành được kế hoạch và một phần đất rộng lớn, uy quyền tiếng tăm lừng lẫy, thì Nguyễn Nhạc tự xưng là Hoàng đế tại Qui Nhơn (Năm Mậu Tuất 1778) lấy niên hiệu là Thái Đức và em thứ là Nguyễn Huệ ở phía Bắc tức là Bắc bình Vương Nguyễn Huệ, ở Nam là Đông định Vương Nguyễn Lữ.

Bất cứ một thời đại nào, khi có một cuộc cách mạng bùng nổ, hay nước nhà bị lâm nguy ; «quốc gia hưu loạn, thất phu hưu trách», mọi người dân dù là trí thức hay bình dân đều phải có một nhiệm vụ bảo vệ giang sơn, giành lại quyền lợi cá nhân nói riêng, quyền lợi dân tộc nói chung. Nhất là giới trí thức nho sĩ lúc bấy giờ không cần phải đòi mài kinh sử, mượn khoa bảng để xuất thân. Chỉ cần có võ nghệ và sức mạnh là có thể vinh quy được.

Cho nên hầu hết từ nhà vua (anh em Tây-Sơn) đến tướng quân đều là những tay siêu tài vô nghệ. Nên lúc bấy giờ Hán văn đối với họ chỉ là môn học tầm thường, không sát với thực tế nữa. Bởi thế, quốc văn là một môn học thiết thực nhất đối với nhu cầu của thời cuộc; đồng thời là một sở năng cá nhân để thúc đẩy một triều đại mới khá mạnh mẽ. Quốc văn sẽ đóng một vai trò quan trọng vậy.

Một điều chứng minh cụ thể Bắc bình Vương Nguyễn Huệ viết tờ chiếu gởi cho La Sơn phu tử Nguyễn Thiệp. Tờ chiếu viết bằng chữ nôm (quốc văn), mà nơi đây tôi chỉ trích một đoạn sau đây :

* Chiếu truyền La Sơn phu tử Nguyễn Thiệp khâm tri :

Ngày trước ủy cho phu tử về Nghệ an tướng đia làm đô cho kịp kỳ này hồi ngự. Sao về tối đó chưa thấyặng việc nhỉ?. Nên hãy giá hồi Phú Xuân kinh, hưu túc sĩ tốt (đại khái như vầy chiếu truyền cho thầy La Sơn phu tử Nguyễn Thiệp biết : ngày trước giao thầy về Nghệ an xem đặt làm kinh đô cho kịp kỳ này về ngự. Sao bây giờ chưa thấy hoàn thành ? Nên ta dành về

Phú Xuân ở đê cho quân lính ngơi nghỉ) (1)

Bắt đầu từ đó quốc văn sẽ tuân tự áp dụng vào công việc hiệu triệu tướng suý, viết chiếu chỉ, trong việc tế lễ, trong quân sự, trong dân chúng.

HIỆU - TRIỆU TƯỚNG - SÚY

Đến năm Giáp dần 1794, nhân vua Cảnh Thịnh còn nhỏ, không đủ sức lo việc nước, lại gặp buồn quốc - biển. Nên các tướng sĩ lúc bấy giờ thường hiềm - khích tranh - giành nhau miếng đinh - chung : Quận - công Trần-quang-Diệu nghe tin Quận-công Vũ-văn-Dũng làm rối loạn triều đình, bắt giam Ngô - văn - Sở, uy giết cha con Bùi - đắc-Tuyên; Quận-Diệu bèn đem quân về đóng phía Nam Sông-Hương uy-hiếp Quận-Công Dũng.

Vua Cảnh-Thịnh sai người đề chiếu khuyên - giải đôi bên :

Đoạn đầu : * Chiếu thiếu-phô- Diệu Quận-công Trần - quang- Diệu, tư đồ Dũng Quận - công Vũ-văn-Dũng khâm-tri :

Nhị khanh là huân - cựu đại hần, quốc-gia trụ thạch, người thì phụng-tuân cố mệnh, bảo dực trẫm-cung; người thì chuyên chế

Bắc-thành, binh hàn vương thất, trẫm vốn lấy làm cõ quăng tâm lù, dái-dĩ chi-thành. (2) nghĩa là chiếu cho hai Quận - công Trần-quang - Diệu và Vũ - văn-Dũng biết :

Hai người là bậc đại-thần cố-cựu và có nhiều công với triều chính, chẳng khác nào hai người là trụ-cột nâng - đỡ cái cầu của nhà vua vậy; Quang - Diệu còn nhớ khi vua Quang-Trung băng-hà có dặn người phải lo hợp cùng tướng sĩ lại mà giúp đỡ Thái-tử. Đè khỏi phụ lời trân-trối của vua Quang-Trung trước khi chết còn dặn-dò mà gìn-giữ sự-nghiệp của ta; còn Vũ-văn-Dũng lo gìn-giữ Thăng-long là một bức thành kiên-cố đẽ giữ-vững cho nhà vua. Ta xem hai người là huyết mạch của ta mà thành-thật đối đái vậy). Và đoạn cuối : ‘ Khanh - đẳng đã thực lòng ái-quốc thì ta giữ đạo tôn thân, thề lòng trẫm suy thành đái-ngộ, sớm nên thích kỳ hiềm nghi, quy - triều tạ quá mà hãy phu-trần sự lý. Như việc binh-nhung nên khu-xứ những làm sao, trong quan - liêu nên tiến thoái những làm sao, cùng triều - thần thương - nghị rồi thì thính - chỉ phụng hành, ngô cho thượng hạ

tình thông, thứ sự tựu - tự, đẽ giúp nhà nước chung cơn này, phuơng-ngưỡng phó-Tiên-hoàng đẽ chi di thác, bắt phụ trẫm cung chi ý tỳ dã.

Phu bồ trung khúc, bất tích phiền ngôn. Nhị khanh kỳ thực tư chí.

Khâm tai ! Đăc chiếu ». (3)

(Khanh đã thực lòng yêu nước thì phải giữ lòng thành mà dõi xứ, chứ đừng lấy nghi ngờ mà hiềm khích, hãy tỏ bày lý do mọi việc; trong quân sự có việc gì nên xếp đặt; trong quan lại có ai nên bỏ, có ai nên dùng, nên tâu bày với quần thần trong triều rồi xin vua chiếu chỉ xuống mà làm theo, như thế thì trên dưới mới thuận hòa thông cảm, vây mới làm vừa lòng Tiên hoàng đẽ (vua Quang-Trung) trước khi về chín suối còn ngoảnh lại dặn dò, phó thác, và lại không phụ lòng tin cậy của ta.

Các khanh hãy phô bày giải tỏ, đừng đẽ ta phải khuyên nhiều lời. Và nên nghĩ kỹ nhá.

‘ 1, 2, 3.— Theo tài liệu của Sơn Tùng Hoàng thúc Trâm trong quốc văn đời Tây Sơn trang 26..., 30, 31...

(Hay tuân theo đặc chiểu này)
TRONG VIỆC TẾ LỄ

Theo trên, chúng ta cũng đã biết quốc-văn đã đóng một vai trò trọng hệ như thế nào rồi. Quốc văn lúc bấy giờ cứ theo dãy mà tiến lên mãi tuần tự : tế diện, tế điếu cũng đều làm bằng quốc âm cả. Nhưng phần nhiều là do DỤ-AM Phan-huy-Ích, một vị nho thần đồ tiến-sĩ có công trạng nhiều với nhà Tây-Sơn tháo ra cả. Nay xin trích một đoạn trong bài ‘ Kỷ-mùi đông nghỉ-Ngự-diện Vũ-hoàng-Hậu tang, quốc âm văn » (vào trung-dông tháng 11 năm Kỷ-mùi 1799) :

Than ôi !

Nguyệt in phách quế, mai trường thu (1) vừa giải về lầu-lầu. Sương ủ hồn hoa miền thượng uyền (2) chợt phai ? mùi thoang thoảng (3).

Nèo chân-du (4) quạnh-quê biết đâu tìm ! Niềm vĩnh mộ (5) bâng-khuâng hằng tranh tưởng !

Giọt ngân phái (6) câu nêu (7) vẻ quý, duyên hảo-cầu (8) thêm giúp mối tu-tề (9) khúc Thư-châu (10) thời (?) sánh tiếng hòa, khuôn nội tắc (11) đã gây nền nhân-nhượng (12).

(1) Tên một cung, chỗ ở của hoàng-hậu. Sau dùng để chỉ hoàng-hậu : nói lập cung trường thu cũng như nói lập hoàng-hậu.

(2) Vườn hoa nhà vua.

(3) Hai vế này ý nói : bà Ngọc-Hân được lập làm hoàng-hậu mới ít lâu, đang rực-rỡ như vầng trăng vầng-vặc, thì đóa thiên hường bồng tàn-lạ (chết), làm cho vườn ngự mảnh thơm !

(4) Chỗ đến chơi thật. chỉ chỗ người chết đến ở.

(5) Tâm lòng triều mến lâu dài mãi-mãi.

(6) Giọt nước ở sông nhà trời, ý nói bà Ngọc-Hân là dòng giống nhà vua họ Lê.

(7) Cũng như « gây nên »

(8) Chữ trong thơ quân thư, & kính thi : cái duyên thực nữ sinh đôi với quân tử thật là đẹp đẽ.

(9) Tu thân và lễ gia. Ý nói Vũ hoàng hậu giúp Vũ hoàng Đế trong việc nội trị.

(10) Khúc hát “ chim quan thư ở bối sông” tức là thơ Quan thư ở đầu thiên Quốc Phong trong kinh Thi tả nổi vui hòa mà có riêng biệt.

(11) Khuôn mực người đàn bà theo đúng lễ nghi và đức hạnh như đã nói trong thiên Nội tắc & kinh Lễ.

(12) Một người có nhân làm cho cả nước lấy lòng nhân, mọi người biết nhường làm cho cả nước có lòng nhường.

(Tất cả chú thích của Sơn Tùng HOÀNG THÚC TRÂM)

TRONG QUÂN SỰ

Nguyễn Huệ kéo quân ra đánh Bắc Hà cốt diệt họ Trịnh. Ngài sai Nguyễn Hữu Chỉnh thảo một bài hịch kề tội họ Trịnh dưới danh nghĩa « thanh tội, tri thảo, diệt Trịnh, phò Lê ». Bài hịch viết theo lối văn biền ngẫu, trong có những vế : « Vâ, bây giờ thần ninh chúa hôn, gương bình trị lòng trên ắt muôn ; lại gặp hội binh kiêu dân oán, sửa kỷ-cương tài cả phải ra. (1) »

Và sau khi thành Qui-nhơn bị thất-thủ (1799) do quân Nguyễn-Ánh chiếm giữ và làm bàn đạp để tiến dần theo lối tám thực (vết dầu loang). Nhưng chẳng may đến ngày mồng hai tết năm Canh-thân (1800) quận-công Trần-quang-Diệm chiếm được toàn thành — Võ-Tánh và Ngô-tùng-Chu cũng hủy mình theo thành đè giữ tròn tiết trung quân.

Trước sự tấn công toàn thắng ấy vua Cảnh-Thịnh bèn sai Phan-huy-Ích thảo bài hiếu văn bằng chữ nôm đại-cương khen tặng quận-Diệm, đồng-thời an-ủi vỗ-về quân lính và dân chúng đương thời. Bài này cũng viết theo lối văn biền-ngẫu, lời lẽ chân thành thống thiết. Mà nơi đây chúng tôi

tạm trích ra đây một đoạn ngắn dè quý-vị cùng chung ngắm-nghĩ :

« Nhứt hiều Qui-Nhơn phủ :
quan, quân, dân-thú đẳng-trí :

Tướng văn quyền chế ngoại,
dẹp lửa binh mà trợ lấy dân
lành. — Người săn tinh giáng
trung, cởi lưới ngược lại noi về
đường thuận.

Mấy lời cẩn kẽ, — Đôi chốn
sum-vầy.

Quý phủ ta : cội gốc nền
vương. — RẬU phen nhà nước.

Miền thang mộc vốn dúc non
gây (?) bè, mờ-mang bờ-cõi bời
từ đây. — Hội phong-vân từng
diều phượng vin rồng, ghi tac thê
quyên dành-dối đẽ.

Dấu cờ nghĩa dã sáng công
diệt-vận, — Buồi xe nhung thêm
đông sức cần vương.

Mấy phen gió bụi nhọc con
đòng, giúp oai-võ cũng đều nhở
đất cũ, — Ba huyện đá vàng bền
tất dạ căm cùu thù chi đẽ đội trời
chung. (2)

TRONG DÂN CHỦNG

Bất cứ một thế-hệ, một thời-
đại nào cũng thế ; khi còn là một

(1) (2) Trích theo tài liệu của
Sơn Tùng Hoàng Trâm trong
quốc văn đời Tây-Sơn.

kẻ chiến thắng có một cơ đồ vinh-hiền, quyền to, chức lớn thì thế-gian họ luôn luôn dùm-bộc tất cả dù có điều gì xấu hay tốt. Nhưng đến khi thành kẻ chiến bại, tất cả cơ-đồ bị sụp-đỗ ; họ lại chẳng bơi mót tìm ra những điều côn-côn đê làm trò ché-rếu ?

Cơ-nghiệp nhà Tây-Sơn sau khi đã sụp-đỗ — Nhân-dân phẫn công lúc bấy giờ đương có kẻ chiến thắng cầm đầu (Nguyễn-Ánh) xúi giục nên họ luôn luôn tìm cách mồ-xé những điều xấu xa, dù là điều không đáng nói họ cũng đem ra mạc-sát. Vốn vua QUANG TRUNG (Nguyễn Huệ) băng-hà, nhường ngôi lại cho con lấy hiệu là Cảnh-Thịnh.

Chữ QUANG theo tiếng hán có chữ-tiều là nhỏ ở trên đầu (1). Chữ Cảnh có chữ-tiều ở dưới cùng (2). Nên họ lấy đó làm trò cười, thật chán chường cho thế-sự :

Và :

“ Đầu cha, lấp làm chân con,
Mười bốn năm tròn hết số thì
thôi. »

“ Cha nhỏ đầu con nhỏ chân,
Đến năm Nhâm Tuất thì thân
chẳng còn ».

Trong lúc anh em Tây-Sơn dấy binh đánh loạn thần Trương-

phúc-Loan. Biết đó là một điều-bất ngờ sự tiếng tăm bia-miệng là kẻ loạn thần. Nên đón lập Hoàng-Tôn họ Nguyễn là Nguyễn-phúc-Dương để làm tin cho dân chúng và để kêu-gọi quân-sĩ ; mỗi khi quân Tây Sơn kéo đến đâu thường la ó rầm-rộ để kêu-gọi thêm quân-dồng thời tin cho dân chúng biết có kẻ anh-hùng đứng ra lập lại một triều-dai mới nên dân chúng lúc bấy giờ có câu để phân-biệt quân của quốc-phó Trương Phúc-Loan, và quân-Hoàng-Tôn :

•Binh Triệu, binh quốc-phó,
binh 6, binh Hoàng Tôn•

Khi anh em Tây Sơn nắm được binh-hùng (1771) toàn-thắng ở trong tay. Nguyễn-Nhạc xưng vương là THÁI ĐỨC (1778) mở cuộc chiến-dịch chống-lại chúa Nguyễn còn-lại ở trong Nam, quân-Trịnh ở Bắc. Nên động-viên số đông dân-chúng trong miền-mình kiềm-soát để có một quân-

(1) và (2) Xin quý-vị độc-giả hiểu-cho. Vì trong việc ăn-loát chữ Hán rất khó-khăn. Mong quý-vị biết chữ-hán hãy viết ra chữ QUANG và chữ CÁNH (tức là vua Quang-Trung và vua Cảnh-Thịnh) rồi sẽ-thấy.

lực dồn dù hẫu chổng nồi với tình thế.

Trong mọi gia-dình quân nhân ấy, làm sao tránh được nỗi biệt ly? Nhất là người vợ gối chiếc chăn đơn làm sao khỏi bịn-rịn nhớ thương khi tiễn chồng ra ngoài trận địa; lòng chính phụ nào lại chẳng đoái trông, buồn sầu tê-tái? Mắt nào lại chẳng hoen đói giòng lệ? Khi thấy chồng phải trèo qua núi Cù-mông (ở Qui-Nhon) với bao khó nhọc. Rồi dần dần khuất bóng sau những rặng cây già xanh ngắt, người chính phụ ngồi trông thương tiếc rồi buông lời than thở, khóc mong. Nên bấy giờ có câu:

*“Tiếng ai than khóc nỉ-non
Là vợ chú lính trèo hòn Cù
mông.”*

Nhân bạn của Ngô thời Nhậm là Nguyễn thị Thấu (con của Nguyễn Thế) đã từng làm quân sự cho Lê duy Chút và Lê duy Mật để chống lại họ Trịnh. Nhưng công cuộc bắt thành nên trở về ở ẩn. Nghe tin vua Lê già con gái (Ngọc Hân công chúa) cho Nguyễn Huệ bèn cho đó là vì vua Lê ham địa vị mà già ép công chúa, nên trong bài “Kỹ thuật thời sự” có mấy câu pha rieu:

*“Ngựa thồ thay mối xích thắn
Ông Tor bà Nguyệt dẫu giằng
chẳng ra!”*

*Một ngày một vắng quê nhà,
Sóng từng từng nhớ, tối tà tà
trông...”*

Đương thời cũng có câu, ám chỉ sự bất nhân, bất nghĩa của Nguyễn Hữu Chỉnh đối với vua Nguyễn Huệ. Nguyễn Huệ đưa Chỉnh qua khỏi sông Gianh (Bắc Hà) và giao quyền, phó đất Bắc cho Chỉnh, đó là một điều ân nghĩa, mà ngược lại Chỉnh còn hống hách chiêu binh chống lại Nguyễn Huệ:

*“Ai đem con sáo qua sông?
Nén chí con sáo (Chỉnh) sồ lồng
sáo bay!”*

KẾT LUẬN

Ngàn ấy, chúng ta dù biết quốc văn dưới thời Tây Sơn phồn thịnh như thế nào rồi! Ngoài ra chúng ta còn thấy biết bao nhiêu thi-sĩ có khuynh hướng văn-học rõ rệt mà thơ văn của họ vẫn còn truyền tụng đến ngày nay về giá trị văn chương không phải là điều không chú ý. Như nữ thi sĩ Hồ xuân Hương một thi-hào bất hủ của nước ta về lối thơ hai nghĩa, lối thơ tả chân ẩn tục. Một công chúa Ngọc Hân trữ tình trong “Ai Tư Vang”; một Nguyễn-hữu-Chỉnh phê bình nhân vật lịch sử như bài “Trương Lưu hầu phủ”; một Nguyễn huy Lượng miêu tả cảnh vật như bài “Tụng Tây Hồ phủ”, và một Phan huy

Ích có tác dụng khuynh hướng thời đại vì phần nhiều Ông viết những bài không ngoài tính cách giúp ích cho triều đình lúc bấy giờ. Còn ngoài phạm vi này tôi xin nhường lại cho những nhà phê bình văn học nói một cách đầy đủ hơn.

Như thế chúng ta có thể xác nhận quốc văn dưới đời Tây Sơn mà Nguyễn Huệ không khác nào như một anh thợ nề xây một tòa lâu văn học. Trước tiên, muốn có hình thức tráng lệ, cần phải có nền vững chắc để chống đỡ cái tòa lâu dài ấy được trường tồn với vũ trụ.

Tuy nhiên, chúng ta cũng không quên người thợ nề muôn xây đắp một cái nền vững chắc, trước tiên cũng cần phải đào hào xây kiềng mới có thể làm nền được. Ai đã xây cái vòng kiềng ấy?

Muốn biết, chúng ta phải đi ngược lại dòng lịch sử trước đời Tây Sơn tức là cuối nhà Lê vậy.

Văn chương lúc bấy giờ ta có thể nói thuần túy nhất ở Việt Nam là ca dao tục-ngữ phôi thai từ đời Hàn Thuyên và đời Trần (1225 - 1293) rồi thịnh hành mãi đến các đời sau nầy còn rải rác một vài tác phẩm hay dịch phẩm bằng tiếng Việt. Đến đời

Lê trung Hưng (1592 - 1789) Quốc văn đã bắt đầu khơi sắc được đôi chút như : Đàm trong Đà Duy Từ có bài « Ngọa long cương », Nguyễn cư Trinh có « Sái Vãi ». Đàm ngoài có dịch phẩm « Chinh phụ ngâm khúc » (vào tiền bán thế kỷ thứ XVIII) v.v...

Do đó, ta có thể kết luận : Quốc văn đời Tây Sơn là một cái nền vững chắc để xây tòa lâu dài tráng lệ cho văn học nước nhà. Bởi vậy sau này kế tiếp nhà Nguyễn mới có Tiên Điền Nguyễn Du với tác phẩm « Kim văn Kiều truyện » bắt hủ của nước ta vậy. Nhà Tây-Sơn với một thời-gian trị-vì quá ngắn ngủi nên quốc - văn dưới đời Tây-Sơn chỉ là một nền tảng làm bàn đạp cho thế-hệ hậu tiến vậy.

Trước cái lịch-trình tiếng mẹ như thế vào cái trạng huống của xã-hội còn ô-hợp. Huống chi giờ đây nước nhà vinh - quang dưới màu cờ pháp - phái độc-lập tự-do và dân - chủ có thể tạm dù phương-tiện để hung-dúc « Tiếng Mẹ » của chúng ta ngày càng cao và rộng mãi mãi... — Tôi ước ao làm sao còn sống mãi với vũ-trụ và thời-gian để nhìn thấy cái tiền-đồ cao-viễn của văn - học nước nhà.

CHÀ TÔI

o
o
o
o

Ô. PHAN - KHÔI

(liếp theo P. T. số 29)

* PHAN THỊ MỸ-KHANH

Trong những ngày lui về ở quê nhà, cuộc đời của Thầy tôi phảng lặng như giòng sông nhỏ, trầm buồn như tiếng ro ro khi người kéo một hơi thuốc phiện. Nếu lâu lâu không xảy những vụ ghen tuông nho nhỏ giữa mạ tôi vàdì tôi, thì quả là Thầy tôi chẳng bận tâm đến việc vợ con chút nào. Sáng ra, Thầy tôi dậy muộn, ít khi dùng điện tam. Rồi người nằm bên bàn đèn, làm bạn với nàng Tiên mai cho đến bùa cơm trưa. Buổi chiều, người nằm xem sách — báo giờ cũng nằm mà xem — những quyển sách chữ nho chữ nhỏ li ti dày khít hàng. Gần tối, mỗi mắt, người đi dạo ra vườn săn sóc vài cây mới trồng hay một chậu hoa vừa ra nụ. Thầy tôi không sành chơi hoa trồng kiêng nhưng cũng thích tìm một vài giòng hoa lạ. Năm ở Huế về,

Thầy tôi đem về hoa quỳnh và hoa phong lan. Cây quỳnh trồng bằng một cái lá và hoa thì hì nứt ở chỗ nách lá, khởi đầu bằng một cái cuộn thông xuống rồi lớn dần cho đến lúc nở. Hoa nở về đêm, màu trắng nực, mùi hương tỏa xa ngày ngắn nhưng chỉ trong một giờ là tàn. Người phong lưu thường đặt dạ tiệc để mời khách xem quỳnh nở. Hoa phong lan không trồng dưới đất, hình nó gồm một mớ giày, rễ, lá cuộn tròn và treo lên cao (giàn thiền lý, giàn hoa trước cửa v. v.). Hoa phong lan trắng, nhỏ và thơm nhẹ nhàng.

Ban đêm, Thầy tôi thức khuya lắm, có khi đến ba, bốn giờ sáng. Bên ngọn đèn hút nhỏ bé, lù mù, Thầy tôi chăm chú xem sách không biêt mệt. Thầy tôi thức khuya, đến nỗi thời thơ ấu tôi

có cái tư tưởng ý lại này : Thầy tôi mà ở nhà là không bao giờ có kẻ trộm vào được, ngủ cứ tự do bỗng các cửa. Mà dù cả nhà còn thức, bao giờ Thầy tôi cũng chỉ có một mình, nếu thêm một đứa con đứng hay ngồi tiếp chuyện, bao giờ cũng chỉ là tôi. Vì hình như đối với các anh chị lớn hơn tôi, sự lạnh lùng cách biệt giữa cha con đã thành thói quen từ lâu. Tôi thấy sự đó ít xảy ra trong các gia đình khác. Thầy tôi từ lâu nhận biết và tỏ rõ nỗi hụt hẫng nhưng tình trạng không bao giờ thay đổi. Có nhiều đêm mẹ con quây quần vui vẻ ở nhà ngang, trong khi Thầy tôi một mình bạn với khay đèn chơi với giữa ngôi nhà rộng lớn và vắng lặng. Mại chúng tôi vốn hiền từ, dễ dãi và khoan hồng nên bao giờ câu chuyện của chúng tôi cũng được tự do mà nở như bắp rang, chuyện tào lao gồm đủ loại, nói tóm lại chuyện của tuổi trẻ ! (cố nhiên là không mất giáo dục). Đến một đoạn thích thú, chúng tôi lại phá lên cười. Tiếng cười vang lọt vào tai Thầy tôi. Người cất tiếng : « Tâm ơi, chuyện chi mà cười dữ rúa, lên nói lại cho Thầy nghe thử coi ! » Mặc dầu người cố lấy giọng dịu dàng, mọi tiếng cười im lặng. Khó quá, biết làm sao, chuyện hàng quơ của ba đứa trẻ ranh mà kể lại cho người nghe sao được. Chị tôi đầy tôi đi : « Mau lên, lên thura lại với Thầy. Không thì bị

la cả bọn chứ ! » Bao giờ cũng đầy tôi, vì con Tâm, em tôi nó chưa biết trả lời ; mấy chị tôi bao giờ cũng cứ chuồn với đầy là giỏi. Chị Tư tôi hay dỗ tôi : « Thầy không la em đâu ». Giả hồi đó tôi dù lý luận thì tôi đã chất vấn các chị tôi về các khoản đó rồi. Tôi bèn rón rén bước lên, sửa cái bộ mặt tinh táo mà hỏi lại : « Dạ. Thầy kêu con ? » Người lặp lại câu hỏi khi nãy. Tôi vội vàng thura : « Dạ, có chỉ đâu mà vui. » Tức thì người nồi trân lôi định, đập tay trên ván : « Không có sao được ! Thiệt tao tức quá, mới nghe cười đó mà ! » Rồi người lại hả họng xuống, ôn tồn và nhõ nhẹ hơn : « Bạn sau đừng có rúa nữa nghe con ! » Thế là tôi phải ngồi luôn bên cạnh Thầy tôi mà bầu bạn cho đến lúc tôi mắt mòi dần và ngáp dài ngáp vẫn...

Lâu lâu lại tái diễn cái tần tùng ấy mà lần nào tôi cũng làm kẻ ngoại giao cho mấy chị tôi.

Thầy tôi không có óc mê tín dị đoan mà trái lại còn ghét cơ ghét cực khoa nầy. Có lần Mại tôi tin một ông thầy du phương cho dán mấy lá bùa hộ mệnh, cầu tài gì trong nhà không biết. Thầy tôi về thấy, bắt gỡ hết quăng đi. Một ông sui gia với Thầy tôi cũng thạo về khoa cúng quẩy ấy. Thầy tôi thường nói : « Ông giỏi ếm trừ,

sao không làm cho nhà ông giàu đi ?.

Phần đông người làng đều « chịu » cho tinh khốc chịu của Thầy tôi. Bởi thế rất ít khách đến chơi, chỉ thỉnh thoảng gặp kỳ tết lè đòi ông đến bàn việc làng xã, họ đương. Các ông đến gặp thầy tôi là... một sự cực chẳng đã, thầy tôi tinh nói thẳng, mà các ông phần nhiều thuộc về phái xôi thịt, định đám phire tạp lầm.

Năm tôi mới độ lên mười, ông Thượng Trác (ông NGUYỄN BÃ TRÁC) có vào chơi với Thầy tôi tại Bảo An vài lần. Lần nào ông cũng ở nói chuyện một ngày một đêm rồi mới về. Tôi còn bé, không hiểu hai ông thế nào, có tương đắc với nhau không, chỉ thấy câu chuyện ôn tồn, hòa thuận, không cãi lý và giận giữ. Nhưng khi khách về rồi, Thầy tôi chép nui lòng, nói một mình : — « Chán quá cho cái ông Trác, nói toàn chuyện quan trường ! » Thế là tôi mang mảng hiểu rằng ông Trác không phải là bạn tâm giao của Thầy tôi vậy.

Trong làng có ông Tú, người cùng họ, gọi Thầy tôi bằng anh, thỉnh thoảng có việc cần cung đến nhà tôi. Cái ông kè kè cũng giàn. Không bao giờ ông chịu ngồi mà nói chuyện, chỉ vòng tay đứng suốt câu chuyện rồi về. Có lần Thầy tôi phải đập

mạnh tay trên vai, hé : « Mời chủ ngồi ! Tôi mời chủ ngồi ». Mà, lạ thay ông Tú vẫn giữ mãi đậm, trưởng của ông. Kề ra, số người không vừa ý Thầy tôi cũng nhiều, không vì điểm này cũng vì điểm nọ. Nhưng cái điểm mà Thầy tôi hay « chỉnh » nhất là vẫn phạm trong câu nói. Người nhà quê miền Trung hay dùng tiếng « ông », « bà » để chỉ cha mẹ lúc vắng mặt. Và khi hỏi họ một việc gì mà họ không rõ, họ đáp cut ngùn : « Biết chi ! » Thầy tôi luôn luôn dạy con cháu trong nhà tránh những tiếng nói vô lễ ấy và nếu nghe ai nói, cũng mạnh dạn sửa chữa họ.

Tôi chỉ thấy có một người vừa ý Thầy tôi là chú H.P., thường đến nhà học thêm chữ nhỏ với Thầy tôi mỗi buổi chiều, trong khoảng năm tôi mười sáu tuổi. Chú người ở Xuân-dài, cháu cụ cố HOÀNG-DIỆU và có họ ngoại với thầy tôi. Tôi vẫn nghe Thầy tôi khen về chú là thanh niên đứng đắn, thông minh và có chí.

Thầy tôi ít khi xem tiểu-thuyết, truyện ngắn, của các nhà văn phái mới. Nhưng có một đêm, Thầy tôi bảo tôi ngồi bên bàn đèn mà đọc quyển « Ngâm ngợi tim tròn » của THANH-TỊNH. Đó là một tập sách gồm nhiều truyện ngắn. Sau khi tôi

đọc hết truyện đầu, Thầy tôi bảo đợt tiếp chuyện thứ hai và cứ như thế cho đến khi xong toàn tập. Thầy tôi khen tác giả viết hay và hỏi tôi : «Con có biết hay chỗ nào không ?» Tôi nhớ bấy giờ tôi đương học lớp nhì, tuy đã bắt đầu yêu văn nhưng trình độ có bao nhiêu mà biết trả lời, dành thô thiển như : «Đa không». Thầy tôi nói : «Truyện không làm người đọc chán, xem truyện này rồi inuốn xe lại tiếp truyện khác, thế là hay ! »

Tôi về nhà chừng được ít lâu thì xảy ra cuộc đảo chính Nhịt rồi tiếp đến Việt Minh cướp chính quyền. Sau cuộc đảo chính tháng 3 - 45, dù tôi sinh một em bé trai út nữa. Thầy tôi đặt tên là Lang-Sa, kỷ niệm cái ngày Tây về xứ, sau 80 năm đó họ dân tộc Việt.

Đối với chính quyền lâm thời của V.M. bấy giờ, Thầy tôi lầm lúc bắt bình. Thái độ bắt bình ấy, khi thì chỉ biếu lộ bằng vài cái xì, xà, làm bầm một mình của Thầy tôi, khi thì nồ hùng ra giữa đám đông quần chúng như nói chuyện về Hiệp định sơ bộ tại Vĩnh-diện. Kết quả cuộc nói chuyện này, Thầy tôi sinh lòng tri nói lầm nhầm luôn trong cả tuần, uống thuốc mới hết.

Thế rồi, tinh linh chúng tôi

lại thấy Thầy tôi xách va li lên đường, từ giã vợ con nói là đi Hà-Nội viết báo. Trong «Trăm hoa đua nở trên đất Bắc», tôi thấy tiêu sử Thầy tôi có nói chuyện đi này do ông HỒ-CHÍ-MINH triệu tập). Đạo ấy vào khoảng tháng 4 năm 1946. Tôi có ngờ đâu lần ra đi của Thầy tôi năm ấy đối với tôi là lần vĩnh biệt !



DÈ M nay, một đêm đầu xuân năm Canh-Tý tôi chong đèn ngồi viết mấy trang ký ức này bên cạnh mấy đứa cháu bé say ngủ, lòng bàng hoàng nhớ lại những đêm xuân quang 20 năm về trước. Và giờ đây nơi chốn suối đất Bắc, Thầy tôi có biết cho đứa con ở miền Trung này đương thành kính tưởng nhớ đến người cha đã an giấc chốn tha hương ? Chính ở Thầy tôi, tôi chịu ảnh hưởng sâu xa nhất về nền luân lý gia đình đẽ có thể ngày nay tự hào rằng không đến nỗi thua em kém chị về các bỗn phận làm đầu, làm vợ và làm mẹ. Có vậy, ở bên kia thế giới, người mới hài lòng vì đã không luống công đem mấy lời vàng ngọc mà giảng dạy chúng tôi thời thơ ấu.

(Viết ở Kỷ - Lý, một
đêm xuân Canh-Tý).



CHƯƠNG HAI

I.- ĐỜI SỐNG TINH THẦN

*Ảnh-hưởng
sâu - rộng*

*của Văn-
Hóa Pháp*

XÉ T về phuơng-diện lịch-sử, hầu hết các hoạt-động văn-nghệ của Việt-Nam hồi Tiềng-chiến đều tập-trung ở Hà Nội, thủ đô văn-học, phát-xuất mạnh-mẽ

* **NGUYỄN-VŨ**

nhart nơi đây và tiến-triền phồn-thịnh nhart nơi đây.

Do dì-vang lịch-sử vè-vang của nó, với những di-tích cồ-truyền

vỹ-đại, với đền Ngoc-Sơn, với Tháp Bút, với Văn-Miếu thờ đức Khồng-Tử, với những tấm bia của các ông Nghè từ đời nhà Lê, và do trung Cao-dâng mới mẻ đồ-sộ của nó, và Viện Bá-Cô Viễn-dông, một kho sách quý giá vô-đang, Hà-nội, cựu kinh-đô Thăng-Long, đã gây ra được một thần-bí thu-hút nhoáng-trí-đe, và rực-rỡ một hào-quang mà thời-gian càng làm chói sáng thêm mãi. Cả uy-tín gần như thiêng liêng ấy đều gom trong một câu thơ :

« Nghìn năm văn-vật đất Thăng-Long »

mà người Hà-nội không mấy ai là không hâm-diện ngâm-nga.

« Sông Nhị » từ bên Tàu chảy về đến Hà-nội chia ra thành hai con sông nước đỏ ngầu và cuồn-cuộn, « Núi Nùng », theo lời các cụ bô-lão cho biết, là một mỏ đất chỉ cao chừng mười thước ở trong vườn Bách-Thú, nhưng bốn tiếng « Sông Nhị Núi Nùng » đã khêu gợi cho người Việt-Nam cả một thần-bí vè-vang thơ-mộng. Nó đã thành một tượng-trưng của hồn thiêng Đất Nước, dãy nhựa sống vô-lận, dày phẩn-khởi bất ngờ, chứa đựng trong lòng đất cả một

kho-tàng của tinh-hoa bất diệt.



Tuy-nhiên có một điều mà chúng ta không khỏi ngạc-nhiên là Hà-nội, kinh-đô Văn-hóa, nơi tập-trung của dâ-số, các tao-nhan mặc-khách thời Tiền-chiến, lại không phải là quê-hương chính của họ. Hầu-hết các Văn-nhan Thi-sĩ hoạt-dộng văn-nghệ ở Hà-nội đều quê-quán ở các tỉnh Bắc-Việt, hay Trung-Việt, còn chính sinh-trưởng ở Hà-nội thì không có mấy người. Kè dài-khai như TÂN-ĐÀ NGUYỄN-KHẮC-HIẾU là người ở Sơn-Tây, NGUYỄN-VĂN-VĨNH quê ở Hà-dông, NHẤT-LINH quê ở Quảng-Nam, NGUYỄN-TUÂN ở Thanh-Hóa, TRƯƠNG-TÙU ở Bắc-Ninh, LAN-KHAI ở Tuyên-Quang, THẾ-LŨ hình như ở Hải-phòng, LƯU-TRỌNG-LƯ ở Quảng-Bình, XUÂN-DIỆU hình như ở Qui-nhon, KHÁI-HƯNG hình như ở Thái-Bình, ANH-THƠ ở Bắc-giăng, NGUYỄN-CÔNG-HOAN & Nam-Định, MỘNG-SƠN ở Nam-Định, PHẠM-QUỲNH hình như ở Hải-Dương (?), v.v...

Sinh-trưởng ở Hà-nội, có lẽ chỉ có VŨ - BẮNG, VŨ - TRỌNG - PHUNG và một vài bạn nữa... PHẠM - HUY - THÔNG cũng sinh - trưởng ở Hà-nội, nhưng anh cho tôi biết quê anh ở Hải-Dương.

Như vậy, Hà-nội « nghìn năm Văn-vật » không sản - suất được nhiều nhân-tài Văn-nghệ, nhưng lại là nơi nung-dúc các Văn-tài trong thời Tiền-chiến.

Thời Tiền-chiến, ảnh - hưởng của Văn-hóa Pháp rất sâu - rộng trong các giới trí - thức, cho nên hầu hết các nhà Văn-nhà Thời Việt-nam thời-kỳ ấy đều hấp-thụ Văn-hóa Pháp và tất cả đều chịu ảnh-hưởng của Văn-hóa ấy, không nhiều thì ít.

Ảnh - hưởng của Văn - hóa Tàu thuần - túy có thể nói là đã suy - tàn rồi : một vài nhà Nho, như Cụ Cử DƯƠNG - BÁ - TRẠC, Cụ Nghè NGÔ - ĐỨC - KẾ, v.v... chỉ viết báo và thiên về chính-trị nhiều hơn. Thi-sĩ TÂN - ĐÀ NGUYỄN - KHẮC - HIẾU là một trường hợp đặc-biệt. Nguyên gốc Nho-học, ông chỉ biết tiếng Pháp chút ít thôi, không đọc và không viết được, cho nên Văn thơ

của ông theo cảm - hứng hoàn-toàn Việt-nam, với một ít phong độ của con nhà Nho « ngông-nghênh ». Chính ông tự cảm thấy như cô - độc giữa một « chợ Văn », hầu hết là mang sắc - thái của Văn - hóa Âu - Tây đang thịnh - hành. Ảnh - hưởng của Văn-hóa mới đã tràn ngập trong các sách báo của PHẠM - QUỲNH, NGUYỄN - VĂN - VĨNH, TRẦN - TRỌNG - KIM, NGUYỄN - VĂN - NGỌC, PHẠM - DUY - TỐN, là những người thuộc về thế - hệ tiền - bối. Lớp thanh-niên từ 1925 chịu ảnh hưởng văn-hóa Pháp càng nhiệt thành hơn, và mở đầu phong-trào văn-nghệ lâng - mạn theo ảnh-hưởng Pháp là một Sinh - Viên trường Cao - Đẳng Sư - Phạm, HOÀNG - NGỌC - PHÁCH. Quyền tiểu-thuyết lâng - mạn đầu tiên ra đời trong lúc ấy nhan đề TỐ - TÂM, do anh viết ra, có một sức mạnh hấp - dẫn vô cùng mãnh - liệt và mau chóng, lôi cuốn cả một thế - hệ thanh - niên nam nữ vào một đời sống tình - cảm mới lạ. Quyền Tố Tâm ngày nay không còn hấp - dẫn nữa, vì nó đã bị các lớp trào - lưu khác vượt

VĂN SĨ THI SĨ TIỀN CHIẾN

quá nhanh, nhưng lúc bấy giờ nó là quyền truyền gối đầu giường của tất cả các từng lớp thanh-niên ở các học-đường.

Ấy là thời - kỳ mà sinh viên trường Cao-Đẳng Hà-Nội được coi như là Đại-diện cho lớp trí-thức mới, được trọng vọng kính nể và âu yếm.

Ấy là thời kỳ mà một câu 'chữ Nho được truyền tụng trong đám Nữ-sinh Trung-học và các thiếu nữ trong các gia đình «thượng lưu» «quý phái», là câu :

«*Phi Cao đẳng bất thành phu
phụ.*»

(không phải sinh viên trường Cao đẳng thì không thành vợ chồng).

HOÀNG-NGỌC-PHÁCH, tốt nghiệp trường Cao-dẳng ra làm giáo sư, rồi không viết tiểu-thuyết nữa. Tôi không được biết về sau này ông còn viết gì nữa không, nhưng dù có, cũng không còn tiếng vang, và tôi rất tiếc không được dịp gặp ông để dò hỏi xem vì duyên cớ gì.

Hầu hết các nhà văn sĩ thi sĩ kế tiếp Hoàng-ngọc-Phách, cho đến năm 1939 là khởi sự chiến tranh, đều có trình độ học thức căn bản

là *Cao đẳng*, hoặc *Tú Tài Pháp*, hoặc *Cao đẳng tiểu học Pháp - Viết*, tức là *Diplôme d'Etudes primaires supérieures*, (quen gọi là Bằng Thành Chung), ít nhất cũng đến trình độ *Bằng Thành Chung*, theo chương trình trung học Pháp.

Một số nhà văn là cựu Giáo viên (Instituteur), hoặc đang dạy học, đã đỗ bằng Thành-Chung, như LAN-KHAI, NGUYỄN-TRIỆU - LUẬT, NGUYỄN-CÔNG - HOÀN, K H Á I - HƯNG, TÚ MỚ, HOÀI - THANH, v. v... hoặc có sức học tương đương với bằng ấy như NGUYỄN-TUÂN, LƯU-TRỌNG - LƯ, TRƯƠNG - TỬU, LÊ - VĂN - TRƯƠNG, VŨ-TRỌNG-PHUNG, v.v... NGUYỄN - TƯỜNG - TAM đỗ Cử-nhân khoa-học. Một số nhà văn khác có bằng Tú-Tài Pháp, hoặc là Sinh viên trường Cao đẳng Sư-phạm hay Luật-khoa, như V Ủ - BẮNG, NGUYỄN - NHƯỢC - PHÁP, PHẠM - HUY - THÔNG (lúc chưa du học sang Pháp) TÙ-BỘ-HỨA, VŨ - NGỌC - PHAN v.v...

Một vài trường hợp đặc biệt ra ngoài thông lệ này, như

VĂN SĨ TIII SĨ TIỀN CHIẾN

NGUYỄN-BÍNH, chưa học đến năm thứ ba ban Thành Chung, MỘNG - SƠN không có học trường nào hết, ANH-THO thi rớt bằng Sơ - học (*certificat d'Etudes primaires*).

Phần nhiều các nhà Văn đều có tự học thêm, mặc dầu đã thi đỗ được bằng-cấp ở học-duòng, hoặc chưa đỗ đạt gì, như MỘNG SƠN có thầy dạy riêng cả Pháp văn và Hán - văn, TRƯƠNG TỬU, nghiên-cứu về các sách Triết-lý và xã-hội học, NGUYỄN-TUÂN nghiên-cứu về sách cờ, LƯU - TRỌNG-LƯ ưa những sách Pháp dịch thơ An-dò và thơ Tàu, LAN KHAI chuyên đọc các sách về khoa tâm-lý và các tiểu thuyết của Paul Bourget và Pierre Benoit. VŨ TRỌNG PHỤNG chuyên môn nghiên-ngắm các tiểu thuyết của JACK LONDON và MAXI-

ME GORKI, v.v...

Hầu hết các nhà Văn Tiền-Chiến đều ham-mê đọc sách Pháp, nhất là các Văn Thơ Pháp từ Moyen-âge (Trung-cổ) đến Thế-kỷ XX.

Nhờ thông-thạo Pháp-ngữ, họ đọc được cả các sách dịch ra Pháp-ngữ của các tác-phẩm Hy-Lạp, La-Mã, Anh, Đức, Ý, Nga, Mỹ, Nhật, v.v... Những người có học Anh-ngữ (từ Tú-Tài trở lên) đều có đọc ít nhiều nguyên văn các tác-phẩm của Anh, Mỹ, Ấn-độ.

Đó là đại-dè căn-bản văn-hóa của một số đông các Văn-sĩ Thời-thì Tiền-chiến.

Do đó mà từ lối hành-văn cho đến các nguồn cảm-hứng trong văn-thơ của họ đều chịu ảnh-hưởng sâu đậm của Văn-học Âu-Tây, nhất là Văn-học Pháp của thế-kỷ XIX và Thế-Kỷ XX.



* DANH NGÔN

Tôi đọc sách không phải chỉ để mở mang trí thức mà để nâng cao tâm hồn.

GUÉRIN

Những ý tưởng đẹp về tình yêu

Sưu tầm : THANH - LỘC

* Khi chúng ta không thu hút đặng đàn bà thì đừng deo. đuổi họ nữa. Người đàn bà chỉ bị chinh phục khi người đàn ông đủ sức hấp dẫn họ. Một khi họ thấy deo đuổi họ sẽ từ khước.

* Người ta có thể quyền rũ người đàn bà bằng sự dối trá. Nhưng người ta chỉ chinh phục được họ với tấm lòng thành thật.

KRASSOVSKY

* Người đàn bà trung trinh nhất chỉ muốn sống với một người đàn ông, nhưng họ vẫn muốn có nhiều đàn ông khác chết vì họ.

ALPHONSE KARR

* Thường người ta vẫn yêu nhau vì những đức tính. người ta không có; thế rồi người ta lại xa nhau vì những tính xấu mà người ta cũng không có.

DANIEL STERN

* Tình yêu có thể an ủi được tất cả, có thể an ủi ngay chính những ưu buồn mà nó đã gây ra.

P. ROCHEPÈDRE

* Yêu là gì?... Yêu là đặt tất cả những nghị lực của mình vào trong tay một người khác.

THÉOPHILE GAUTIER

* Những con tim đã hàn gắn với nhau rồi, thì không xa cách nhau nữa, mà chỉ có thể... xé nát lẫn nhau thôi.

AUDRIEN DUPUY

* Không thể vừa si tình vừa sáng suốt được.

BACON

* Không bao giờ người ta «yêu» như người ta đã đặng «yêu», vì thế muốn đạt được hạnh phúc trong ái tình, chúng ta phải «cho, tất cả mà không đòi hỏi gì cả.»

PAUL BOURGET

* Nếu sợ mèch lòng nhau thì không bao giờ yêu nhau.

G. FLAUBERT

TRUYỆN NGẮN

QUỐC
TẾ

Nghen tuóng

dè lây vợ

* của SAINT — EXUPÉRY
Viết tại Saigon tháng 7, 1955
Tranh vẽ của Josephe Goeace

* TÂN-PHONG lược dịch

Trong Phòng số 29 vừa rồi, có bài nói về de Saint Exupéry, nhà văn-sĩ trẻ tuổi đã lừng danh cả nước Pháp và Thế giới. Nay, tôi xin lược dịch một truyện ngắn của nhà văn ấy, viết ngay tại Sài Gòn năm 1950, hồi nhà văn làm phi công ở Tân Sơn Nhất.

TÌNH tôi hiện làh dẽ dài. Ai mới quen với tôi, tôi cũng thấy dễ thương cho đến khi, do sự tiếp xúc lâu ngày, tôi thấy rõ cá tính của họ. Tôi thật rằng đời tôi đã bị thất vọng nhiều lần. Tôi đã bị làm mồi cho những kẻ xảo trá, tự xỏ lá ba que, và than ôi, cả những người phụ nữ không có con tim nữa!

Chán nản vì những thí nghiệm tái diễn mãi, tôi đã nhất quyết nghiên cứu khoa học tóm tắt để nhận xét về tính nết

của những người tôi quen, và đề phòng trước.

Rồi tôi khởi sự học hỏi rất nhiệt thành về các khoa xem tướng, xem chỉ tay, xem chữ ký, bói bài cào, cả khoa chiêm tinh học nữa, để biết rõ tính tình của những người mà tôi đang giao thiệp.

Tôi đọc các sách tướng, tôi gom góp các tài liệu. Tôi dùng đủ các mưu kế để tìm biết những ngày sanh tháng đẻ của các bạn bè mà khó nhất là các bạn gái. Tôi lén dòm ngó các hình dáng ngón tay của họ, hai tai, trán, mũi, môi

XEM TƯỚNG ĐỀ LẤY VỢ

miệng của họ. Những lần đi coi xi-nê hoặc đi đến chỗ đám đông nào, đều là những cơ-hội để tôi quan-sát các gương mặt lạ, vòm trán, đỉnh đầu, của nhiều người, và tôi khoái nhất là gặp các người sỏi đầu. Tôi có một quyền số con, tôi nhờ các người quen viết vở đầy một vài câu lưu-bút, để rồi tôi bí-mật nghiên-cứu nét chữ của họ.

Giữa lúc tôi đang mê-mải học hỏi về nghề xem tướng như thế, thì tôi nhận được một bức thư của hai vợ chồng một người bạn ở Majseille báo tin cho tôi biết đứa con trai lớn của họ, 23 tuổi, sắp qua Saigon để tập-sự trong một hàng buôn lớn. Hai ông bà ấy gởi-gắm cậu cả cho tôi, nhờ tôi dùu-dắt cậu ở nơi dắt khách quê người, và giúp đỡ cậu vì lần đầu tiên cậu sang Việt-Nam, còn bỡ-ngỡ và tinh nết còn trẻ con, chưa biết gì, vân-vân và vân vân...



Có ý-thức đầy-dủ về bồn-phận, tôi ra bến tàu để đón cậu Eliacin (xin tạm gọi theo tiếng Việt là cậu Lý-Sinh cho dễ hiểu). Thế là cậu Lý-Sinh xâm-nhập vào đời sống của tôi, bám lấy tôi như một giây đậu petit pois quấn chặt vào cây cọc.



Cậu Lý Sinh bám lấy tôi như một giây đậu petit pois quấn chặt vào cây cọc...

Tôi thuê cho cậu một phòng trong một Khách-Sạn, gần ngay con đường yên tĩnh chỗ tôi ở. Cậu lười biếng quá, không chịu đến dùng bữa ăn sáng với tôi, nhưng 1 giờ trưa thì cậu đến uống cà-phê với tôi, và xin phép tôi cho cậu nằm ngủ trưa trên đì-văng ở phòng khách. Hết giờ ở Sở ra, cậu về thẳng nhà tôi rồi hể tôi đi đâu là cậu cứ kè-kè đi theo bên cạnh : đến tiệm cà-phê,

đi hồ tắm, đến câu lạc-bộ, ra dạo mát nơi Cột Cờ Thủ-ngữ v.v... và v.v... Cậu ăn bữa tối với tôi và mỗi tuần một hai lần chúng tôi đi coi chớp bóng. Hôm nào có ai mời đi dự tiệc mà cậu không được mời, thì cậu chán-nản, tuyệt vọng. Cậu rên-rỉ :

— Tôi ở nhà một mình, chán quá !

Tôi bảo cậu lấy sách đọc, cậu trả lời. Tôi lại bảo :

— Kiếm một cô bạn gái, đặt di-xi-né.

— Tôi không có bạn gái.

— Một cậu bạn trai vậy !

— Tôi chỉ có một mình ông là bạn trai thôi,

— Thế thì đi dạo một vòng ngoài bờ sông, nhìn các cô gái Việt-Nam trẻ đẹp, coi người ta chèo ghe... Cậu muốn làm gì thì cứ làm, tùy theo sở thích.

Lúc mới ban đầu tôi thấy cậu Lý-Sinh dễ thương, nhưng bây giờ thì tôi đã nhận xét khác hẳn : tôi thấy cậu làm bạn rộn tôi nhiều quá. Tôi bắt đầu dùng những thủ đoạn đe bùi roi cậu một đôi giờ, tôi phải có mánh lối ngoại giao đe bảo cậu đi đến những chỗ mà tôi không đến, và đừng cho cậu đến những chỗ có tôi.

Bỗng dung tôi có một ý-nghĩ tuyệt-vời. Tuổi trẻ cần say-mê. Lý-Sinh không thích chơi tem,

không thích thể-thao, không tra theo gái, Cậu đánh cờ cũng thấp, không ham tiêu thuyết tinh thám, không có khiếu về nghệ-thuật văn chương. Chắc cậu phải say mê một cái gì, nhưng cậu có cái tội hay sợ sệt người ta phê-bình. Cậu không có thề cương - quyết làm một việc gì nếu không có sự khuyến khích và chỉ-dẫn của một vị "quân sư". Tôi nghĩ thầm rằng nếu tôi bày vẽ cho cậu một công việc gì để cậu làm, chắc là cậu sẽ tập được tính tự lập và rèn luyện được cá-tính vững vàng.

Rồi tôi chỉ-bảo cho cậu về khoa xem tướng. Thật là một ý-nghĩ tài-tình. Cậu Lý-Sinh lẩn xẩn vào món ăn ấy và cậu nhai nuốt nó một cách thèm thuồng, khiến tôi phải ngạc-nhiên. Chừng đó, cậu mới cho tôi biết rằng Ba má của cậu có ý-định kiêm vợ sớm cho cậu và đang tìm cho cậu một nơi lý-tưởng. Cậu bảo tôi :

— Tôi tin-tưởng nơi những nhận xét đúng đắn của Ba Má tôi, nhưng bây giờ tôi có quyền định đoạt theo ý muốn.

Tôi nhiệt liệt khen cậu.

Thế rồi một hôm, cậu hồn-hở đến nhà tôi với hai bức ảnh kẹp dưới nách. Cậu bảo :

— Đây là hình hai cô thiều-nữ mà Ba Má tôi muốn lựa chọn để kết duyên với tôi. Hai cô, cô nào cũng được cả về mọi phương diện : gia-dình, địa vị, của cải,

XEM TƯỚNG ĐỀ LẤY VỢ

đức-hạnh, v.v... Chỉ khác có gương mặt. Ba Má tôi gửi cả hai tấm ảnh này để tùy ý tôi lựa chọn. Nhưng tôi muốn hỏi ý-kien ông. Theo ông thì ông thích cô nào hơn? Nhờ ông xem tướng coi cô nào cho tôi được hạnh-phúc hơn?

Tôi vui-vẻ lấy một trong hai tấm ảnh và quan-sát cẩn-thận:

— Xem thử xem nào. Con bé này có duyên-dẩy. Đôi mắt hơi nhò, mũi hơi nhọn... Nhưng gương mặt tươi-tinh và khôn-lanh! Cái miệng có hơi méo một bên có phải không? Cái cằm hơi vuông... Nhưng cô à duyên-dáng

lắm, duyên-dáng lắm... Tôi mừng cho cậu.

— Chưa! Còn cái hình cô này?

— Cô này hả? À Con bé này hả? ! Đẹp lắm. Đẹp lắm... tuy rằng vẻ đẹp hơi khác: mũi-mắn hơn... Hai gò má như... như hai... hai trái póm ưng-ứng chín... Đôi mắt đẹp và sáng rực... ủa mà hình như con mắt bên này nhò hơn con mắt bên kia nhỉ... Cái mũi hơi bụ nhưng thẳng-thắn... Gương mặt có vẻ cương-quyết... À! Con nhỏ đáng yêu ghê!... Cái cậu này thật là tốt số...



— Hai cô này, ông thích cô nào?

XEM TƯỚNG ĐỀ LẤY VỢ

Cậu Lý-Sinh cười bảo tôi :

— Nhưng tôi đâu có cưới luôn một lúc hai cô nầy được. Tôi phải lựa chọn. Tôi muốn nhờ ông xem tướng dùm cho thật kỹ, rồi tôi sẽ theo đó mà quyết định. Tôi rất tin nơi nhận-xét của Ba Má tôi, nhưng chắc Ba Má tôi không sao biết rõ được tâm-tính của hai thiếu-nữ nầy. Chúng ta phải áp-dụng khoa-học tướng-số để nghiên-cứu tỷ-mỹ về hai bức ảnh, rồi chúng ta sẽ xem xét chử ký của họ nữa...

Tôi vui-vẻ trả lời :

— Được. Chúng ta khởi sự ngay từ tối nay.

Ăn bữa tối xong, Lý-Sinh tìm tôi trong văn-phòng. Tôi đã lấy ra đề trên bàn cả một tủ sách về khoa-học tướng số. Đầu các sách của Lavater và Duchenne de Boulogne, Ledos và Papus Carton và Pierre Abraham, v.v...

Hai bức hình của hai thiếu-nữ nầy đã rõ lớn, các nét đều rõ-ràng. Chúng tôi lấy thước do bề cao và bề rộng của cái trán đối với hai bên lưỡng-quyền. Đo hai con mắt, cả đường chu-vi và đường kính, bề dày của lông mày, bề cao của sống mũi, bề rộng của hai lỗ mũi. Đo cả đôi môi trái tim, chỗ dày nhất là mày phân, chỗ mỏng nhất

là mày li, và cái cằm vuông, hay tròn, hay méo, cái cò cao như thế nào, hai tai rộng, hẹp, bao nhiêu.

Tôi chỉ phàn-nàn rằng cô Arlette C... (ta hãy tạm gọi tiếng Việt là cô Cầm) và cô Bénédicte P (cô Phúc) đều đẽ tóc nhiều quá, thành thử không làm sao do cho đúng được vòng tròn của hai cái đầu là mày tắc, và đỉnh đầu tròn hay là bằng. Giá như hai cô cao trọc đi thì mình coi mới chắc hơn. Mặc dầu vậy, tôi cũng có thè nói rằng cô Cầm thuộc về loại Vénus và Saturne (Kim Tinh và Thổ-Tinh) còn cô Phúc thuộc về loại Jupiter và Mars (Mộc tinh và Hỏa-tinh)..

Xem kỹ như thế rồi, tôi mới dờ sách tướng ra tra-cứu. Tôi theo trong sách mà bảo :

— Bây giờ nói về tướng của cô Cầm trước nhé. Cô nầy có những nét rõ ràng, không gầy mà không có khía cạnh, cô thông-minh, yêu-diệu và khéo léo. Người da cảm, nhưng tự-chủ được trong lúc nóng-nẩy, nghĩa là không hay cái lẫy và gây lộn với chồng. (Có hạnh-phúc lắm đa !). Thích tiền-bạc, nhưng không hà-tiện, (thế là tốt lắm !) Có thè xài lớn miễn là

XEM TƯỚNG ĐỀ LẤY VỢ

thỏa mãn được những cái gì cô ấy muốn. Nhưng lại hay tiếc tiền đối với những món tiêu nhở-nhở...

Câu Lý-Sinh buồn-bã, lắc đầu :

— Thế là phiền quá nhỉ ! Nếu đòi vót của tôi rách, chắc cô à không thèm vá đâu.

— Chừng đó cậu sẽ dậy cho cô ấy vá chử... Nhưng cái này thì hơi... không tốt, là con mắt mà có cái đuôi ra đến gần tai, thì tỏ rằng dưới một nét bén-lèn giả dối cô dẫu kín một tâm-hồn truy-lạc...

— Hả ? Trụy-lạc hả, ông ?

— Ủ... và ham thú xác-thịt, không biết thế nào cho vừa.

Câu Lý-Sinh nhảy nhòm lên :

— Ối thôi ! Ối thôi ! Thôi ! Thôi !

— Cái môi dày núc-ních như thế này chúng tỏ rằng cô ấy có những thèm muốn say-mê (Câu nhór mời tôi với nhé !) và sẽ khốn-khổ cho cái thẳng đàn-ông nào mà bị cô này quyến rũ, quyến rũ để rồi phản-bội...

— Thôi thôi ! Đề mai tôi gửi cái ảnh này về Marseille trả lại cho nó Ông coi qua cô Phúc kia xem.

Tôi lấy hình cô Phúc và, cũng theo trong sách mà nói :

— Cô này cái mũi bụt mà ngắn, hai lỗ mũi chè-bè ra, hai má núc-ních, cồ lùn và nhiều mõi, đó là

dấu hiệu một người đàn-bà ham vật-chất và các khả-năng tinh-thần đều bị những ham muốn vật chất lấn-át hết. Trí-óc không thông-minh, tính-tình cọc-lóc... Kề ra cô này còn hơn cô Cầm, vì ham các thứ vật-chất mà khù-khờ còn ít nguy hiểm hơn là ham vật chất mà thông-minh !

— Phải, tôi thích có người vợ khù-khờ hơn là một người vợ thông minh.

— Câu nên mừng đi, vì cô này được cái tính vui vẻ, thích cười, ưa nói bông-lon, chỉ tiếc một điều là cô rất ham ăn, nhất là ăn vặt quà bánh cả ngày. Lại ưa ngồi kẽ cà trong các đám tiệc, ăn nhậu say sưa rồi ưa hát những bài hát tục tĩu...

— Ba Má tôi không thích có con dâu như vậy đâu, ông ơi !

— Đôi mắt cô này là mắt lươn, thế nào cũng cho cậu cầm súng...

— Cũng như cô kia hả ?

— Ủ, nhưng có khác là cô kia tuy là dâm-dục, nhưng bề ngoài còn biết che đậy dưới lớp vỏ chính chuyên, còn cô này thì làm đĩ ra mặt...

Tôi xếp sách lại :

— Thôi, tôi không thèm coi nữa đâu

XEM TƯỚNG ĐỂ LẤY VỢ



Thế nào cũng cho cậu cầm súng.

Cậu Lý Sinh ngồi cúi mặt, thất vọng :

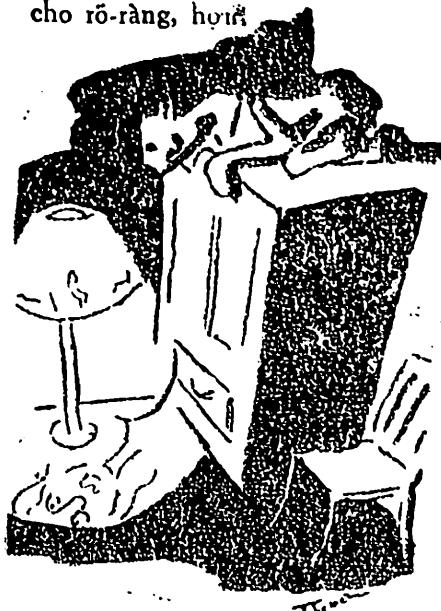
— Tôi biết tính sao bây giờ đây ? Ba Má tôi viết thư nói với tôi rằng Ông bà đi lựa chọn thật kỹ trong số các cô gái quen biết ở Marseille, chỉ có hai cô này là được hơn cả. Ngờ đâu ! Nếu không có ông, không có mấy quyền sách tướng của ông, thì thế nào tôi cũng phải cưới một trong hai con quỷ sứ này, hai con rắn độc này... Ô ! Ô ! Tôi không thể tướng-tượng được ! ..

Cậu Lý Sinh chán nản bỏ đi ra vườn.

Đêm ấy, một mình tôi trong phòng, tôi coi lại hai tấm ảnh. Xem kỹ ảnh của cô Phúc thì rõ

rằng cô thuộc về ảnh hưởng hai sao Mộc Tinh và Hỏa Tinh và chắc chắn là cô ham muốn vật-đục như lửa cháy.

Nhưng còn cô Cầm ?.. Tôi bỗng sinh ra thắc-mắc. Cô thuộc về loại hình bầu-dịc, hay là tròn dài ? Muốn yên trí, tôi thấy cần phải coi lại. Tôi cầm tấm ảnh của cô lên xem, đưa ra xa, và đem lại gần, rồi lại đưa ra xa, nhìn với con mắt bên phải, rồi nhìn với con mắt bên trái, rồi nhìn cả với hai mắt... Rồi tôi nhắm mắt lại, đè rồi mở bừng mắt ra ngó chăm-chăm vào gương mặt trên tấm ảnh. Tôi lại đặt ảnh trên tay thảm trải trên sàn nhà, tôi leo lên tủ, nằm trên nóc tủ để ngó xuống cho rõ-ràng, huy...



...Tôi nằm trên nóc tủ để ngó xuống cho rõ-ràng hơn.

XEM TƯỚNG ĐÈ LẤY VỢ

Năm trên tủ, bỗng dung tôi
nghĩ rằng tại sao mình không dè
tấm ảnh trên tủ, chố mình đang
nằm, còn mình thì nằm trên tấm
thảm mà ngó lên có phải càng rõ
hơn không? Tôi bèn tụt xuống,
nhưng tôi mắt thăng bằng và té
nằm trên tấm thảm, nơi đây tôi
mệt quá, ngủ thỉm-thíp...



Mấy hôm sau, tôi nhận được
bức thư dài của Ba má cậu Lý
Sinh gởi bằng phi cơ. Hai hôm
sau nữa, tôi nhận được cái giây
thép của hai Ông bà:

« Chúng tôi vô cùng ngạc nhiên
vì quyết định không ngờ của Lý
Sinh. Nhờ bạn làm ơn khuyên
bảo nó, bắt nó phải lựa chọn một
trong hai cô ».

Tôi thấy bức minh vì họ làm
bận rộn tôi vì một việc riêng của
gia đình họ. Tôi làm ngơ, mặc kệ
cậu Lý Sinh. Và sau đó, Cậu Lý
Sinh bị cha mẹ rầy la bắt buộc,
phải kết hôn với cô Cầm.



Không dè cuộc đời của đôi vợ
chồng Lý Sinh và Cầm lại đầy
hạnh-phúc. Thấy vậy, tôi đốt hết
các sách tướng số của tôi, và tôi
bắt đầu nhận thấy rằng tướng số
là một khoa học rất phong phú và
rất phức tạp cũng như cuộc đời,
không thể ngó qua một vài nét mà
vội vàng kết luận một cách tổng
quát được. Nói quả quyết mà
không tra cứu thật thâm thúy, chỉ

dựa theo một vài nguyên tắc đã
quy định sơ sài ấy là làm công
việc của người thợ máy, chứ
không phải của nhà Bác học. Ấy
là coi con người như một cái máy,
chỉ vặt một vài lò xo là nó chạy,
chứ không chịu tìm hiểu cái tinh
chất rất mềm dẻo của bộ máy. Ấy
và những khả năng tiến hóa của
nó... Cuộc đời cũng phức tạp như
thế ấy và mọi vấn đề cần phải
nhận xét kỹ vậy.



Còn người không phải như
cái máy; chỉ vặt lò-xo là nó
chạy được.

MỘT BÀI THƠ HAY

ẤN - ĐÔ



Của Thi-sĩ PRABHAT VAIDYA

A FESTIVAL OF GREENS

Once there was a festival of things green
And all the world greens were on the scene:

The green of young paddy fields in July
And of raw mangoes eaten on the sly
Of the ribbons in a girl's first pigtail
And of the bangles on a bride so pale;

The green of the stars' dance
And of the thoughts of vegetarians,
Of the light at the crossing (perhaps)
And of the cricket team's county caps;

Even the green of the beer bottle
And of the cover of the crime novel,
Of the flag of our next-door neighbour
And of the pencil of the auditor;

One green only was debarred from the feast
That of the eyes of the Jealousy Beast.

PRABHAT VAIDYA
(after SAROJINI NAIDU 1959)

ĐẠI - HỘI MÀU XANH

Một buổi liên-hoan những vật màu Xanh.
Đủ các màu Xanh khung-cảnh long-lanh :

Đồng xanh lúa non trong mùa tháng Bảy,
Xoài xanh còn chua muối ăn lén hái,
Băng xanh thất nơ đuôi tóc thơ-ngây,
Chiếc vòng xanh-xanh cò dài đeo tay.

Màu sao xanh-xanh khiêu-vũ mê-say,
Màu xanh tư-tưởng của người ăn chay
Đèn xanh sấp bậc nơi góc ngã tư,
Mù xanh lấp-lánh đoàn người chơi cù.

Có cả màu xanh của chai rượu bia,
Quyển truyện trinh-thám in xanh ngoài bìa,
Đá xanh lát cửa của nhà láng giềng,
Và bút chì xanh của anh thu tiền.

Trừ một màu xanh không được dự tiệc :
Là cắp mắt Ghen xanh-dò-u gợm-ghiếc !

N.V. (dịch)



VĂN PHÒ XUẤT HIỆN Trắc Thư

(coi P. T. số 29)

KÝ trước ta đã biết : Vào năm 2.000, giữa một buổi sáng mùa Xuân, năm nhà đại thi hào Việt-Nam đã tung ra một bản tuyên ngôn trước thế giới. Một bản tuyên ngôn kỳ lạ và quan trọng bậc nhất trong lịch sử nhân loại.

Bản tuyên ngôn đó dĩ nhiên được viết bằng một thể thơ. Dưới đây chỉ là những lời ghi chép mà ngọn bút quê ketchup của người cuối thế kỷ hai mươi không sao giữ được thuần chất của bản tuyên ngôn ấy.

Vậy chỉ có thể coi là đại ý và rất sơ lược :

Hồi những nhà chính-khách từ phương Đông tới phương Tây dần khuynh hưng này hay khuynh hưng nọ, dần dần chủ hay độc tài Vô sản hay tư bản dần trá thíc hay không Các người từ đúng hai ngàn năm nay chỉ đưa đất nhân loại vào vòng khói lửa chiến tranh liên tiếp mãi không ngừng xương gộp lại kể đã thành núi máu con người cháy mãi đầy sông Cứ mỗi lần dưới một cuộc chiến tranh

*Lại bắt đầu
chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh
khác
Nhiều loại, màu da vàng hay trắng
đen hay nâu
còn mãi phiêu lưu, không dừng
biết ногде...*

Khing!

*Chúng ta muốn t hờ
và muốn sống no, lành
chúng ta đã dành cho các người
những chinh-khách của tròn hai*

quýn : lám lich-sir !

nhiều, các người

chi làm được « lịch sử chiến tranh »

hết lịch sử bằng xương và bằng máu

nay,

nhan dash Con Ngurdi

*Con Ngurdì viết bằng chữ hoa
không kèm thùy và không kèm dấu*

chúng ta lên tiếng :

“nhiệm-vụ” của các người châm
dứt

trả lại nhân loại cho chúng ta!

trả lại lịch sử cho chúng ta!

Cho những người thơ

của khắp nơi người sống trên

$\lambda \in R^{\ell_1}_{+} C_{\text{max}}^{-1} l^{\frac{1}{2}}$

đến những sa-mạc heo hút
chung ta, những người thơ
chi biết phung thór
sự no ấm của con người
với công lý.
và nhất là Tình Người...

Khởi phải nói, cũng như biết
được, bản tuyên ngôn ấy đã
được nhân dân khắp thế giới
dón tiếp nồng hậu đến thế nào.
Điều đáng ghi : nhiều gần như
là hầu hết các chính khách trên
thế giới đều chân thành hưởng
ứng lời kêu gọi của bản tuyên
ngôn ấy. Họ tự ý rút lui khỏi
sân khấu chính trị. Những tổng
trưởng, Bộ trưởng, Thủ-
tướng, Tổng - Thống, Chủ-
tịch của tất cả các nước
đều lục tục để đơn từ chức.
Báo chí của mỗi nước hàng ngày
đều đăng những tin ấy không
ngớt. Nhiều chính phủ đã họp
lại để nghiên cứu bản tuyên-ngôn
nói trên, để tự kiểm điểm lại
đường lối, chính sách của mình,
rồi quyết định rút lui toàn bộ
nội các. Những vị tổng-thống,
bộ trưởng ấy hân hoan mà rút
lui. Họ không có một vể gì là
bất mãn, là bị bó buộc. Ngay sau
khi rút lui khỏi những địa vị
trọng đại, họ trở lại ngay đời
sống giản dị của một công dân

như tất cả những công dân khác. Người ta không lạ khi thấy một vị Thủ-tướng hôm trước còn ngồi trên xe tiền hó hậu áng, hôm sau đã đạp xe máy đích thân đi tìm một nhà thơ hữu danh, đầy đạo đức trong nước để mời ra tham chính.

Quả nhiên loài người đã gieo bước chân trên một khúc quanh lịch sử, hướng về một nền đại hội.

Khắp nơi, một không khí tin yêu giải ra, sáng lòa như vùng dương mặt buổi ban mai.

Báo chí của khắp các nước trao đổi cho nhau chất thà nh nui ở khắp các hòn cảng. Biên giới của văn hóa được san đi trước nhất. Nhờ vậy người ta được biết mỗi biến chuyển của nước này hay nước nọ trong mỗi ngày, mỗi giờ.

Ở Nga, ở Mỹ cũng như ở Anh, ở Pháp, ở Đức, ở Trung Hoa, ở Nhật, ở Việt-Nam, ở Ấn-Độ những chính phủ gồm có các nhà thơ đã thành lập. Những nước khác cũng chuẩn bị làm theo.

Có một nơi, bản tuyên ngôn được gởi đến chậm, giữa vào

lúc hai nước đương có chiến tranh.

Trên bến chiến trường lúc ấy đã ngập máu. Thây người gục trên gò đống như xác lá rụng. Từng đoàn qua đèn bu tối kín cả một mảng trời xanh.

Dẫu chậm nhưng bản tuyên ngôn nọ cũng tới được. Vị tướng lãnh một bên nhận được nó trước. Sau khi think ý chính phủ của ông, ông gởi ngay cho vị tướng lãnh bên địch một bài thơ kèm theo bản tuyên ngôn nọ.

Vị tướng lãnh nhận được bài thơ của đối phương liền họa vận lại rồi gửi đi. Không biết nội dung hai bài thơ xướng họa đó nói sao, chỉ biết sau đấy, chiến trường tắt im tiếng súng. Khói lửa còn sót lại của cuộc hành quân hôm trước tan đi để lộ ra một vòm trời xanh nguyên vẹn không gợn một chút vẩn của mây đen.

Những chính nhân của cả hai bên sấp lại quân trang, được trở về, ca hát vang một góc trời.

Lần trở về họ nhẹ hơn muôn ngàn lần lúc ra đi, vì súng, ống, đạn được đều được bỏ lại hết

ở chiến trường. Những thứ ấy, theo lời tướng lãnh của họ thì từ nay sắp đi không phải dùng đến nó nữa. Súng ống, đạn dược đã được nhân loại coi như những chứng tích bẩn thỉu nhất của nền văn minh cận đại.

Nhẹ hơn cả súng đạn mà lần trờ về họ không phải đeo nặng trên vai, vác nặng trên lưng là mối nặng về viễn tượng chiến tranh không còn ám ảnh trong lòng họ nữa.

Một mùa xuân mới lướt thướt kéo trên chiến trường. Hoa cỏ se sorm mọc lên trên đây để làm lành lặn lại một trong những vết thương của nhân loại.

(Còn nữa)

Kỳ sau : Trật tự mới, sinh khí mới của Nhân loại với Người Thor xuất hiện.



⇒ CẤM CÁC EM DƯỚI 18 TUỔI

Rạp ci-né Bồng-Lai chớp phim “ Cô gái nhảy dùt gân ” cấm các em dưới 18 tuổi. Hai vợ chồng ông Xuân mua 2 vé vào xem. Bà có đứa con nhỏ còn bú, phải ẵm theo. Nhưng người cảnh sát gác cửa không cho vào.

— Hai ông bà vào được, còn em nhỏ không được vào.

— Tại sao ?

— Phim kỳ này cấm các em dưới 18 tuổi.

Cảnh-sát thi-hành đúng chỉ-thị, nhất định không cho bà ẵm em bé 2 tháng vào phòng chớp ảnh.

HỒNG-CÚC

bữa tiệc
thịt chó
túa

ÔNG ÍCH - KHIÊM

của ĐINH.VĂN.QUY
gửi tặng bạn ông Văn-Hiệp

Trong PHÒ-THÔNG 25, bạn đọc được thường thức một chuyện khá lý-thú nhan dẽ « Bữa tiệc thịt chó », của ông Lam - Hồ thuật. Trong bài, tác-giả cho chúng ta biết chủ-nhân bữa tiệc « chơi khăm » ấy là một ông Cử-nhân Nho-học hồi thời Pháp-thuộc.

Theo chỗ hiểu biết đích xác của chúng tôi, thì ông Cử-nhân đó chính là một vị quan Nam-triều có tên tuổi trong Lịch-sử Việt-Nam Cận-đại, tên là ÔNG-ÍCH-KHIÊM.



Ông-Ích-Khiêm vốn con nhà nghèo, ông có thân hình khá dị thường một chút nhưng lại rất ham học. Ngay thuở nhỏ ông đã có tính ngang nghịch kỳ khôi, không thua gì Cao bá Quát. Ông lại được thu giáo ít nhiều Cao bá Quát khi ông này bị vào Đà-năng.

Ông Ích-Khiêm nhờ có tài sỏi kĩ nấu sứ đã đỗ cử-nhân khá số và đã từng được bồ trù huí rồi, tri-phủ nhưng vì tính quái khái ông đã đánh chết

BỮA TIỆC THỊT CHÓ.

một tên trùm trưởng hổng hách bắt công nên bị cách chức với bản án « hồi dân qui tịch » nghĩa là mất luôn cả bằng cử nhân. Về làng quê ở Quảng nam, Ông Ích Khiêm vẫn ung dung sống cuộc đời tầm thường như những thường dân khác. Trong thời gian bị về vườn này ông say mê học võ và chỉ trong vài năm ông đã đỗ được cử nhân võ. Chính vua Tự Đức đã phê Ông là một người « văn võ toàn tài » nhưng chỉ được phong chức « tòng quân hiệu lực » và phải « dời công chuộc tội ».

Không kè chiến công dẹp giặc Phụng (1861-1865) mà sứ lược của Trần Trọng Kim có chép. Sau đây là chiến công quan trọng của Ông Ích Khiêm có liên quan đến « Bữa tiệc thịt chó ».

Năm Quý-Hợi (1863) giặc Thái bình Thiên quốc bên Trung quốc được dẹp tan. Hồng Tú Toàn tự tử. Lúc ấy dư đảng của Hồng Tú Toàn là bọn Ngô Còn chạy sang nước ta. Trại Còn nói xin hàng rồi sau khi quân đi cướp phá các tỉnh, sau quân đánh mãi không được.

Năm Mậu Thìn (1868) tháng Tự Đức thứ 21, Ngô Còn

chiếm giữ tỉnh thành Cao bằng. Triều đình sai quan Tòng đốc Phạm chí Hương viết thư sang cho quan nhà Thanh đem quân qua tiêu trừ. Nhà Thanh sai Phó Trống Tạ Kế Quý đem quân sang cùng với quan Tiêu phủ Ông Ích Khiêm và quan Đề đốc Nguyễn Việt Thành đánh phá quân của Ngô Còn.

Vì Tự Đức phải sai viết thư sang cho quan nhà Thanh sai quâ Tàu sang hợp với quân Võ để tiêu trừ nhưng thất bại. Cụ quan Tham tán Nguyễn Lê, phó đề đốc Nguyễn viết Thành trận, thống đốc Phạm chí hương bị bắt.

Đến cuối năm Canh Ngọ (1870) Ngô Còn đem quân vây đánh tỉnh thành Bắc ninh, quan tiêu phủ Ông Ích Khiêm đánh một trận bắn chết Ngô Còn và phá tan quân giặc (1).

Tin thắng trận đưa về triều đình, vua Tự Đức rất mừng và phong cho Ông Ích Khiêm chức Án Sát.

Về kinh, Ông Ích Khiêm khao thường quân sĩ, thết tiệc dài cả đình thần để ăn mừng. Hầu như tất cả các quan văn võ ở kinh đô đều có mặt và đặc biệt hai quan đầu triều NGUYỄN VĂN

BỮA TIỆC THỊT CHÓ

TƯỜNG và TÔN THẤT THUYẾT cũng được mời dự ở mâm cao nhất. Bữa tiệc thật là linh đình to tát. Từ trên xuống dưới theo thứ tự phàm trật rất đường hoàng. Dĩ nhiên các món đơn lẻ trong bữa tiệc được nấu rất khéo, rất ngon.

Các quan lớn nhỏ được cơ hội gặp món ngon đều nhau hết thòi thích. Họ tha hồ chơvì giác hưởng khoái lạc một ra đích đáng. Mãi đến lúc các mỗngon gần voi và vị giác cũng káthỏa thuê, bấy giờ mới có mì quan nghĩ đến việc tìm hiều xem mình vừa được ăn thứ thịt gì tuy đến thế. Hình như đó là cựuần người La Qua, Quảng Nǎi khẽ khà hỏi :

— Bầm quan Án Sát, tuy cũng từng được hưởng các món ngon vật lạ, nhưng chưa bao giờ được nếm những món đặc l特 thơm ngon như hôm nay. Chắc hay là thứ gì và từ đâu đem đến?

Ông Ích Khiêm với vẻ hoài trinh trọng giải thích :

— Thưa các ngài, món ăn này hơi lạ miệng thật vì gốc từ ngoài Bắc và Thanh-Nghệ-Tĩnh kia. Tuy là món rất thường nhưng chưa hết, Ông Ích Khiêm đã tha cho họ người ngoài đó thích lắm. Rồi ông luông đưa, Ích Khiêm quay chỉ tay từ chỗ Tường, Thuyết Ông nhà bếp, gọi lớn :

ngồi cho đến chỗ những « mâm dưới » và ung dung thêm :

— Từ mâm trên cho đến mâm dưới ở đây chỉ toàn là một thứ chó cả mà thôi !

Vốn tính khí khai ngang tàng, ông ghét thậm tệ bọn Tường, Thuyết cậy, quyền thế quen thói hống hách, cũng như đa số quan lại triều đình chỉ biết vinh thân phì da, nên ông luôn tìm dịp họ hớ là xỏ ngọt cho hả dạ, nhất là vừa rồi ông phải ra Bắc đánh dẹp còn bọn họ vẫn ở tại kinh đô phờ ph่อน.

Các quan ái nấy nghe ông nói xong đều dielsing đầu nhìn nhau và nhìn lên Tường, Thuyết xem phản ứng ra sao. Tường, Thuyết giận tím gan, mặt mày cung đồ gay lèn nhưng không lè đề cho địch thủ và các quan rõ thêm mắt mặt, nên giả vờ không đề ý đến câu nói đậm họng của Ông Ích Khiêm mà hèn hêch cười gật gù khen các món ăn ngon thật. Thấy thế các quan cũng cười theo đề

khoa lấp và họ uể oải tiếp tục cho xong tiệc. Nhưng cũng chưa hết, Ông Ích Khiêm đã tha cho họ lâu ! Thấy các quan lẩn lướt luông đưa, Ích Khiêm quay Ông nhà bếp, gọi lớn :

BÚA TIỆC THỊT CHÓ

— Nước bay !

— Dạ ! dạ !

Nhưng đợi một chặp lâu vẫn không thấy nước nói gì cả. Quan Án Sát lại réo to :

— Nước đâu bay ? mau lên chứ !

— Dạ ! Dạ !

— Tiếng dạ rất dòn nhưng cũng như lần trước, vẫn chưa thấy nước đem lên. Quan làm mặt giận dữ quát mắng om sòm lên :

— Cái lũ này mới ngụy chờ. Hễ được dịp thì đục đầu vô ăn chứ có biết lo việc nước đâu. Kêu mãi mấy lần mà vẫn không thấy. Hai chân không mau thì bốn cẳng mà chạy chờ. Các quan đều chín ruột. Thuyết thì toát cả mồ

hở hột nhưng phải bấm bụng ngậm bờ hòn làm ngọt mà ngồi chờ đến mãn tiệc... Thế là về tư dinh làm gì cũng rời đầu một vài tên lính lâu đài hạ cơn giận của Thuyết.

Dĩ nhiên, riêng quan Án Sát thì như nở cờ trong bụng vì đã chơi được một vố khá đậm.

Cũng như trường hợp Cao-bá Quát, có lẽ chính vì cái lối chơi xỏ dém mà không mấy ai ưa Ông Ich Thiêm nhất là Tôn thất Thuật lập tâm căm thù ông, tìm đủ cách để hạ được ông mới hả dạ.

) Các tài liệu lịch sử trong bà nay đều chép theo Việt-Nam Sử Lược của Trần Trí Kim, trang 506—507.



* NGƯỜI CHỒNG NGON NGOÃN

Chị Ba Búa bảo chồng ra tiệchạp-phô của thím Xin, mua một đồng bạc đường thẻ. Anh Búa do dự :

— Em à, trời mưa to quá con chó Vẹn cũng nằm trong nhà không dám ra đường, nứa lính !

— Phải, nhưng tui biếu ở đì, anh còn muốn bắt con chó Vẹn đi theo lăm chi ?

M. H. C.

CÔ GÁI DIỆN



TRUYỆN TÀU CỦA TÙ-VỤ ✪ BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-BẮC

(Tiếp theo P. T. số 29)

Lúc ấy, trời đã khuya lăm và vẫn lai-dai mưa nặng hột. Trên đường phố vắng tanh, chẳng có bóng người qua, lại. Bỗng, có một chiếc xe hơi chạy vụt qua, nhưng, người trên xe chẳng để ý tới chúng tôi. Hải-lan định gọi người đến giúp nhưng tôi ngăn lại. Cô bèn cố dìu tôi ra xe hơi. Ngồi trên đèn xe, tôi thấy làn lận ủnh-táo hoa.

Tôi bỗng vụt cảm thấy Hải-lan có một tấm lòng cực kỳ ôn-nhu,

mỹ-hảo. Tựa đầu vào người cô, tôi nhắm mắt, lặng thinh nghe con tim của cô hòa-nhip, đậm với con tim của chính tôi. Cô lấy khăn lau những giọt nước mưa đọng trên trán, trên má tôi. Hình như vết thương ở sau đầu tôi, cũng nhẹ thôi, nên máu đã thôi chảy. Hải-lan vốn không biết lái xe, tôi dành phải ngồi nghỉ thêm một ít lâu nữa, cho tinh-táo hẵn lại dã, rồi tôi mới dám cầm tay lái. Ở ngoài, trời vẫn mưa ; trong

bóng tối, tôi tựa người vào Hải-lan và quên hết hiện-tại ; tâm-hồn tôi như đắm-say nơi cõi mộng êm-dềm. Bàn tay mềm-mại, ấm-áp của cô là cả một niềm an-úy ; cặp mắt nhung của cô là một thứ ánh sáng chiếu dọi vào lòng - tôi ; hơi thở của cô là làn sinh-khí, nó thấm-đậm vào phế-phủ tôi ; đầu mày, khóe môi của cô là cả vận-luật cho cuộc sống của tôi. Cứ như thế, trái tim của chúng tôi nhịp-nhàng đậm theo dòng thời-gian, nó trôi đi một cách vô cùng nhẹ-nhàng, êm-à.

Độ một khắc đồng-hồ sâu, tôi chợt nhớ ra cái vết thương ở đầu, nên tôi liền ngồi dậy, mở máy cho xe chạy ; tôi định bụng đi thẳng tới nhà y-sư Xa-lạp-mỹ, nhưng, khi sờ lên đầu, tôi thấy máu đã khô, vì vết thương cũng nhẹ thôi, nên tôi nghỉ lại, không dám, trong đêm khuya-khuất, đến làm phiền y-sư, và, cứ dùng mấy thứ thuốc thường dùng ở nhà, đè bǎng-bó chỗ đau, có lẽ cũng tạm được. Tôi bèn lái xe về thẳng nhà. Đến nơi, về phòng, Hải-lan anh-hạnh-nhẹn di lấy nước sát-trùng, rửa vết-thương cho tôi rồi bôi thuốc, băng lại hắn-hoi. Tôi nói :

— Thiệt tình, lúc nào Hải-lan cũng hết lòng với tôi, tôi

chẳng biết lấy gì để diễn-đáp tǎm cảm-tình đó cho phu ?

— Thôi, anh nên di nghỉ sớm di một tí, thì hơn...

— Thế Hải-lan không ưng ngồi đây đàm-đạo với tôi một lát, trong khi chờ Bạch-Tần trở về, hay sao ?

— Thôi, anh ạ, tốt hơn hết, là anh nên di nghỉ...

— Nhưng, tôi có rất nhiều điều muốn nói với Hải-lan.

Cô ưng-ý ngồi lại, nhưng, tôi tự thấy lúng-túng, không biết mở đầu câu chuyện ra sao ? Tôi yên lặng hồi lâu, rồi mới chậm-rãi nói :

— Hải-lan ạ, tất cả cuộc sống hiện-thời của chúng ta, thiệt chẳng khác gì một giấc mộng, mỗi ngày cái mộng đó càng rõ hệt thêm... Điều này, tôi hỏi thật Hải-lan nhá...

— Điều gì, anh cứ nói ?

— Thế ngô, rồi đây, Bạch-Tần khỏi hàn-bệnh và lại được lành-mạnh, thì, liệu Hải-lan có vui lòng di với tôi đến một nơi khác để thực - hiện một cái mộng-cảnh khác, không nhỉ ?

Nói xong, tôi quỳ xuống bên ghế ngồi của cô, và ân-cần nói tiếp :

— Hải-lan ! Hải-lan hãy tin
ở tấm lòng ái-huyễn của tôi đối
với Hải-lan.

—
Cô chỉ lặng yên, hai mắt
đăm-dăm nhìn qua cửa sổ. Bên
ngoài, trời vẫn mưa rả-rích. Tôi
nói tiếp :

— Thế còn Hải-lan, Hải-lan
cũng yêu anh, chứ !

— Em yêu anh thật đấy,
nhưng, em chỉ là một người tầm-
thường, không có học-thức, anh
chớ có lầm tưởng....

Cô vẫn nhìn ra khoảng hư-
không ở ngoài trời. Mưa nghe
chứng có phần nặng hột hơn.

— Nhưng em có một tấm lòng
nhân-tử, hiền-hậu hiếm có; sự
thông-tuệ của em nó ở cả cái
chí-nguyên tuyệt-đối hy-sinh của
em. Giả như, rồi đây, Bạch-Tần
trở lại lành-mạnh, đó chẳng
do cái hiệu-lực của mỗi chân-
anh thuần-khiết của em đối với
Bạch-Tần hay sao ?

— Không phải thế đâu, anh
à. Nếu Bạch-Tần trở lại lành-
mạnh là tại sự ái - huyễn của
chính anh, đối với Bạch - Tần,
thì đúng hơn.

Cô nói xong, vừa cười cười,
vừa đứng lên đè di ra.

Tôi cũng theo cô đứng lên và
định nói nữa, thì cô ngắt ngang
mà bảo :

— Thôi anh đi ngủ đi, anh
phải đi ngủ sớm, cho lại sức...

Ra tới cửa phòng, cô quay
lại chào tôi :

— Vâng an !

Tôi chẳng tìm ra được lời
nào để lưu cô, đành thuận
miệng, chào lại :

— Vâng an !

Và tôi vội nghĩ ra một điều
cần phải dặn cô, tôi vội nói :

— À, Hải-lan ạ, em nhớ,
chớ có nói cho Bạch-Tần rõ việc
anh bị đánh và bị thương tích,
nhá.

— Vâng, được.

Cô đã mở hé cánh cửa phòng.
còn ngoài lại nói thêm một lần
nữa :

— Vâng an ! anh đi nghỉ đi,
nhá.

Thế rồi cô đóng cửa lại, rảo
cảng, đi thẳng. Tôi nhìn qua
cửa sổ, trời nghe như vẫn mưa
nặng hột.

Trong tiếng mưa ào - ào, tôi
ngồi ôn lại câu chuyện mà
chúng tôi vừa nói với nhau.
Quá đờ, tôi cảm thấy, tất

cả cái thái - độ của Hải - lan, có một vẻ hiền-nhiên là, tiễn hậu báu nhất. Phải ! Lần thứ nhất, cô ngồi cùng xe với tôi, cô rõ ràng là hoạt-bát. Lời đối đáp của cô có vẻ linh-lợi và ngang-nhiên, nó làm cho tôi phải tự-nhủ : cô có một bản-chất vừa đơn-thuần, vừa nồng-nhiệt. Ấy thế mà, đến lần này, cơ hồ như cô đã thay đổi hẳn, cô quả-nhiên đã biến thành một người khác. Cô trở nên ít cười, ít nói ; cái thái - độ trầm-mặc lanh-tinh của cô, thiệt đã ra ngoài hẵn ý-liệu của tôi.

— Tôi ngồi suy-tưởng về cô, tôi phân-triết mối tình-cảm của cô và tôi nhận thấy rõ, lần trước, cô có một tính-tình thiêt là thoáng-gây, vui-tươi ; cô lại rất hiếu-kỳ và rất bồng-bột. Hình như lần này là lần đầu tiên, cô bỗng chậm trán với tình-ái nó vốn tiềm-phục ở trong tâm-khảm cô đã từ lâu. Sự thè-nghiệm về yêu-đương đã đặt cô vào một cuộc đào-túy mà trong đó, cô đã quên, quên hết mọi thứ. Nhưng hiện thời, tâm-tự của cô bị đặt trước một thực-sự, thực-sự ấy là Bạch-Tần.

Kề ra, trong mấy tháng trời vừa qua, cả cô lẫn tôi, chúng tôi đều một lòng quan-tâm tới Bạch-

Tần. Quả tình, riêng tôi, tôi cũng hết sức chú-ý đến Bạch-Tần ; nhất cử, nhất động của tôi đều quy cả vào cái đích duy-nhất, là làm vui lòng Bạch-Tần, để lấy lòng nàng. Thật tình, tôi không ngờ rằng tôi đã bắt đầu yêu Hải-lan, nhưng, không một phút nào tôi tưởng tới sự luyến ái, giữa Bạch - Tần và tôi. Vả nàng, thời - thường, chẳng vẫn hỏi hai người chúng tôi rằng :

— Có phải hai người quyết-tâm vĩnh-viễn, yêu tôi không, nhỉ ?

Riêng tôi, mỗi lần, tôi đều ân-cần đáp :

— Đúng đấy, Bạch-Tần ạ, tôi xin tình-nguyễn làm một người bạn, vĩnh-viễn ái-đói Bạch-Tần.

Còn Hải-lan, cô lại ưa đáp :

— Sao Bạch - Tần còn cần phải hỏi em điều đó ?

Như vậy, Bạch-Tần lại nói :

— Liệu hai người có sẽ vì tôi mà hy-sinh một chút nào chăng ?

Tôi vội đáp :

— Cái đó là lẽ tự-nhiên... vì, mỗi sự hy-sinh đó, đều là một thứ vinh-quang cho hai chúng tôi.

Hải-lan tiếp lời tôi :

— Đối với em, ngoài sự vinh quang, còn có cả một sự thấu-khoái nữa.

Có lần, tôi quay hỏi cô :

— Thấu-khoái ?

Hải-lan vừa đưa mắt nhìn Bạch-Tần, vừa đáp lời tôi :

— Vâng, ngoài sự quang-vinh, nếu việc hy-sinh có ích một phần nào cho Bạch-Tần, lẽ đương nhiên, em sẽ vô cùng thấu-khoái nữa.

Sự biều-thị tâm-tình của tôi trên đây, không phải chỉ vì cái trách-nhiệm của tôi về việc y-trị nàng mà thôi, và đó là cả một tấm lòng chân thành của tôi vậy. Quả thiệt tình, Bạch Tần có một năng lực kỳ diệu để chế ngự tất cả những người thân cận của nàng. Mỗi cái vui, cái buồn, cái giận dữ của nàng, đều ảnh hưởng một cách mãnh liệt vào tâm tình của người chúng tôi. Đứng trước mặt nàng, chúng tôi cơ hồ trở thành một thứ máy móc, hoặc một thứ nhạc khí, vì nàng có một ma lực của một nghệ thuật gia có tài, nàng có thể làm cho chúng tôi phải điên đảo phục tòng, và tùy theo tình tự của nàng mà biến hóa cả tính tình, lẩnsinh mạnh. Tôi doan quyết rằng cái

ma lực đó đã do tờ mầu của nàng di truyền lại, vì, theo lời của thân mầu của nàng, tờ mầu nàng có một sinh-mệnh-lực cực kỳ là phong phú. Ngay ở trên bức họa tượng của cụ, treo ở khách sảnh, cái ma lực đó đã biều lộ ra một cách vô cùng rõ rệt ; nó chính là cái sức mạnh huyền diệu mà những vị giáo chủ dùng để chiêu thu các tín đồ, hoặc các viên thống súy dùng để chi phối những đội quân bàng-dại, hoặc các nhà lãnh đạo dùng để chiêu mộ những chiến sĩ cách mệnh. Do cái định luật của di truyền tính, bao nhiêu sức sống mãnh liệt, bao nhiêu nghị lực tiềm tàng trong dòng máu của họ Thê-tư-lăng, nay lại được trung đúc vào hoạt lực của Bạch Tần, để phát tiết ra. Cũng vì vậy mà, ở quán rượu Mân-cô, Bạch Tần nghiêm nhiên áp đảo được cả một bày bạn, nam, nữ ; họ vui lòng, đẹp ý, để cho nàng chỉ huy. Ấy cũng lại vì thế mà, Hải-lan và tôi, chung tôi lấy làm một sự quang vinh, mỗi khi thi tho đưọc một sự hy sinh gì đối với nàng. Như vậy, có phải là cả một cái gì quá phận không ?

Nhưng, có một điều mà Hải-lan và tôi không hề ý hội tới, là hai chúng tôi đã yêu nhau một

tích tha thiết. Trước mặt Bạch-Tần, hình như chúng tôi đã bị cái uy lực của nàng khống chế hẳn tinh thần, nân chúng tôi cơ hồ như đã trở thành ma mộc và không còn có tri giác nữa. Chỉ những khi vắng mặt nàng, thì những sợi dây của những câu đàm lòng chúng tôi, mới lại rung lên, đè hòa nhịp, tấu lên khúc điệu “yêu đương”. Lúc ấy, chúng tôi mới lại ý thức được nỗi lòng của chúng tôi.

Càng suy nghĩ, tôi càng thấy uất hận với cái con người cường ngạnh ấy! Nếu Bạch-Tần nhận ra rõ sự thắng-lợi về tinh-thần của nàng đối với sự đổi-nhược của chúng tôi, thì, thế-tất, chúng tôi sẽ bị nàng coi rẻ như một khú dồ chơi trong tay nàng. Nghĩ tới đó, tôi không thể không run sợ cho tương-lai của

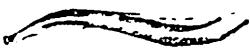
hai đứa chúng tôi. Không, muốn ra sao thì ra, tôi quyết - định phải lôi Hải-lan của tôi ra khỏi nơi hang hầm, nọc rắn này. Chúng tôi phải chạy xa cái áp-lực ma quái này, thì mới mong thành-tựu được cuộc trăm năm vuông tròn của chúng tôi.

Bỗng đâu, có tiếng máy và tiếng bánh xe lăn trên sỏi, vọng vào trong phòng. Tôi bừng tỉnh. Tôi có cái cảm - giác, tất cả những việc tôi nhầm tính trong mộng-ảo, đương bị những chiếc bánh xe kia đè tan, và nghiên nát nhau cả.

Ngoài kia, trời đã hửng sáng.

Tiếng mưa vẫn từng hồi, ron-rap, táp vào mái nhà. Tôi gục đầu vào chiếc gối và ngủ thiếp đi, lúc nào, không biết.

(Còn tiếp)



* DANH NGÔN

Thì giờ người ta dùng để bàn phiếm đủ cho người ta đọc mỗi ngày một quyển sách.

FRAGNET

NÀNG CHINH PHỤ TRỌNG CHINH PHỤ NGÂM

(tiếp theo P.T. số 29)

ĐIỂM 2

Nàng chinh phụ với chữ hiếu

Về chữ hiếu, nàng Mạnh-Khương ngô :

Mẹ già phor phat mai sương
(C. 155)

Nàng đối với mẹ chồng như một người con gái hơn là một người con dâu. Ngay từ khi mới về, nhất là từ buổi chồng đi xa, nàng lấy tình thảo hiếu mà cư xử với mẹ chồng. Hai tiếng « mẹ già » thốt từ trong đáy tim nàng đạt dào niềm yêu mến.

Như thế, cảnh xung đột giữa mẹ chồng với nàng dâu theo lẽ thường làm sao mà xảy ra được ? Câu tục ngữ :

Máy đói bánh đúc lồng phồng ?

* VŨ-ĐỨC-TRINH

Máy thuở mẹ chồng có quý con dâu ?

hoặc những tiếng :

Bố chồng như lồng chim phượng,
Mẹ chồng như tượng mài tôle,
Nàng dâu là bồ nghe chửi.

không thể áp-dụng vào hoàn-cảnh mẹ chàng Phạm-Thực với nàng Mạnh-Khương. Hắn bà nghĩ :

Dâu hiền hơn con gái,
Rể hiền hơn con trai.

Tuy dạ thảo hiếu của nàng Mạnh-Khương yên ủi mẹ chồng nhiều lắm, song bà vẫn chẳng nguôi niềm nhớ con trai của mình.

Thông cảm với bà trong niềm nhớ nhung kia, nàng viết :

Lồng lão thân buồn, khi xưa cừa.
(C. 157)

Mẹ chàng Phạm-Thực có cử

chỉ giỗng mẹ chàng Vương-Tôn Giả. Cuốn *Thành Ngữ Khảo* của ông Khâu-quỳnh-Sơn đời nhà Minh (1368-1644), có nói về mẹ chàng : 慈母望子, 侍門侍閣 *Tù mẫn vọng tử, y môn y lục* : « Mẹ hiền trông con, tựa cửa tựa cổng. ».

Nguyên chàng Vương-Tôn Giả, dạo mới lên 15, đã gặp buổi nước mình sa vào cảnh loạn ly khốn đốn. Nước Tề thời Chiến Quốc (403-221) bị nước Yên xâm lăng, rất nguy ngập. Chàng xin phép mẹ ra giúp nước. Bà binh rịn, vương víu, khuyên con đừng đi, bởi lẽ bà chỉ có mỗi mình chàng. Nếu chàng ra đi, bà sẽ cùng ai vui vầy sớm tối ? Về sau, chàng nài năn : « Phen này con đi không phải để làm quan, nhưng để cứu nước. Con phải tạm gác chừ hiếu vì chừ trung » Nghe vậy, bà mới bằng lòng để con đi. Chàng lặn lội đến đất Cũ, tòng quân giúp vua nước Tề, và gây dựng lại nền tảng kháng chiến. Rất uổng, trong hôm phục quốc thiều mặt chàng, vì chàng đã bị trận vong !

Chàng Phạm - Thực cũng vì chừ trung mà hy sinh chừ hiếu, song có phúc hơn, bởi

đã có nàng Mạnh-Khuông thay thế chàng mà phụng dưỡng mẹ, để chàng yên chí trong việc phụng sự quốc gia, nàng nói rõ : *Ngọt bùi, thiếp đỡ hiếu nam; Dạy con đèn sách, thiếp làm phụ thân.*

(C.c. 159-160)

Tự lúc về với chồng, nàng Mạnh - Khuông vốn làm tròn phận sự của người con dâu hiếu thảo. Khi chồng vắng mặt, nàng kèm thêm cả nghĩa vụ của người con trai hiếu thảo nữa.

Nàng chịu khó giã gạo, quay tơ, để kiếm tiền mua cho mẹ những món ăn vừa ngon vừa bổ, nào các thức ăn ngọt như quả, rau, nào các thức ăn bùi như sơn hào, hải vị. Nhiều đồ ăn quý báu hoặc lấy ở trên rừng như báo thai, hùng chưởng, hoặc lấy ở dưới bể như cùu khồng, bào ngư, nàng khéo nấu xào, biền chẽ vừa miệng mẹ chồng, để bà ăn được nhiều mà dưỡng thân cho mạnh khỏe.

Hơn nữa, nàng vốn xử với con như người mẹ hiền. Trong lúc chồng đi vắng, nàng kiêm luôn cả phận sự làm cha. Nàng dạy dỗ con với « thanh dǎng », với « hoàng quyền ». Ban ngày

làm lụng, ban đêm thấp ngọn
đèn dầu lắc hột tia sáng xanh leo
lết, mở quyển sách bìa vàng, để
dạy con. Biết đâu nàng không
quen nhủ con, theo lời bài thơ
« Khuyến Học » của cô nhân
rằng :

三更短火五更鸡；
正是男兒立志時。
黑髮不知勤學早，
老來方悔讀書遲。

*Tam canh đèn hỏa, ngũ canh kê ;
Chính thị nam nhi lập chí thi.*

*Hãc phát bút tri cần học tảo,
Lão lai phuơng hối đọc thư tri.*

* Canh ba còn đốt đèn sáng,
canh năm gà gáy đã dậy rồi.

Đó là thời kỳ của người con
trai lập chí.

Nếu thuở tóc đen không biết
chăm học cho sớm,

Thời lúc già nua mới phản
nản rằng đọc sách trễ ».

ĐIỂM 3

Nàng chinh - phụ với chữ tiết

Về chữ tiết, nàng Mạnh -
Khương kể :

*Đưa chàng, lòng dang dấp buồn ;
Bộ, khôn bằng ngựa ; thủy, khôn
bằng thuyền.* (C.c. 28-29)

Dẫu nàng mạnh bạo, can đảm,
cố nuốt lệ, tiễn chân chồng,
nhưng vẫn không ngăn nổi sóng
sầu đang cuồn cuộn dâng lên ở
trong tâm hồn quạnh quẽ. Lúc ấy
phải chẳng nàng có tâm tình buồn
rười rượi giống như tâm tình
của nhân vật trong bài « Biệt
Phú » ông Giang-Yêm :

*Xuân thảo bích sắc, xuân thủy
lục ba ;*

*Tổng quân nam phô, thương như
chi hà ?*

« Cỏ xuân có màu biếc, nước
xuân có sóng xanh,

Đưa chàng tới bến nước ở man
nam, tình sầu náo như thế này
biết tính sao ? »

Nàng Mạnh - Khương muốn
kéo dài thời gian trước khi chia
rẽ. Chồng trầy đường bộ, nàng
tiếc không được như ngựa để đi
chậm hơn. Song, nếu chàng
xuống đường thủy, nàng lý tiếc
không được như thuyền để trôi
chậm hơn. Hai thứ ấy còn ở
với chàng suốt quãng đường
thiên lý, đến như nàng, chỉ theo
chàng được một khúc thời, mà
theo cách buồn bã.

Bốn câu khác trong bài «Biệt Phú» kia tưởng như tả rõ tâm hồn nàng mong ước :

舟凝滞於水濱，
車遠退於山側，
棹容與而詎前，
馬寒鳴而不息

*Chu ngưng trệ u thủy tần,
Xe ủy trè u sơn trắc,
Trạo dung dùi nhí cự tiễn,
Mã hanh minh nhí bắt túc,*

«Chiếc thuyền ú đọng trong bến
nước,

Cỗ xe trè nải ở sườn đồi,
Mái cheo uế-oái mà không tiễn,
Con ngựa hí lạnh, vẫn không
thôi.»

Tình vẫn vương, quyền luyến
của người ở lại gây ảnh hưởng
đến người ra đi, và cả đến
thuyền, đến xe, đến cheo, đến
ngựa, làm cho phút khởi hành
cứ lo lắng mãi.

Tuy nhiên, dù chuyền chồng
đi có trùng trình chặng nữa, rốt
cuộc, nàng Mạnh Khương vẫn
không tránh khỏi bước chia
phôi. Trong khoảng thời gian
vắng chồng, nàng vốn một mực
bền gan trung thành giữ tiết.
Hàng ngày nàng ngóng đợi tin,
không nản. Mỗi khi biết ai ở
phía Bắc về, nàng cũng xoán-

xuýt hỏi thăm. Nàng thuật :
*Thấy nhàn, luồng tướng thư phong,
Nghe sương, luồng sấm áo bông
sẵn sàng.* (C.c. 179—180)

Thấy chim nhạn bay, nàng
tưởng chừng nó đưa thư của
chồng đến.

Đời nhà Tây Hán (206—25),
ông Tô Vũ đi sứ sang nước
Hung-Nô. Vì ông nói lầm câu
bắt bình nên Hung Nô giận, đày
ông lên Bắc Hải, chấn dê 19 năm
trường. Lúc chiến tranh xong,
và Hung-Nô đã làm hòa với vua
Hán, thì vua đòi trả Tô-Vũ.
Hung-Nô bảo chết rồi. Ông
Thương-Huệ là mưu thần, dặn
sứ sang thưa với Hung-Nô:
Tô-Vũ chấn dê tại miền Bắc Hải,
vì không thể thông tin về xứ,
nên mới bắt con chim nhạn, xé
áo lụa trắng, viết một lá thư,
buộc vào chân nó, rồi thả nó bay
đi. Vua Hán vào vườn Thương-
Uyển, thấy nó, và bắn được.
Cởi miếng lụa ở chân nó, vua
thấy chữ Tô-Vũ viết, báo tin
đang ở Mộ-Trạch. Hung-Nô
mặc mưu, tưởng thật liền trả Tô-
Vũ về xứ Hán.

Nàng chinh phụ, lúc nghe
tiếng chim nhạn kêu sương, liền
nghĩ đến chàng chinh phụ, và

may áo bồng gửi cho chàng.

Trong đời nhà Đường (618-907), cô Trần-ngọc-Lan có chồng Vương-Giá đi lính ở biên thùy. Một buổi mùa thu, khi nghe thấy chim nhạn kêu sương, bay tự phía bắc về, cô sực nhớ đến chồng đang bị lạnh giữa lưỡng hời thu, liền may áo bồng gửi cho chàng. Luôn thế, cô dính một bài thơ :

夫在邊間，妾在吳；

西風吹妾，妾思夫。

一行書寄千行淚；

寒到君邊，書到無？

*Phu tại biên quan, thiếp tại Ngô;
Tây phong xuy thiếp, thiếp tư phu.
Nhất hàng thư ký thiên hàng lệ;
Hàn đáo quân biên, thư đáo vô?*

* Chàng ở biên thùy, thiếp ở đất

Ngô-Việt (Giang-Nam);

Gió tây thổi vào thiếp, thiếp nhớ
nhung chàng.

Một giòng thư gửi nghìn giòng
nước mắt;
Hơi lạnh đến bên chàng, thư
có đến hay không ? »

Cô Trần-ngọc-Lan nhét bài
thơ vào giữa hai lần áo, rồi may
lại. Chồng cô nhận được áo và
thơ. Chàng đọc thơ và cho mấy
bạn chiến sĩ cùng đọc. Ai ai
cũng tranh tưởng đến vợ mình
và đều sa nước mắt, nhất là
chồng kê viết bài thơ. Bài này
được truyền tụng tối mài
Trường-An, kinh đô nhà
Đường. Vua cảm động, vì nhận
thấy niềm tiếc hạnh thấu vào các
lời thơ. Bởi thế, vua ban đặc ân
cho chàng Vương-Giá về sum
hợp với vợ.

(Còn nữa)

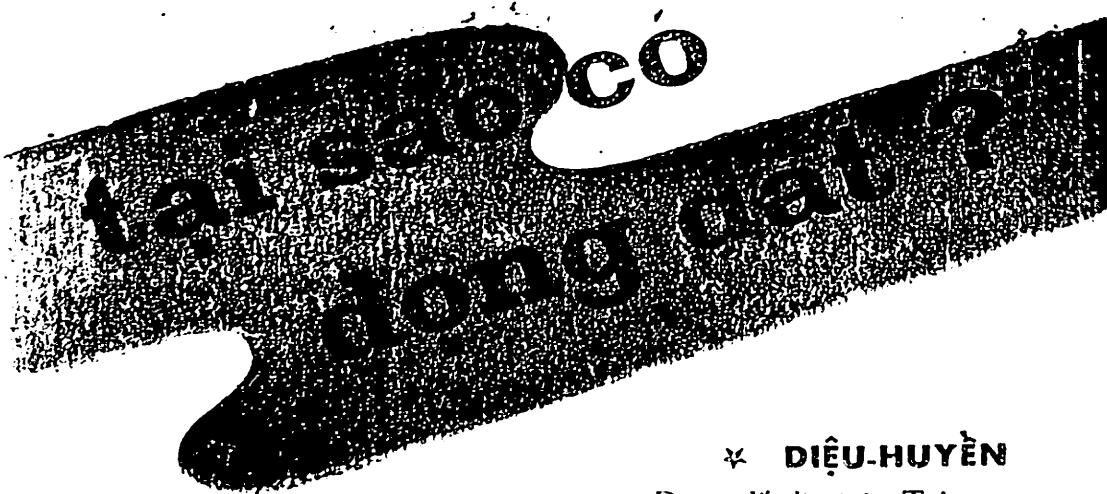
CÁO LỐI

Vì bạn THIẾU-SƠN bị bệnh, nên thiên hồi ký
“ MỘT ĐỜI NGƯỜI » phải tạm gác lại vài kỳ.

Vậy chúng tôi xin cáo lỗi cùng quý bạn đọc, và xin
hẹn sẽ tiếp tục vào ngày gần đây.

Phở Thông

Mình ơi !



✓ DIỆU-HUYỀN

ÔNG Tú đang ngồi ngâm
nước trong bồn tắm, bỗng
dung bà Tú xô cửa chạy vào,
tay cầm tờ báo, hoảng hốt la lên :

— Mình ơi, động-dắt gì ở
lên xứ Maroc mà có đến hàng
6000 người chết quá xá vậy, hả
Mình ?

— Ủ, thì... động-dắt ở Maroc
có 6000 người chết, quá xá chớ
sao ?

— Động-dắt là gì ? Tại sao
lại động-dắt ? Có phải tại Pháp
cho nổ trái bom nguyên-tử ở giữa
Sa-mạc Sahara như báo Ai-cập
nói đó, phải không Minh ?

— Không phải đâu. Bom
nguyên-tử nổ thì động trời, chớ
động-dắt thế nào được. Động
dắt là động từ ở dưới cái lớp vỏ
quả-dắt, chớ bộ !

— Tại sao có động-dắt, hả
Mình ?

— Mình tưởng Quả-dất của chúng ta ở đây là một vật gì chắc-chắn lắm sao ? Nguyên-thủy nó là một khối lửa từ nơi Mặt Trời tách ra rồi quây tròn, trước đây có ba nghìn triệu năm. Nó nguội dần dần và thành hình tròn như bây giờ mới một nghìn triệu năm nay thôi. Rồi trải qua bốn thời-kỳ biển - chuyền, bốn giai-đoạn : primaire, secondaire, tertiaire, quaternarie, cho đến bây giờ sau ba nghìn triệu năm mà cái thề-chất và cấu-tạo của nó vẫn chưa thật là bền-vững. Phần thi ở trong tim đất hãy còn có lửa, cả trong khối đất lại có nước và có nhiều lớp kim-khí và các chất khác chồng-chất lẫn nhau lớp này lớp nọ, cho nên Quả đất tuy đã thành một hành-tinh già khú-dế rồi, đã biết xây đều đều từ một nghìn triệu năm chung quanh Mặt Trời, nhưng thỉnh-thoảng nó vẫn rùng mình một cái, nó có những chuyền-motion hành-linh có thể làm đảo-lộn một địa-diểm nào đó.

— Tại sao nó lại chuyền-motion hành-linh như thế ?

— Tại nhiều nguyên-do về địa-chất, bởi cái cấu-tạo của nó phức tạp vô-cùng chứ không phải đồng-chất như anh vừa nói. Một

vài hiện-tượng thông-thường nhất mà chúng ta vẫn thấy, như nước sôi từ dưới đất phun lên, núi lửa khạc ra, sóng thần nồi dậy (Raz-de-Marée), v.v... đều do những chuyền-motion ngầm từ các lớp dưới đất, dưới biển, biển thành, và trồi lên mặt đất hay mặt biển. Động-Đất cũng thế. Nó từ một diềm chấn-dịa, gọi là *epicentre*, phát-motion bắt ngờ, làm rung-tịnh một địa-diểm nào đó, trong một chu-vi rộng hay hẹp, và có thể làm đảo-lộn các vật ở trên địa diềm đó. Năm 1937 vào khoảng tháng 8, hồi 10 giờ đêm ở *Hànôï* cũng có động đất. Nhưng chỉ có một phân-số giây đồng-hồ thôi. Thành-phố đang yên tĩnh, bỗng mọi người đều thấy nhà cửa, bàn ghế, giường nằm v.v... bỗng dựng hơi nghiêng qua một tí, rồi nghiêng lại một tí rồi hết. Đó là động-đất nhỏ, không đáng kể, và không gây thiệt-hại chi cả. Còn trận động-đất vừa rồi ở Thành-phố Agadir xứ Maroc, là mặt đất ở chỗ đó nghiêng quá mạnh, cho nên nhà cửa mất thăng-bằng, bị sụp đổ.

— Từ xưa đến nay, trên Địa-Cầu đã có nhiều trận động đất như thế không, hả Mình ?

— Nhiều lắm. Trước hết,

Mình nên biết rằng có ba thứ động đất : hoặc là động về bình-diện (trên bề ngang mặt đất), hoặc là động về bề đứng (từ dưới đất động thẳng lên), hoặc là động như gợn sóng (ondulatoire). Loại động đất như gợn sóng này là nguy hiểm hơn cả, có khi nó làm nhào lộn cả một vùng rộng lớn, không để một vật gì còn yên trên mặt đất cả.

— Mình kề những trận động đất nào lớn nhất trong lịch sử Quả đất từ xưa đến nay, cho em nghe !

— Trận động đất kinh khủng nhất lần đầu tiên xảy ra năm 526 trên bờ biển Địa Trung Hải, làm 200.000 người chết. Trận động đất năm 1693, trên đảo Sicile (Ý) làm 60.000 người chết. Thành phố Lisbonne, ở Bồ-Đào-Nha bị động đất tháng 11 năm 1755 : 40.000 người chết. Ở Quito, Cộng-hòa Equateur, (Nam Mỹ) năm 1797 : 40.000 người chết. Ở Pointe-à-Pitre, trên đảo Guadeloupe thuộc Pháp, năm 1843 : cả thành phố sụp hết, 50.000 người chết. Năm 1902, tại kinh đô Saint Pierre Đảo Martinique thuộc Pháp : 28.000 người chết. Năm 1904,

tại Calabre (Ý) : 35.000 người chết. Năm 1906, tại San Francisco (Mỹ) : 10.000 người chết, 23.000 cái nhà đồ nát tan-tành. Cả những thành phố lớn Oakland, Los Angeles, và Hollywood, kinh - đô xi-nê ở gần đó, cũng bị trên 10.000 cái nhà sụp đồ, 5.000 người chết.

Cũng năm 1906, nhiều thành phố của xứ Chili, như Santiago, Valparaiso, bị động - đất, con số thiệt-hại không kẽ xiết. Năm 1908, tại Messine (Ý), 1909 tại Côte d'Azur (Pháp), 1917 tại Guatemala (Trung - Mỹ), 1920 tại Kan-Sou (Nhật). Các trận kinh-khung không thể tưởng tượng được là ở Nhật : Ngày 1 tháng 9 năm 1923, tại Tokyo, Yokohama, và nhiều thành phố khác cũng trong ngày đó : 142.900 người chết và mất tích dưới các đống gạch vôi không tìm ra được, 103.733 người bị thương, 576.262 cái nhà bị sụp đồ. Chỉ có những nhà xây bằng xi-măng cốt sắt thì còn đứng-vững. Tháng 1 năm 1939 tại Chili (Nam Mỹ) bốn thành phố Chillan, Linares, Canquenes, Talca, đều bị diêu-tàn hết : 25.000 người chết, 100.000 người bị thương.

— Động đất có lâu không mà bị thiệt hại quá xá thê, hả Mình ?

— Có nơi bị động đất trong một tíc-tắc đồng-hồ, như ở *Hà-Nội* năm 1937, thì không sao, nhưng có nơi động đất luôn hàng mấy tháng. Ở Việt-Nam ta từ xưa đến nay, nhờ Trời, chưa lần nào bị thiệt-hại về động đất. Nhưng ở Nhật - Bồn thì có thèn nói là bị thường xuyên. Ông Thần Đất ở xứ Phù-Tang như là bị sốt-rét thâm-niên, mỗi lần Thần-Đất sốt là ông run lên, ông nhún mình một cái thế là bao nhiêu nhà cửa đồ rụp-rụp hết ! Xứ *Pérou* và xứ *Chili* cũng thế. Năm 1883, thành-phố *Casamissiola* bị động đất có 16 phút mà cả thành-phố rót sụp xuống không còn một bức tường. Năm 1923, kinh-thành *Tokyo* của Nhật bị động đất chỉ có 1 phút thôi mà không còn một cái nhà gạch hay nhà gỗ nào đứng vững ! Mình xem có ghê không !

— Kinh khủng ! Kinh khủng !

— Mình biết không, hồi động đất ở *Calabre* (Ý) năm 1783, đất bị nứt ra một đường bề rộng đến 10 mét, thành như một cái hố, dài đến 2 ki-lô-mét ! Có khi đất nứt bắn tung lên thật cao, rồi đồ xuống thành những cái gò, như

cục động đất ở cửa sông *Indus* (Ấn-Độ) năm 1819, và ở Nhật năm 1855, trên đảo *Nippon*.

— Sao lạ thế nhỉ ?

— Thế còn ít đấy ! Năm 1891, cũng ở Nhật, trong hồi động đất, đất bị nứt ra thành một cái hố dài 112 ki-lô-mét, và đất dưới cái hố đó tung lên trời cao 6 mét. Đôi khi, từ dưới đường nứt tung lên không những chỉ là đất mà thôi, lại còn cả lửa, hơi nước, cá bùn, cá cát và nước nữa. Thế mới là lạ chớ.

— Có lần nào động đất cả một vùng rộng lớn, cả một xứ không, Mình ?

— Có chớ ! Có khi đất chỉ động tại một địa-phương nhỏ hẹp thôi. Có khi đất rung chuyền, chấn-dộng cả một xứ, hoặc nhiều xứ. Trận động - đất ở *Agadir* hôm, 1 tháng 3 vừa qua, do chỗ chấn - địa (Epicentre) gần thành phố ấy và theo bờ đứng (à la verticale) cho nên chỉ xảy ra trong chu vi của địa-phương ấy thôi, không lan rộng ra nữa. Trước lại, trận động - đất ở *Chili* hồi tháng 1 năm 1939, làm chấn-dộng cả một xứ ấy, và chuyền qua xứ *Brésil* và *Argentine*. Có điều nhận xét này là xứ nào có nhiều núi

đá, thì động-dắt chuyền di mau lẹ và xa. Còn xứ nào có nhiều cát, như ở nơi Sa-mạc, thì đất bị động cũng không chuyền đi xa được, bị đất cát ngăn cản. Nơi các bờ biển, mỗi lần động - đất, là sóng biển nồi lên ào-ạt, rồi rút xuống thật烈, rồi lại nồi lên ầm-ầm, như thế mặt biển bị nghiêng-ngã chong-chênh vậy.

— Mình ơi !

— Hử ?

— Như vậy thì thành phố *Agadir* chắc bị tiêu-tan hết chớ gì, hả Mình ?

— Mình xem, 80 phần trăm nhà cửa sụp đồ, 18.000 người chết trong một thành phố mà dân số chỉ có 22.000 người, thì còn gì nữa !

— Agadir của Maroc mà ở chỗ nào, Mình ?

— Nó là một hải - cảng nhỏ, cũng như Vũng - Tàu của Việt-nam, ở ngay cửa sông Oued Sous, một con sông nhỏ. Bây giờ thì gần như bình địa. Nó bị trận động-dắt này lần đầu tiên và có lẽ cũng là những ngày cuối cùng của nó, vì hình như để tránh binh dịch chuột, (dĩ nhiên là chuột chết vô số kề, và chuột chết nhiều dưới ánh nắng

nóng bức của Bắc Phi thì chắc chắn là binh dịch chuột sẽ bùng ra dè-dàng) hình như người ta định lắp hết những xác chết, rồi bỏ Agadir đã bị tàn phá dè di xây dựng một Agadir mới, nơi một vùng cách đó chừng 40 kilô-mét.

— Mình ơi, Thế-kỷ 20 này còn chỗ nào bị động - đất nữa không ?

— Còn. Cứ kè từ sau trận Thế giới chiến-tranh thứ hai, thì năm **1945**, tháng **11**. động-dắt ở *Conchucas* (Pérou, Nam - Mỹ) : **6000** người chết, trên **2000** cái nhà sụp đồ.

1948, tháng **6** ở *Fukui* (Nhật). **5000** người chết, **3000** cái nhà đồ.

1949, tháng **8**, tại *Equateur* (Nam-Mỹ) : **10.000** người chết.

1950, tháng **8** tại *Ấn-Độ*, **5000** người chết.

1953, tháng **3**, tại *Hy-Lạp* **10.000** người chết và bị thương.

1954, 55, 56, 57, 58, năm nào cũng có động đất, ở *Bắc-Phi, Liban, Iran, Irak, Pérou, Chili...*

— Thế ra loài người ở trên Trái Đất này không có gì yên ổn và vững chắc cả, Mình nhỉ ! Nào

là bệnh dịch chuột, bệnh dịch-tả, bệnh ho lao, bệnh ung-thư, rồi nào là trận bão, trận lụt, trận núi lửa, trận động - đất, trận chiến-tranh, khí giới nguyên-tử, bom A, bom H... Ô, chán quá ! Chán quá !

— Anh biết vậy cho nên anh không thích sống trên Trái đất này đâu, Mình ơi !... Nếu không có Mình đẹp, Mình duyên dáng, Mình yêu, thì chắc là anh đã chết rồi. Chết lâu rồi.

Bà Tú trề môi, cười :

— Nói vậy, nếu bây giờ em chết, chắc Mình cũng chết theo em chứ gì ?

— Cái đó thì chắc chắn rồi.

— Xí ! Thôi đi, cậu Cà. Em mà chết thì cậu cả chạy theo cô à khác liền, chờ đừng có nói dối ! Mình liệu nghe, lỡ em có chết trước, Mình còn sống mà đèo tì-hẹo với cô nào thì... thì em làm cho động đất, động trời, cho nhà đồ vách xiêu, cho Mình và cô đó chết không kịp thở như ở Agadir vậy đó, Mình nghe hông ?

Bà Tú cười hả hả, đóng cửa phòng tắm đè cho ông Tú tắm...

Điều Khiêm

ĐÍNH CHÍNH

Trong P. T. số 29, nơi mục « Mình ơi » và giải thưởng Nobel, ở trang 113, năm 1947 xin đọc : Văn-si ANDRÉ GIDE.

Còn Văn-si ALBERT CAMUS, xin ghi vào năm 1957 — (trong báo sắp lộn ra 1947).

Bài « những áng thơ hay » trang 42, để bài thơ của Thanh-Tịnh là « Mùa Môi » mà thơ nhà in đã để sót.

Nhờ Bạn đọc sửa lại giùm. Đa tạ.

P. T.

ĐÃ PHÁT HÀNII

VĂN-HÓA Á-CHÂU

số 23 và 24 — tháng 2 và 3 — 1960.

VỚI NHỮNG BÀI ĐẶC-SẮC — 136 trang Giá : 20\$

Có bán tại các hiệu sách trong nước và Trụ sở Hội Văn-Hóa Á-Châu số 201 đường Lê-văn-Duyệt Saigon — Tel. 24.655

ĐỀ TRẢ THÙ BÀ TRƯNG - TRẮC

người tàu được tượng

MA - VIỆN đắp lấp hòn

người GIAO - GH

* TRẦN-HỮU-TU

Chuyện này ít người biết. Đến cả lịch-sử của tru
đồng và câu « Đồng trù chiết, Giao - chỉ diệt »,
cũng ít có sách nói xác-đáng.

Nay nhân trong kỳ kỷ-niệm Hai Bà Trưng, chúng tôi xin
trích đăng ra đây mấy trang trong quyển sách « Hải Long
Du-Ký », xuất bản ở Sàigòn, đã lâu nên ít người biết,
của ô. TRẦN-HỮU-TU.

Năm 1900, ông Trần-hữu-Dư tòng-sir tại Phòng
Thông-ngôn của ô. Belland, Cò nhứt tại Sàigòn, rồi được bổ
nhiệm làm Thông-ngôn hưu-thê (Interprète asservementé) cho ô. Turion, Quan-ba Hàng-hải đài-trưởng (Capitaine
aux longs cours) chỉ-huy chiếc tàu Espadon. Chiếc tàu này
được phái đi tuần bờ biển Vịnh Hạ-Long, Bắc-Việt. Ông
Trần-hữu-Dư đi theo làm thông-ngôn, và do đó ông được đi
với ông Turion lên Mong Cagy và sang làng Đông-Hirung bên
Tàu, ở biển-gibi Việt-Hoa.

Nhờ cuộc du-lịch này, ông được đi xem đèn thò Mă-
Viện, và viết quyển « Hải Long du-ký » mà chúng tôi trích
một đoạn quan-trọng sau đây về việc Mă-Viện đúc tượng chà
đẹp lèn lụng người Việt-Nam.

N.V.

Mông-cẩy là tỉnh-lị tỉnh Hải-Ninh, có dinh quan Sứ và dinh quan Đạo. Trước mặt Mông-cẩy có sông Na-lương là con sông chia nước Tàu và nước Việt-Nam ta. Ngang mặt Mông-cẩy là làng Đông-hưng thuộc tỉnh Quảng-dông. Đông-hưng vui-vẻ, phố-xá nhiều, buôn-bán coi có mồi phát-đạt, cảnh vật khả-quan. Nhơn dịp tàu đậu ông Turion dắt quan Giám-đốc và bí-nhơn lên viếng quan Sứ và đi luôn qua Đông-hưng chơi. Trước hết ông đưa chúng tôi đến xin phép quan Doanh-trưởng, là quan Tàu cai-trị Đông-hưng, dặng đi quan-sát cảnh vật. Xin phép xong, ông Quan-ba dắt chúng tôi lại xem đền thờ của Mã-Viện. Đền thờ này cất trên một hòn núi con đối diện với hòn Hồ-sơn bên ta. Vào trong đền thấy tại căn Chánh-diện, trên bàn thờ có cái tượng ngồi lớn bằng dứa trè lối 12, 13 tuổi, chơn mặt đạp trên lưng tượng dứa nhỏ chừng bằng dứa con nít mới dẻ được vài tháng. Tượng dứa nhỏ này, nắm sấp ngó đầu lên và le lưỡi ra. Tượng lớn tay cầm cây doản giòi lên, một tay nắm tóc cái tượng nhỏ. Trước bàn thờ có treo một tấm hoành thêu bốn chữ : « Oai trấn Nam-bang ». Tường không cần cắt

nghĩa, người mình ai xem cái tượng nhỏ cũng biết ngay là đè ám chỉ vào nước Nam ta.

Chúng tôi còn dang đứng xem hình Mã-Viện, ông Turion đi ngay lại ông Từ, dùng tiếng Quảng-dông nói chuyện với ông này rất lâu. Một lát sau bí-nhơn hỏi ông Quan-ba nói chi với ông Từ, thì ông thuật lại cho bí-nhơn nghe như vầy : cách 18 tháng trước đó, trong lúc ông còn làm Quan-hai trên chiếc tuần-duong-hạm, nhơn một lúc tàu về tập-dượt tại vịnh Hải-long, ông có đến miếu này quan-sát, thấy tượng Mã-Viện và tấm hoành có cái ý nghĩa miệt-thi nước Nam như thế nên ông có yêu cầu ông Từ dẹp tấm hoành đi, ông Từ đã hứa dẹp, nhưng đến ngày nay cũng không dẹp. Ông hỏi tại sao vậy, thì ông Từ nói : « Đến Mã-Viện ngày nay đã thuộc về Chính-phủ Trung-huê làm chủ ; nếu ông Turion muốn dẹp bỏ tấm hoành thì phải đến xin phép quan Doanh-trưởng mới được ». Nghé vậy, ông Turion, ông Rotily và bí-nhơn liền trở lại dinh quan Doanh-trưởng. Đến nơi ông Turion nói với quan Doanh-trưởng như vầy : « Thưa ngài, tôi nghe nói cái tượng Mã-Viện và tấm hoành đè thờ tại đền Mã-Viện đó,

là của Mā-Viện tạo ra khi nước Tàu và nước Nam có việc bất hòa với nhau ; ngày nay ông Mā-Viện đã du-tiên mà quí-quốc và nước An-nam đã trở lại thân-thiện với nhau lâu rồi. Nếu Quan-lớn còn dè tǎm hoành và cái tượng như vậy hoài thì khó coi quá ; tôi tưởng Quan-lớn nên vị cái tình lân-bang với nước Annam, là nước của Đại-Pháp bảo-hộ, xuống lệnh dạy dẹp bỏ cái tượng và tǎm hoành kia đi, thì chúng tôi cảm ơn Quan-lớn biết đường nào ? ».

Ông Doanh-trưởng suy - nghĩ một chập, rồi trả lời với ông Turion như vầy : « Miếu Mā-Viện thuộc về ngôi cồ-miếu, dè tôi hỏi lại ý kiến của vài ông kỳ-lão tại đây, rồi sẽ cho quí chức hay, dấu thế nào chúng tôi cũng ráng làm vừa ý quí chức ».

Ông Turion dè lời cảm ơn trước quan Doanh-trưởng, kể đó chúng tôi xin kiểu xuống tàu. Qua tháng sau chúng tôi trở lại đền Mā-Viện, thấy tượng vẫn còn y như cũ, nhưng tǎm hoành đã thay mới, lại có đổi chữ bang ra chữ biên, thành ra: **Oai trấn Nam biên**.

Thấy ông Turion đọc 4 chữ : « *Oai trấn nam biên* », rồi cười và khen khéo sửa nên bì-nhơn liền hỏi : « Thưa ông Quan-ba, cái

tượng của Mā-Viện dẹp trên lưng chúng tôi còn đứng y - nguyên tại giữa miếu đó, có sao ngài cười và đường như được thỏa-nguyện ? ».

Ông Turion. — « Cái tượng Mā-Viện và thằng bé kia, bất-quá là hai cái tượng bằng gỗ sơn đỏ đèn vậy thôi, chớ có quan-hệ gì tới nước Annam. Chúng ta có trách người Tàu được là tại tǎm hoành có chữ Nam-bang kia. Ngày nay họ đã sửa chữ bang ra chữ biên rồi thì chúng ta chẳng còn chỗ nào mà trách họ được nữa ; bởi vì Nam-bang là nước Nam còn nam-biên là biên-giới phía nam nước Tàu của họ kia mà ».

Còn về sự cười là tại lẽ này : « Nguyên khi Mā-Viện dạy khắc 6 chữ : « **ĐỒNG - TRỰC - CHIẾT - GIAO - CHỈ - DIỆT** » , vào cây súng đồng cậm tại biên-giới thì va sợ người Giao-chỉ (Annam) không hiều, nên va có cắt - nghĩa cho người Annam biết rằng ; 6 chữ đó, là va nói với người Giao-chỉ, nếu ai nhồ mất trụ-dồng thì va sẽ trả qua giết hết người Giao-chỉ. Vậy mà đến khi người Annam nhô trụ-dồng của va đem bán cho thợ đúc chuông, (Đây là do theo lời của quan Thái-thú đương lúc ấy, bầm-tấu về cho Mā-Viện hay như vậy) va không trả qua giết hết

người Giao-chi mà va lại trả thù bằng cách, tạo ra cái tượng của va đập trên lưng người Giao-chi ; nhưng ngày nay lại thành ra va đập trên lưng đồng-bào của va. Tôi cười là tại vậy đó ”.

Đọc chuyện này, những người Nam có trí phán-doán, chắc ai ai cũng muốn hỏi : Mā-Viện là tay Thượng-tướng của nước Đại-Trung-quốc, 400 triệu dân, đầu có đánh thắng nước Nam ta mấy trăm lận cũng chẳng phải là giỏi-giản gì, có sao Mā-Viện lại làm ra cái tượng quái-gòi như thế, để khoe-khoang ?

Ông Turion nhò có xem Chính-sử của Tàu nên mới biết rõ nguyên-nhân của cái tượng là như vầy :

Hồi đời Đông-Hán, bên Tàu, nhơn một buổi bàn-luận quốc-sự, vua QUAN-VŨ nhớ lại chuyện bà TRUNG - TRẮC dấy loạn giết Tô-Định nên liền sai Mā-Viện qua Bắc-Kỳ dẹp loạn. Dẹp xong Mā-Viện về tới biên-giới, muốn dựng một cây trụ đồng để kỷ-niệm cuộc thắng-trận của va và cũng để hâm-dọa người Annam luôn thề, nhưng vì đang đi giữa đường làm sao đúc trụ đồng được ; bời vây Mā-Viện mới bảo lấy một

cây súng đồng, dài lối 1 thước ruồi, là thứ súng va có đem theo dè dẹp loạn, giũa bằng mặt một khoản gần trên đầu súng và chạm vào 6 chữ : Đồng-trụ chiết, Giao-chi diệt ; đoạn va bảo thợ lấy một viên đá lớn, đục một cái lò rồi cắm cây súng đồng vào. Nhưng vì súng vẫn quá, không thể đẽ ngay tại mặt đất được, nên Mā-Viện phải bắt quân lính, vác đá chát thành một đồng lớn, cao có hơn 3 thước, đoạn va dẹp đem cây súng đẽ lên trên đầu đồng đá đó. Kế vài tháng sau bị bọn dư-dảng của hai bà Trung nhò súng liệng mất.

Đến chừng Mā-Viện hay chuyện như vậy, va tức giận quá, quyết lòng trả thù, nên mới bảo thợ tạo ra cái tượng ghê-gớm và tẩm hoành thị-oai như thế kia, dè thay cho cây trụ đồng, dặng diem-nhục nước Việt-Nam ta đó.

Có lẽ sau khi cây súng đồng bị nhò liệng mất, rồi có người đến biên-giới không thấy trụ đồng, chỉ thấy đồng đá cao lớn kia thì họ tưởng cây trụ đồng đã bị đồng đá chôn mất. Từ đó về sau họ dồn ra mãi, thế là cái tin cây trụ đồng bị chôn mất, được cả thảy người Việt-Nam đều công-nhận ; bởi vây lâu nay hễ nói đến chuyện trụ-

đồng của Má-Viện, thì người mình đều quả-quyết rằng : nó đã bị đá của đồng-bảo chúng ta đến biên-giới lượm liệng vào nên đã lấp mất rồi.

Ông Turion nói : « Chỗ cấm trụ đồng là nơi núi non vắng-vé, có ai đi đến đó làm gì mà lượm đá liệng vào cho đến nỗi lấp mất trụ đồng được ; dã vây mà lúc bấy giờ người Annam đương oán-thù Má-Viện dữ lắm, thì có ai dại gì lại lượm đá liệng vào đặng bảo-tồn cho cây trụ đồng của va, có cái ý nghĩa điểm-nhục nước mình ? »

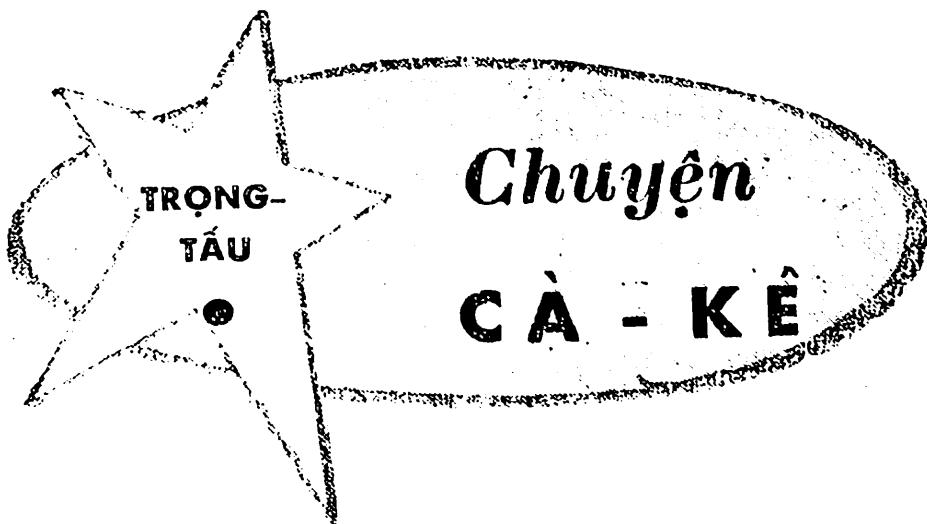
Tại miếu Má-Viện còn một chuyện lạ này, xin thuật luôn ra đây để các bạn đọc chơi giải-bnòn. Nguyên khi xem-xét phía trước miếu rồi, bỉ nhơn nhìn ra phía sau vách, đâu lưng với tượng Má-tướng-quân, thấy có cái bàn thờ một bức họa hình người dàn-bà rất xinh-xắn. Ban đầu bỉ nhơn tưởng là hình bà Quan-âm, đến chừng lại gần nhìn kỹ, té ra không phải. Cụ ông Turion hỏi, ông Từ trả lời rằng : « Bức hình đó là hình nàng Đát-Kỷ, ấy là một bức họa gia-bưu, đã lưu-truyền nhiều đời trong thân-tộc của một bà Mạn-phụ hồi Thanh-triều, hiện giờ bà cũng ở tại Đông - hưng này. Không rõ tại sao mấy lúc nay, tấm hình Đát-Kỷ đó dường như hóa ra linh-ứng. Hê ai muốn thấy rằng thì nhang đèn cầu-xin, ắt sẽ

chiêm-bao thấy nàng về nói chuyện với mình rất vui-vẻ, còn ai vô-lẽ nói xúc-phạm khinh-khi thì nàng về la rầy dữ lắm. Bởi có việc lạ như vậy, bà Mạn-phụ mới đem bức hình Đát-Kỷ cúng vào chùa, nên tôi mới đề thờ tại đó ».

Nghe vậy bỉ nhơn rất mừng, vì muôn gấp cho được Đát-Kỷ, dầu nàng có rầy la bao nhiêu cũng không sao, nên bỉ nhơn mua nhang đèn dốt lên và lấy giấy viết vào một câu : « Vong-thương tội chết dã dành, còn khoe nghiêng nước nghiêng thành với ai ? » Đoạn bỉ nhơn đem dán lên lư-hương thờ Đát-Kỷ, nhưng sợ nàng không hiểu tiếng Annam, bỉ nhơn bèn cậy ông Turion cắt-nghĩa ra tiếng Quảng-dông. Kế đó chúng tôi nhờ một đứa bạn làm đèn giội cho ông Từ dắt tới nhà bà Mạn-phụ, hỏi thăm về sự linh-ứng của bức họa-hình Đắc-Kỷ, thì bà cũng nói y như lời ông Từ đã thuật cho chúng tôi nghe.

Nhơn thấy bà Mạn-phụ và mấy người phụ-nữ ở nhà bà đều bó cảng nhỏ xíu. Bỉ nhơn hỏi họ bó cảng chi vậy, ông Turion trả lời : « Đặng cho họ dừng chạy được ».

Từ già bà Mạn-phụ chúng tôi thả dong chơi một lát rồi xuống tàu. Tối đi ngủ, bỉ nhơn vẫn tin chắc sẽ gặp Đát-Kỷ về rầy lung ; nhưng ngủ tới sáng bét, chuông dưới tàu đã kêu dùng điềm-tâm, mà bỉ nhơn chẳng thấy ma nào về rầy la chi cả.



* TẾT CHUỘT



Ở bên Pháp, và ở những nước Trung Cổ, tại các vùng quê, không ai dám giết chuột cả, vì người ta cho rằng họ hàng nhà Tí là « kê » đầu tiên tới mang cỏ chứng kiến « Chúa Giáng-Sinh ».

Sau ngày lễ NÔ-EN, người ta cử hành Tết chuột. Người ta bầy sẵn sơn hào hải vị ở khắp các kho thóc, rồi để mặc tình cho các chú chuột « chè chén » với nhau.

Nhưng, sau này, khi biết rõ

sự thật, thì chuột bị tiêu diệt thẳng tay. Sự thật như vậy :

— Thưa ấy, số người biết chữ rất ít, nên những câu chuyện thánh đều do các thầy tu truyền khẩu lại cho dân gian. Người ta nghe kể có một « rat » (chuột) tên lě tại Bethléem. Sự thực chữ đó viết khác và có nghĩa khác : « Ras » là một tước vị của giáo-sĩ Hoàng Đế Gaspar từ Ethiopia.

Một sự lầm lạc về hai tiếng đồng âm : Rat, và Ras !

* HOÀNG - KIM THỜI.

ĐẠI

« Hoàng kim thời đại »

(Age d'or) không có nghĩa là « thời đại mà con người chỉ biết sống vì vàng », như nhiều người lầm tưởng. Nó có nghĩa là thời đại thái bình thịnh trị đúng theo lý tưởng — Thời đại ấy có thể có được, nên tất cả mọi người đều như VƯƠNG - DI - PHỦ trong câu truyện « A ĐỎ ».

« A ĐỎ » có nghĩa là « cái ấy ». Thưa xưa, VƯƠNG - DI - PHỦ rất ghét tiền và luôn luôn kiêng nói đến chữ « Tiền ». Một hôm, nhân thấy Vương đang ngủ say, bà vợ muôn thử chửng, bèn cho đầy tớ chất vàng xung quanh giường ông nằm; khi tỉnh dậy, Di-Phủ không sao dậy được, vì xoay tròn cách nào cũng ngã vào tiền, ông cầu tiết quát gia nhân : « Bay đâu hãy dẹp ra cái ấy » (A đỏ) đi cho tao ! » Đó là chuyện đời xưa. Còn thời nay thì... đâm chém nhau cũng vì « cái ấy » thù oán nhau cũng vì « cái ấy » và vò khám Chí-Hòa cũng vì « cái ấy » !

* MỐI BUỚC ĐI CỦA NÀNG NỎ RA MỘT BÔNG SEN.

Nói đến chất « kim » thì lại

phải kể đến « KIM LIÊN » nghĩa là « gót sen vàng ». Sở dĩ có chữ « gót sen » là vì thời trước, ĐÔNG - ĐÔN - HẦU thời Ngũ-Đại bên Tầu, vì quá sủng ái PHAN - PHI, đã cho lát hẳn một cái nền trong cung điện, toàn bằng vàng với các hình bông sen. Khi nàng dạo gót trên nền vàng Hôn - Hầu, cất tiếng khen : « Mỗi bước đi của nàng lại nở ra bông sen vàng ».

* NGƯỜI ĐÀN-BÀ CÓ CẶP GIÒ ĐẸP NHẤT THẾ-GIỚI

Đó là cách đánh giá cái chân đẹp của thời cổ ở bên Tầu; thời nay ở bên Tây (Âu-Mỹ) người ta đánh giá chân đẹp ra sao ? Người ta đem bảo kê nó với giá thật đắt. Người ta bảo kê cặp đùi, bộ ngực, cái mắt cái mũi vàn vân. Vừa đây, ở bên Mỹ có nàng JANICE, vợ của tài tử ALLAN DRAKE đã được người ta tặng cho cái biếu hiệu « Người đàn bà có cặp giò đẹp nhất Châu Mỹ ». Tiếc thay, nàng vừa bị ám sát mắt rồi. Không hiểu nàng đã bảo kê cặp giò chưa ?

* ÁO TẮM BẰNG VÀNG

Cũng thời nay và cũng ở bên Mỹ, cái truyện lót sen vàng cho gót ngọc đạo chơi thì không có, chứ còn dát vàng vào người đẹp thì là truyện có thật. Tại phi trường San Francisco người ta vừa cho trình bày các kiểu áo tắm dành cho các tỷ phú. Người ta cho sản xuất những bộ áo tắm bằng vàng. Sau đây là vài cô kiểu mẫu đã được diễm phúc mặc thử áo đó : Suzanne Alexander, Mona Falk, Charlotte Juice v.v...

* KHÔNG LẤY CHỒNG

Hoa hậu thế giới vừa rồi là một thiếu nữ Nhật Bản. Cô ta cũng tuyên bố như một nữ ca sĩ nhà ta là « hổng nẩy tông », nhưng có điều khác nữ ca-si Việt-Nam ở câu tiếp theo : Cô nhận tất cả đàn ông trên thế giới làm chồng. (Trong đó có cả trai trắng Việt-Nam) !

Thôi đi, các cô ! Các cô chỉ lấy 3 tắc lưỡi để càng làm si mê những kẻ đa tình !

* HAI CÁI LƯỠI

Nhà Triết - học cổ Hy Lạp tên ESOPE, khi còn là 1 tên nô

lệ, làm công cho chủ tên Xanthos, được ông này sai ra chợ mua món ăn ngon nhất, Esopé mua một cái lưỡi lợn đem về và nói rằng : « Chỉ có cái lưỡi là hơn cả vì nó là mối liên lạc của đời sống văn minh, chìa khóa của khoa học, cơ quan của sự thật và lẽ phải, của những lời cầu nguyện v.v... Xanthos lại ra lệnh cho Esopé ra chợ mua món ăn đắt nhất. Ông ta vẫn đem về một cái lưỡi lợn lấy cớ rằng : « Không có cái gì đắt bằng cái lưỡi ! mẹ đẻ ra mọi thứ cái cợ, nguồn gốc của mọi chia lìa, của chiến tranh, cơ quan của những lỗi lầm và sự xuyên tạo, của lời nhạo báng và của bất trung bất tín... »

* LƯỠI VÀ RĂNG

Đây là câu truyện răng : « Các bạn thường nghe nói, người Mạt hay có tục lệ mài răng mà ta gọi là « cà răng, căng tai ». Tục ấy vì đâu mà có ?

« Trong một dịp lễ Đức Phật Thích - Ca Mâu - Ni, những người Lào, người Cao Môn và người Thái đem dâng lễ của mình. Ai cũng sửa soạn lề vật, riêng người Mạt, thay vì phải

già gạo trắng để dâng Phật, lại làm biếng, chờ gạo bằng răng. Đức Phật hay được nén 25 thế kỷ sau đã dày con cháu họ phải cà răng làm vậy."

Nhưng người Dayack lại trả lời khác :

— Tui tui cà răng để cho khác thú vật !

* CHUYỆN MA CÓ THẬT *

* Đầu thế kỷ này, một đoàn thám hiểm Anh-cát-Lợi đã khám phá ra tại Ai - Cập xác - ướp (Momie) của một nữ - hoàng. Bà này là nữ - pháp - quan của thần Mặt trời AMON - RÊ, đã chết từ 3 nghìn 5 trăm năm nay.

* Sau vài ngày khám phá được xác - ướp, thi một tai nạn ghê - sợ xảy ra : khẩu súng trường tự - nhiên nổ làm bay cành tay của một nhân viên trong phái đoàn. Một người thứ nhì bị chết trong trường hợp bí mật. Người thứ ba bị chết vì đạn súng sáu, người ta không hiểu ai đã giết và vì lý do nào.

* Đoàn thám hiểm trở về Anh quốc. Nhưng khi về tới nhà thì chủ nhân xác - ướp nhận thấy nhà mình bị trộm vét sạch

sành sanh không còn gì cả. Khi xác - ướp được chở tới Luân-Đôn, người ta tranh nhau chụp hình. Người thợ hình muốn sơ phát điện lên, vì sau khi nhìn tấm hình chụp anh ta nhận thấy không phải là tấm hình của xác - ướp mà anh đã chụp. Vài tuần sau anh bị chết. Các thầy thuốc không tài nào đoán được anh đã chết về bệnh gì ?

* Chủ nhân xác - ướp hoảng sợ trước những tai nạn lật lungan ấy, bèn đem biếu không « nữ - hoàng » cho viện bảo tàng Anh « British Museum ». Người chuyên chở xác - ướp, tuần sau cũng bị chết. Những khách đến xem xác - ướp đã cho biết, không hiểu tại sao bụng họ lại bị đau quặn ghê - gớm khi họ chỉ nhìn sơ xác - ướp. Những việc ghê - gớm xảy ra vì xác - ướp của nữ - hoàng đã khiến cho Thủ Tướng thời đó, ông AS-QUITH (1852-1921), tò mò đòi xem, nhưng người ta cản ông.

* Nhân viên viện bảo tàng sống những giờ phút hồi - hộp. Họ buộc ban giám - đốc phải thay thế xác - ướp bằng một kiểu

giả, rập theo khuôn mẫu cũ. Một người Mỹ, chuyên sưu-tầm đồ cổ Ai-Cập nhận xin đem xác-ướp về Mỹ. Người ta vui vẻ tặng ông liền.

* Một ít lâu sau, xác - ướp của nữ hoàng được chở trên chiếc tàu Titanic để đưa về Mỹ. Hiện nay, xác - ướp đó đang được trưng bày dưới đáy biển trong vỏ chiếc tàu cùng với toàn thể thủy-thủ và du-khách của chiếc tàu! Eo ơi! xác đẹp giết người. Đã chết 3.500 năm mà còn làm cho bấy nhiêu người chết!

* ĐÁM CƯỚI DƯỚI ĐÈN VUA HÀ-BÁ

Tay nhào lộn dưới nước nổi tiếng tên GOAHMID đã làm lè thành hòn với nữ giáo sư POSTHON. Hòn lè cù hành tại bờ bắc HAMILOK với sự chứng kiến của quan tòa Luis, nhưng... lại ở dưới nước với

một độ sâu 16 thước Anh. Vì vậy người làm chứng cũng như đôi tân hôn đều dùng phổi sắt và mặc bikini. Thật là đám cưới dưới thủy-cung!

* MỖI GIỌT NƯỚC MẮT CỦA NÀNG

Đời thương-cổ lại khác, tục truyền rằng thủa đó có một giống «Giao-nhàn» (đầu người đuôi cá) & dưới đáy nước thường lên tiếp sức buôn bán với người trên đất, mỗi khi từ biệt bạn bè quen thuộc để trở về thủy phủ, Giao nhân khóc lóc thảm thiết. Cứ mỗi giọt nước mắt chảy ra là hóa thành một hạt châu. Bởi thế người thời nay gọi nước mắt là «hạt châu».. và các nhà thơ Việt Nam cũng ca ngợi giọt nước mắt của gai nhân:

Đôi hàng chau lệ tuôn róc rách...!
Hay là:

Đôi hàng chau lệ rớt...đòp đòp!

* CÁI VÒNG LẦN QUẦN

Nhà Văn-sĩ Francis Blanche bảo: Thế-giới đều bị cái sợ dè-nép hết. Chúng có là con chuột sợ con mèo, con mèo sợ con chó, con chó sợ người đàn ông, người đàn ông sợ người đàn-bà, người đàn-bà sợ con chuột.

M. H. C. (thuật lại)

Tác giả Thơ và Chóng

— ★ —

(Kinh họa nguyên vần bài của cụ :
ƯNG - BÌNHL trong Phổ Thông số 29)

I

Nghi ngút lùi trầm tòa khói hương.
Thương ai ngờ ngắn ngả ba đường.
Cánh nhà mây độ quen mía nắng,
Cuộc thế bao lần trái giòi sương.
Nguy biến chưa từng lay dạ sát,
Giàu lao khôn dè chuyen gan vàng.
Tuổi thêm, râu tóc càng thêm bạc,
Tâm sự dài giờ kẽ mây hương.

II

Kinh họa nguyên vần bài
của cụ THƯƠNG-TIỀN

Nhiều ít bao nhiêu mới gọi vừa,
Riêng mình nào biết : đủ hay chưa ?
Tim tôi học hỏi, thừa là thiếu,
Mải miết ăn chơi, thiếu hóa thừa.
Màu sắc huy hoàng nhiều kẻ thích,
Tinh tinh cương trực ít người ưa.
Đời ta hay dở do ta tạo,
Đau phải khuôn xanh muỗn lọc lừa.

DƯƠNG-DINH-TÂY

Kính - họa nguyên - văn
Bài thơ « Khai bút Xuân Canh-Tý
của Cụ UNG-BÌNH THÚC-GIÁ-THỊ

I

Nhân Xuân về nhớ tòa thiên-hương,
Mở rộng nguồn thư chôn ngọc-dương.
Kỳ-kì vương thêm dòng dẽ-bá,
Lã - tài rủ sa h lớp phong-sương.
« Hương-Bình » trăng tỏ soi đầu bạc,
« Vỹ-Dạ » lan bay giữ cánh vàng.
Xuân lè « tám tư », còn trà nở,
Nở nhà, nở nước, nở văn-chương...

II

Nở nhà, nở nước, nở văn-chương.
Vui trà giúp ai trọn đá vàng.
Soai kịch, vương-tôn treo giá ngọc,
Ngâm thơ quốc-lão vén màn sương.
Xuân về săn-sóc trồng hoa thắm,
Bàn túi say-sưa chuộc chén vàng.
« Trăng đỏ cuộc cờ » (1) xem dù nước,
Cùng ai thanh-khi đốt trùm-hương.

HO.I-QUANG
BÙI - ĐÌNH - SAN

Nha Văn-Hóa, Bộ Giáo-Dục

(1) « Trăng đỏ cuộc cờ đì dù nước,
Xanh vàng mồi chi nhuộm nhiều tay. »

(Phò-Thòng số 21)



Phụng họa thi khai bút
XUÂN CANH - TÝ (1960)
của Cụ THÚC-GIÁ-THỊ

Tự trong bình cổ ngát đưa hương,
Khép cửa, pha trà, soạn chén Đường.
Ngoài ấy, chó ai quèi cúng nước?
Trong ni vẫn tỏ đứng gào sương.
Võng đưa khoan nhặt, say hồn bướm,
Trống điếm cầm cảnh tĩnh mộng vàng.
Giấy mực sẵn sàng chờ múa bút:
Viết nhà đức ấm, thăm văn chương.

Văn sanh : VƯƠNG HỒNG SEN

Giám đốc Bảo tàng Việt - Saigon

**Kính-hoa . nguyên - vân
Bài thơ « Khai bút Xuân Canh Tý »
của Cụ THƯỜNG-TIỀN LÊ-QUANG-NHƠN**

I

Đời sống « nhơn-tiên » chẳng phải vui,
Xuân-thu « bầy-tâm » đặc-tinh chưa ?
Đã thành « Đại-lão », già còn dẻo,
Lại săn « Nam-phong », mát có thừa.
Ôm mộng hon sông (1), mai trúc nhớ,
Xe duyên văn tự, đá vàng ưa.
Làng thơ « lừa lọc » ai Đào, Lý,
Danh-lợi mặc ai thích « lọc lừa ».

II

Danh-lợi mặc ai thích « lọc lừa »
Ngoài vòng cương-tỏa, gió trăng ưa,
Ngầm gương minh-nguyệt, mờ càng sắn...
Đôn trận thanh-phong, hưng văn thừa...
Mến bạn xem hoa, hoa ngát mãi,
Yêu ai chuốc rượu, rượu say chưa ?
« Kỳ-Anh » khởi-tứ vui ngâm vịnh,
Ngọn bút trồ hoa dẽ chẳng vừa...

HOÀI - QUANG

BÙI - ĐÌNH - SAN

(1) « Đã biết công-danh phải đê lồng,
Mà ta ôm-ấp mộng non sông. »
(Phổ-Thông số 22)



**Kính họa nguyên vân bài
« Khai bút Xuân Canh-Tý » của cụ**

UNG-BÌNH THÚC-GIA-THỊ

Tùng-Tuy nối dõi, mạch thư-hương.
Tiếng dại từ xưa : « Thất Thịnh-Dưòng » (1)
Ngọn bút vương tôn, hoa trồ gấm,
Văn thơ tự thợ, tóc pha sương.
Tam tôn, bảng thiếp màu son đậm,
Ngũ phúc, tờ thêu nét chữ vàng.
Quắc thưorraine lão ông, dời hiềm eo :
Hào hoa phong nhã, khách văn chuong.

(1) Liên tưởng câu thơ của Vua Tự-Đức : « Thi
láo Tùng Tuy thất Thịnh Dưòng ».

**Kính họa nguyên văn bài
« Khai bút Xuân Canh-Tý » của cụ
THƯỜNG - TIỀN LÊ-QUANG-NHƠN**

Tuổi tròn vò tận, mấy cho vừa,
Như cụ Thường Tiên đã thỏa chưa ?
Tri túc, lợi danh, lòng chẳng bận,
Vô tư, sinh tử, chuyện xem thừa.
Mỗi tình bàng hưu, giờ thêm đượn,
Cái thú vẫn chương khoẻ vẫn wa.
Đức xị tròn cho ai này được,
Biết đâu mà kén, biết đâu lừa ?

An-Định TRẦN-KINH (Huân)

**Khai Bút XUÂN CANH-TÝ 1960
(Kính họa)**

I

Học đồi, vái Thánh, dốt tâm hương ;
Rồi cũng thơ nôm, cũng luật Đường.
Trước vịnh đưa heo, chờ ả gió ;
Sau ngâm rước chuột, ngâm nàng sương.
Hứng tân, vẻ đẹp dù mê mẩn,
Cảm cựu, lơ sầu mãi vẫn vương.
Xuân nào, xuân nào, vui chẳng tệ ?
Tè vui càng trọn thú văn chương.

LÃNG-BA

**KHAI BÚT XUÂN CANH.TÝ
(Kính họa)**

II

Tuổi hạc vài mươi nữa mới vừa ;
Trần trề nhựa sống, át là chưa..
Đặt thơ ngày trọn, hương còn lấm ;
Chuyện tửu canh thàu, lực vẫn thà.
Sành điệu khôi hài, mai trúc thích ;
Rộng đường du lịch, gió trăng wa.
Hẹn về tiên cảnh, tiên nga đợi...
Nặng nợ trần gian mãi đánh lừa.

LÃNG-BA

Chánh Lục Sư CẦN-THƠ

XUÂN ĐẤT KHÁCH Kính họa nguyên vận cự THÚC.GIA.THỊ

Xuân này cô phu cảnh già hương.
Chiếc bóng bơ vơ vạn đậm đường.
Thân thè đã từng cõi ám lạnh.
Đường dài còn ngời nỗi phong sương.
Gương soi mái tóc thương đầu bạc.
Thu ền vượt quan san gội nắng vàng.
Bạn tác quê người đèn với sách.
Giải buồn ngâm láo một vài chương.

Kính họa THƯỜNG.TIỀN Tiên-sinh

Cụ sống trăm năm thiê mới vừa.
Biết bao người mến Cụ hay chưa.
Tao đàn xây dựng công không thiếu.
Bút trộn xông pha sức có thừa.
Phê phán công bình trăm bạn thích,
Gi o lời chau ngọc kốn phương ưa.
NIHÂN SINH THẤT THẬP câu thơ ấy,
Rò lại xưa kia họ nói lùa.

NGÔ-KIỀU

Hor-Kieu

Lý sự Trường Bang Quảng Đông
Nhà Trang

Phụng-Họa bài « ĐẦU NĂM KHAI BÚT » của Cụ UNG-BÌNH

Quê thành đây đón ngọt-ngào hương,
Hồng tía đưa tươi vạn nèo đường.
Rúc rích Chuột về bên tổ ám;
E dè Heo chạy giữa màn sương.
Đèo soi nước Nhị phô mòn đõ,
Mai chiếu giòng Nai rợp ánh vàng.
Gặp buổi Xuân-vương thay khách-tuổ,
Xuống hòn xin nhau bạn vẫn-chương,

ĐẠM - NGUYÊN

Nguyên Chủ - nhiệm báo
TÀM - NGUYÊN Saigon.

Thơ

LÊN RUỘT

* DIỆU HUYỀN *

Saigon, 24-2-1960

σ Chị Diệu-Huyền thân-mến. Tại em bốn đứa đây, nữ-sinh Gia-Long, Trung-Vương, Lamartine, đồng thanh yêu cầu chị làm một bài "Thơ Lên Ruột" về vụ chàng "Cử-nhan Luật" nhảy dù, và đăng lên báo Phò-Thông số tối. Chị có chịu tại em một chút không, hả chị? Tại em rất — rất cảm ơn σ Bà Tú » và ngong-ngóng chờ bài thơ của σ chị ° Diệu-Huyền.

LAN — HOA — THUẬN — HỒNG
(Thí-sinh Tú-tài II khóa 1960)



Nhảy Dù

Mến tặng LAN—HOA—THUẬN—HỒNG

T Ư khi nước Việt hết giặc-dã,
Còn biết bao nhiêu kẻ nhảy dù!
Áo, māo, cân, dai, kia, đon dả
Lựa theo chiều gió nhảy vù vù!

M Ắc Y ông râu quắp, thời
nghiêng ngả,
Tưởng dã theo Tây tận tít mù,
Ngày nay vẫn quắp chòm râu giả
Dạ dạ, hoan hô, gật gật gù!

MỘ T số đầu cơ dù hạng cả,
Chuyên môn buôn lậu hàng
nhảy dù,

Dư bạc dư tiền, ăn xài đã,
Cắt nhũng buyn-dìn cao tít mù.

VIẾT chử áng - lê trật
chánh-tả
Bắp bẹ năm ba tiếng troản, tù...»
Cũng dăng quảng cáo loè độc-giả
«Đạy lớp Anh-văn» khéo khặt-
khù !

VÀ nhũng «Công-an»,
«Trung Ủy» giả,
Đeo súng lục cây, để đi hù,
Hầm he tổng tiễn người cô quả,
Và tổng tình duyên bọn gái
ngu !

LÀ I còn vài anh «ký giả» giả
Vờ mang máy ảnh chụp lu-
bù,
«Phóng sự», «điều tra» khoe
dù cả,
«Le» với các em để dẽ gù !

CÁC xóm bình - khang bị
tan rã,
Từ khi chánh phủ cấm... cù-rù,
Nhưng cứ đêm đêm lính tróc nǎ
Bắt về cả xâu cho ở tù.

MẤY chàng «ký-sự» trưng
bằng giả
Đào mỏ mấy cô giàu kết-xù,
Cô nàng say mê cười hỉ-hả,
Đến chừng mở mắt, khóc hu-hu !

KỂ chi một số bà... «khá giả»,
Lén lút phu quân, đi... nhảy
dù.
Chồng có nỗi ghen thì ấu đả,
Rồi cũng êm ru... ru-bà-rù !

NHƯNG mà rút cuộc đều
thua cả
Một vị «Luật sư» tập... nhảy dù.
Quảng một cái mồi «Cử-nhân»
giả,
Câu ba con ếch mập thù-lù !

LÀ I còn ba-nhe có mấy gã
Văn chương chử nghĩa tắt-
tít-mù,
Cũng ra làm thầy dạy ẻ-ả,
Mang danh «Giáo-sư» cạc-
cạc-ù !

KÉT luận : có vay phải có
trả,
Mấy kẻ lưu manh đi ở tù.
Ngẫm chuyện đời nay, cười giả
lả :
Ha..Ha.., thòi thế tạo anh..hù !

Sách Báo mới

* SỐNG, số 8 (1.3.1960)

Cơ quan tranh đấu của Hội Nạn-nhân Cộng-Sản. Chủ-nhiệm: ông NGÔ-TRỌNG-HIẾU. Chủ bút: ông LƯU-HÙNG-Nhiều bài rất có giá trị:

Thuy An là đạo phủ thủ, là hay nạn nhân của Cộng Sản, (của Tạ Tdm Tu). Tìm hiểu vụ án Văn nghệ miền Bắc, (của Lã tần Dương). Thoát (Thơ của Mặc Thu). Thơ của Bàng Bá Lân, Văn Thể Bảo, v.v..

Tinh thần nô lệ qua thi văn Lưu Trọng Lư — Hà nội kiếp trước — Tinh thần quốc gia V.N. (của Đàm quang Thiện), Tìm hiểu cuộc cách mạng Trưng Vương (của Trần văn Nhật).

Chuyện ngắn: *Chuyển Đò (của Mặc-Thu) v.v... Tranh bìa rất có ý nghĩa của Họa-sĩ Thái-Tuấn. Tờ soạn: 169-171 Hồng Thập Tự Saigon. Giá 7 đồng.*

* VIỆT-NAM VĂN-HỌC TOÀN THƯ

Quyển II cỗ-tích, — của HOÀNG-TRỌNG-MIỀN.

Tiếp theo quyển thứ nhất xuất bản hồi năm ngoái. Một công trình đáng khen thuộc về loại tham khảo. Tác giả ghi chép lại các chuyện cổ-tích Việt-Nam và một vài dân tộc thiểu số miền Núi. Nhưng có nhiều tranh ảnh mà tác giả không cho biết trích ở đâu ra. Có nhiều chuyện về Lịch Sử (như chuyện Poramè, Hai Bà Trưng, Nguyễn-Trãi, v.v...) tác giả lại cho là cỗ-tích (?) Ngoài ra, tác giả cũng không trình bày một quan điểm Lịch sử rõ rệt.

Tác giả gom góp một số tài liệu rồi biên chép ra, nhưng không nói rõ xuất xứ của mỗi tài liệu (như chuyện Pô-rô-mê, nói về

Công-chúa Ngoc-Khoa, của Thái-văn-Kiểm), để đặc-giả tiện-việc tra-cứu thêm.

In-đẹp. Bìa-trình-bày trang-nhã. 444 trang — Giá 100 đồng.
Có-diều-chúng-tôi-không-được-hiểu-lầm, là-nơi-trang-ngoài-thì
để-là Quốc-Hoa-xuất-bản, trang-trong-thì-de Văn-hữu-Á-châu
xuất-bản, mà-lại «Tác-giả-giữ-bản-quyền»?

* LOUIS PASTEUR, nhà Bác-học, Bậc-vĩ-nhân

Của Giáo-sư BỬU-CÂN, 12, Trung-Nữ-Vương, Nha-trang.
Hội «Khoa-Học Việt-Nam» Saigon, xuất-bản.

Một-tập-sách-nhỏ, nhưng-rất-quý-giá, vì-tài-liệu-sưu-tầm
công-phu, trình-bày-rõ-ràng, đầy-dủ. Rất-cần-ích-cho-các-bạn
muốn-học-hỏi-về-thân-thể và sự-nghiệp-của-nhà-Bác-học, v.v.-nhân
của-Thế-giới. Giá-bán 8 đồng.

* TÂM-NGUYỄN-YÊN-ĐỒ-NGUYỄN-KHUYẾN

(Tiêu-sử-diễn-ca)

của Bà HỒNG-THIỀN

Một-tập-thơ-lục-bát-thuật-lị-tiêu-sử-của-Thi-sĩ-YÊN-ĐỒ,
có-phụ-thêm-mấy-bài-thơ-Việt-văn-và-Hán-văn-trích-trong-tập-thơ
«Quê-Sơn»-của-cụ-Yên-Đồ.

32 trang. Giá-ở Saigon 12 đồng, các-tỉnh 15 đồng.

* TÒ-MỎ-TOÁN-HỌC.

Của Ô. LUU-NHU-HÃI, Giáo-sư-trường-Sao-Mai, Đà-nẵng. Tựa-của Ô. Giáo-sư NGUYỄN-VĂN-NGHĨI.

Trình-độ-Đệ-lục đền-đệ-tam. Tập I. Có-nhiều-bài-toán-vui-vui, như-bài-sau đây :

« Sáng-sớm-đi-chợ-Gò-Công,
Đem-20 đồng-mua-20 đúra.
Con-trai-vừa-lừa-một đúra-2 đồng,
Con-gái-chưa-chồng-một đồng-2 đúra.
Con-nít-nằm-giữa-một đúra-3 đồng.
Hỏi-số-con-trai, con-gái-và-con-nít? »

v.v... Các-bài-giải-theo-đại-số-học-rất-rõ-ràng. Có-dù
về-đại-số-học, số-học, toán-hình-học, lượng-giác-học. Các-bạn
học-sinh-ban-Trung-Học-nên-xem. 40 trang — giá 15\$.



Ngoại

Truyện dài của cô VÂN - NGA
(Tiếp theo P. T. số 29)

III Á kêu con việc gì ? —
Thanh hỏi má tôi vậy.

Má tôi nín cười và nói :

— Không ! Hồi thử coi tại
bây về rồi chưa vậy thôi.

Má tôi di vào trong. Anh Của
nói :

— Bà già cười nha !... Cái
tiếng “tại bây” của bà già dùng,
nghe mê quá !

Khi tôi dọn mâm cơm cùng
lên nhà trên, Ca vang liền bảo :

— Anh, chị phải lạy chung
với nhau nơi bàn thờ mới được.

Tôi cúi gầm mặt, toan lui trốn

xuống bếp, nhưng Thanh đã
nắm tay tôi kéo vô đứng trong
chiếc chiếu trải trước bàn thờ :

— Em ơi, buổi lễ hôm nay có
ý-nghĩa quan-trọng với lời doan
thệ của đôi ta, cần phải nén tâm-
thành lắm đó.

— Nhưng ăn mặc như vầy sao ?

Tôi vừa hỏi vừa nhìn kỹ lại
Thanh thấy chàng bận một bộ
quần phục may bằng vải đen, còn
tôi thì chỉ mặc quần áo thường
trong nhà mà thôi. Thườn ấy, ai
có đồ vật gì tốt và quý-giá đều đã
chôn giấu cả rồi, tôi dù muộn hơn
nữa cũng không được.

— Mình thành tâm là được
rõ, ông bà không bắt lỗi đâu.
Các anh đừng ngoài nói vây.

Tôi cúi đầu bước vào chiếu,
trong bụng khẽ khóc ngầm-nghĩ
buồn cười cho sự vê vời của các
bạn : đôi thuở nào cô dâu chú rể
lạy bàn thờ mà khẽng có áo thụng
hay một thứ lỗ phục nào khác ...

Anh Tám Càng, kè ra lớn tuổi
hơn các anh, bị dùn cho việc đốt
nhang và dung rượu lên bàn thờ.
Anh làm bồn-phận trịnh-trọng
như một ông mai chánh hiệu và
cất lời van vái hồn người khuất
mặt hây chứng giám tắc lòng thành
của chúng tôi cùng là phù-hộ cho
những lời cam kết ngày hôm nay
chóng được đoạt thành và sê-ben.

·chặt cho tối trầm rầm đầu bạc.

Những lời khấn vái của anh

Tâm tuy không chuốt gọt hoa mỹ
nhưng thấm đượm một vẻ chân-
thành khiến cho các anh đứng
chung quanh bàn thờ đều cảm-
động và tôi cảm thấy bầu không-
khí ở đây bỗng trở nên nghiêm-
trang, trọng thể một cách lạ.

Khi chúng tôi trở xuống nhà
dưới thì má tôi, như những ngày
gần đó, đã ra ở ngoài trại ruộng
mà ở vì lúa gặt mới có một ít,
chưa cộ về được. Trại ruộng lại
yên tĩnh, mát mẻ và khéng thiếu
tiện nghi gì cả nên trong mùa lúa
má tôi hay ra đó ở. Sự vắng mặt
của người ở nhà, thật ra, cũng cho
chúng tôi được đôi chút tự-do.
Nhất là tối hôm ấy, trong buổi tiệc
đặc-biệt của chúng tôi, không ai
nghĩ rằng đó là một tiệc cưới nho
nhỏ vậy. Lắm lúc tôi cũng sợ là
đã đi quá trớn, nhưng cặp mắt
điều hiền của bà Phán Ba và chị
Năm nhìn vào tôi như biếu dòng
tình việc ấy và cam kết sẽ gánh
lấy phần trách-nhiệm.

Trong buổi tiệc, anh Chim Xanh
cầm trao cho Thanh và tôi một
chiếc đĩa nhỏ có đựng một cù
gừng và một nhúm muối, mà
ngâm lên câu ca-dao đã ghi két

mỗi tình sâu đậm nơi chốn thiên-
quê :

Tay bụng đĩa muối chấm gừng

Gừng cay, muối mặn xin anh
đừng bỏ em.

Tay bụng đĩa muối chấm
chanh,

Chanh chua muối mặn xin anh
đừng bỏ em.

Các anh bạn của Thanh đồng
bảo nhau :

— Nhứt định không bao giờ
Thanh bỏ Vân !

Các chị bạn của tôi, Thành,
Hạnh, Dung, cũng không chịu
kém :

— Nhứt định không bao giờ
Vân bỏ Thanh !

Liên đó, một cuộc đấu khẩu
với nhau về tình chung thủy của
hai phái mạnh và yếu, mở đầu.
Hai bên, bên nào cũng bình vực
lấy lập trường của mình để cố ý
chọc tức bên kia chơi. Trong khi
mọi người cãi hăng. Thanh khẽu
tôi bước ra ngoài. Chúng tôi
ngồi bên đầu cầu, tay nắm tay im
lặng không nói gì.

Con trăng hôm ấy tròn và sáng
tò, vẫn vặc giữa vòm trời trinh
bạch, soi vành ngọc thỏ dưới
giòng nước sáng ánh như gương.
Tôi nhìn bóng trăng dưới cầu

nghĩ rằng trăng ấy riêng của chúng tôi. Tình chúng tôi ti như con trăng ấy, hôm nay tròn đầy, nhưng những đêm trăng nước về sau có còn được mãi mãi như thế này chăng?

Thỉnh thoảng có con cá vẩy vàng, mặt nước sao động nhấp nhô, trăng kia tan vỡ làm muôn mảnh theo những vòng sóng bạc gọn lăn tăn, rồi lại vá vív vào nhau, rập rình kết bóng y như con trăng cũ. Tôi chạnh nhớ tới ngày ly biệt sắp tới mà bỗng thấy đau thắt bên lòng.

Ánh trăng còn vá vív lại được, tình chúng tôi chấp nối khi nào? Trong thuở tao loạn, người ta đi không hẹn ngày về, tiếng ca đặc thăng khải hoàn của những chàng trai đất Việt sao hãy còn xa xăm quá!

Thanh hỏi nhó bên tai tôi:

- Em nghĩ gì vậy?
- Em nghĩ đến anh. Còn anh?
- Anh cũng nghĩ đến em.
- Sao mà em hơi sợ sợ anh
- Em sợ anh không trở về sao?
- Em sợ cho anh trăm ngàn điều nguy hiểm mà nếu em có thể

chia sớt được với anh, em cũng sẵn sàng.

Thanh hôn nhẹ vào má tôi và bảo:

— Cám ơn người bé nhỏ của anh. Anh không muốn thế, bây giờ chúng ta mỗi người đều đã có một bồn phận đối với nhau, bồn phận của anh là giữ nước chống xâm lăng, không để cho em phải tủi hờn với bạn khác; còn bồn phận của em là chung tình bên song cửa đê chờ đợi ngày về của anh. Anh cầu xin sao cho em vẫn được an toàn, và trong buổi sum vầy của đôi ta thì cảnh cũ người xưa không có gì thay đổi.

— Chừng nào anh về hờ anh?

— Anh không thể nói chắc được em à. Nhưng nếu trong vòng ba năm mà em không có tin tức gì của anh từ miền Đông gửi về... thì em đừng chờ đợi hơn nữa...

Tôi nắm tay Thanh mà nói:

— Nếu sau này, trong số những người trai trở về làng mà vẫn bóng anh thì không biết em sẽ khóc đến đâu nữa. Em có thể trông chờ anh mãi mãi, miễn là anh vẫn còn sống và sẽ về cùng em...

— Em đừng lo nghĩ lần thầm,
thế nào anh cũng trở về với em.
Hình bóng của em là nguồn an
ủi trong những khi anh gian khổ,
là sức mạnh trong những lúc
chiến đấu của anh, và cũng là
phản thường cuối cùng khi anh
được thành công trở về thấy em
dòn tiếp với một nụ cười tươi
nơi miệng.

Thanh căn dặn tôi sau khi
chàng đi rồi tôi phải tìm đủ mọi
cách liên lạc với gia đình chàng,
và thường lui tới viếng thăm song
thân chàng như là một nàng đau
thịt thọ vậy.

Chúng tôi ngồi nói chuyện đến
gần sáng mà câu tâm sự tuôn
trào như một giòng suối bất tận,
tưởng có thể nói mãi hằng năm
không dứt.

Khi những giọt sương sớm
rơi lạnh trên đôi vai, Thanh mới
đưa tôi vào phòng...

Tôi bá cổ chàng mà bảo :

— Anh ơi, em yêu anh quá.
— Anh cũng vậy, anh yêu em
không thể nói hết lời.

— Từ đây em là trọn của
anh.

Chúng tôi bận rộn nhau không
rời tay, đôi môi run rẩy tìm nhau,
đôi mắt đắm đuối nhìn nhau

qua ánh tối.

Sáng hôm sau, nhớ lại những
phút yếu lòng, tôi thẹn mặt lánh
chàng. Thanh tìm xuống bếp, nhẹ
vuốt mái tóc tôi và bảo :

— Người đẹp của anh đang
làm gì đó ?

Tôi nhìn vào o cá, nói gắng
gượng :

— Em lo thức ăn đường cho
chị Năm.

— Ủa có người chèo đò rồi à?

— Người đó mới trả lời hồi
sáng.

Thanh trở lên nhà xem thấy chị
Năm đã sửa soạn hành trang xong
liền trở xuống tìm tôi. Lúc ấy
chàng mới nhận thấy cử chỉ của
tôi có khác lạ hơn bình thường :

— Làm gì mà em như trốn lánh
anh vậy ?

Chàng hỏi mãi, tôi chỉ cười mà
đáp. Sau cùng, bị hỏi nột quá, tôi
quay lại trả tay vào mũi chàng mà
nói :

— Lỗ mũi quẹo ngoe, mặt thấy
phát ghét !

Một lát sau, Thanh mới hiểu
cắt tiếng cười khang và bỏ đi lên
nhà trên. Trong buổi sáng hôm đó,
chúng tôi tiễn đưa chị Năm xuống
đò. Chị cầm tay tôi căn dặn nhiều
diều chí thiết. Chị cũng khuyên
Thanh cố gắng thận trọng trong

mọi hành-dộng.. Khi đờ tách bến,
chúng tôi thảy đều ngồi ngùi, kè
trông lại, người ngó theo.. .

Tôi giờ tay vẩy chào chị Năm
và nói với theo :

— Chị cho em gửi lời thăm
ba má...

Chị Năm gật đầu cười và
Thanh cũng nhìn tôi với một nụ
cười khuyển khích. Khi thuyền
đã khuất bóng, chàng nắm tay
tôi di châm châm trở vào :

— Chiều nay, đến lượt chúng
anh.

— Trời ! Mau vậy sao ?

— Người liên lạc đã cho hay
như vậy rồi.

Tôi sững sốt nhìn Thanh.
Mặc dầu là đã biết trước chàng

sẽ phải ra đi bất luận lúc nào có
tin nhắn, nhưng khi tôi nghe
chàng nói xong, chân tay cơ hồ
mềm rủng cả ra. Bây giờ tôi đã
là vợ chàng, tôi nhìn sự thè với
một con mắt khác. Tôi thấy cần
chàng ở bên tôi hơn lúc nào cả,
chàng là cột trụ giữa nhà, là
một gốc cò thụ đê cho tôi nương
nhờ theo. Tôi thấy tôi yếu đuối
lắm, trợn trọi và đơn độc khi
vắng chàng. Tôi cần phải một
sức chờ che. Úớc gì chàng
được ở yên lành mãi bên tôi,
tiếp sức cho tôi phản đấu với
cuộc đời, với cái thời ly loạn
không chừa bỏ một góc đất nào
trên mảnh đất Việt mến yêu.

(Còn nữa)



QUẢNG CÁO :

**TÌM ĐỌC : THI PHẨM
PHAN PHUNG VĂN**



Một thi phẩm dệt bằng nước mắt của
một nàng thôn nữ khờ khờ ôm khung chung
tình để chịu phũ phàng suốt 15 năm lỵ loạn.

BẢN ĐỒ CỦA VIỆT

* « VƯƠNG-THÚY-KIỀU TRUYỆN » CỦA DƯ-HOÀI HAY TRUYỆN CỦA NAM-CUNG-BÁC ?

(của Ô. Thé - Xương, Trường Hồ - ngọc-Cần, Saigon).

... Thưa ông, bài « Vương-Thúy-Kiều truyện » của Nam Cung Bác mà ông Bạch-Thúy đãng trong P.T. số 29, kể ra cũng không phải một tài-liệu thật mới lạ lăm đàu. Tôi đã mua được 4 năm trước đây bì « Lịch đại danh nhân đất sét » (gồm 2 cuốn, dày tắt cả 374 trang) của NAM CUNG BÁC và cũng đã nhận thấy từ trang 343 đến trang 352 bộ sách đó có bài *Vương-Thúy-Kiều* dở *Minh đại kháng Nhật chiến tranh*. Nhưng, chính ông Nam-Cung-Bác đã phỏng theo cuốn truyện *Vương-Thúy-Kiều* của DƯ-HOÀI để viết. Nam Cung Bác cũng đã tự nhận điều đó nên nơi trang 343 cột 9 (kể từ phải sang) ông đã viết : « cù Dư - Hoài Vương - Thúy - Kiều truyện tải » ; tôi xin tạm dịch « Dựa theo truyện *Vương-Thúy-Kiều* của DƯ - HOÀI thì.. » nhưng, rất tiếc khi dịch dòng chữ đó sang Quốc văn, ông Bạch-Thúy đã nhầm chữ *Dư* (danh từ riêng, họ của người ta) làm chữ *Hoài* (không viết hoa; như ông đã biết chữ Hán không viết hoa) dại danh từ, có nghĩa là *tôi*, và ông Bạch-Thúy đã bỏ sót luôn chữ *Hoài* vì vậy ông Bạch-Thúy đã dịch dòng chữ trên thành : « Theo truyện « *Vương-Thúy-Kiều* » mà tôi (Nam Cung Bác) có, viết rằng... ».

Thưa ông Chủ Bút, nếu Nam Cung Bá đã dựa theo truyện *Vương-Thúy-Kiền* của DU-HOÀI mà viết, thì tôi thiết tưởng tài liệu 41 năm (tháng chạp 1919) trên báo *Nam Phong*, Phạm-Quỳnh cũng đã có dịch và có đăng cả truyện *Vương-Thúy-Kiền* trong sách *Ngu sờ tân chí*, theo đúng chính văn của DU-HOÀI...

* MÌNH KHỎI *

(của ông MINH - KHA, Chợ-Lớn)

Trong một số báo Phổ-Thông vừa qua, tôi có viết một bài về thơ ông Phan-Khôi, trong đó có trích bài «Viết mộ Lê-Chát». Bài này, tôi đã gặp trong một phụ trương văn chương của một tờ báo, xuất bản cách nay cũng khá lâu (khoảng năm 1949-50). Đó là một bài thơ phá trắc, mà hai câu cuối lại thất luật. Tôi hơi hoài nghi vì không lẽ một bậc túc-học như ông Phan lại làm thơ sai niêm luật, Nhưng tôi cứ gởi đăng lên Phổ-Thông, để mong quý bạn xác chính. Vừa rồi, tình cờ tôi gặp lại một nhà văn tiền bối, nhân bàn qua câu chuyện văn chương, tôi có đem chuyện trên đây ra chất chánh và được ông bạn làng văn lão-thành nói trên, đọc cho nguyễn văn bài thơ «Viết mộ Lê-Chát» của ông Phan-Khôi. Theo ông thì bài ấy *phá bình* chứ không phải *phá trắc* và không hề sai niêm luật. Ông cho là có lẽ người chép lại bài ấy đã chép sai, vì nghe lầm. Rõ nguyễn văn bài ấy như sau :

«Bình-Tây trấn quốc tiếng ngàn thu,
«Cô ái rêu mờ, đất một n.
«Ấy dũng, ấy trung là thế thế,
«Mà nhán, mà nghĩa ở mồ mồ?
«Chim gào hòn sót xuân âm i
«Hùm thét uy lưu gió vụt vù
«Cái chuyện anh hùng ai nhắc nứa
«Hồ Tây vắng vắng tiếng chuông bu.

Bài trên đây có thể xem như đúng với nguyên tác vì nhà văn tiền bối đọc lại nó, là một trong những bạn tâm giao của ông Phan. Vậy nay xin chép lại nguyên văn như trên cho đúng.

DÁP BẢN

NGHỆ

PHƯƠNG

DIỆU-HUYỀN
và BẠCH-YẾN

* Em Phan văn Lang, Bệnh viện Huế.

Thì thà thật cảm ơn thư em. Đã đọc bản nhạc của em. Nhạc và lời đều rất cảm động. Rất tiếc không đăng được trên P.T.

— Tác giả bài thơ « Non Nước » theo tục-truyền là bà Bang Nhén ở Quảng-Nam, nhờ linh-hồn của chồng nhập về cho bà làm thơ (?).

* Ông Đào văn-Lải Saigon.

Theo Thiên-văn học, thì mỗi ngôi sao nhỏ lý-tý mà ban đêm ta thấy trên trời kia, là một mặt trời (*un soleil*), tự nó có ánh sáng riêng của nó. Tất cả những “Mặt-trời” mà người ta đã đo được từ trước đến nay, đều to lớn hơn Mặt Trời của ta (của Thái-dương-Hệ của chúng ta). Mặt Trời của chúng ta đã lớn hơn Trái Đất của ta đang ở, một triệu ba trăm lẻ một ngàn hai trăm lần ($1.301.200$), vậy thì ta có thể tính rằng mỗi “ngôi sao” như một cái chấm trắng bé nhỏ trên vòm trời ban đêm kia là MỘT TINH TÚ, MỘT MẶT TRỜI, TO GẤP MẤY TRIỆU LẦN MẶT TRỜI CỦA TA. Ít có ngôi sao nào nhỏ hơn mặt trời của ta. Vậy thì mỗi ngôi sao mà ta thấy như bé nhỏ kia còn to gấp mấy triệu lần quả đất của ta đang ở. Nhưng sở dĩ ta thấy nó nhỏ bé tí-tẹo như một cái chấm trắng thế kia, là tại nó ở cách ta xa lắm. Đại-khai như NGÔI SAO GĂN NHỨT với Trái Đất là sao ALPHA DU CENTAURE, đã xa cách Trái-Đất đến $41.000.000.000.000$, ($41.000.000.000.000$) Còn những

ngôi sao khác thì 10 lần, 20 lần, 50 lần, 100 lần... xa hơn nữa ! SAO BẮC ĐẦU (Etoile polaire) mà ta thấy long-lanh như một hột kim-cương kia, xa-cách quả Đất của chúng ta đến 344 ngàn tỉ kí-lô-mét : 344.000.000.000.000 kms. Ánh sáng lấp-lánh của Sao-Bắc-Đầu mà ta nhìn thấy đêm nay, chính là đã dè 36 năm 7 tháng trước mới chiếu xuống đến ta, với tốc-độ là 300.000 kí-lô-mét mỗi giây đồng hồ. Ta biết rằng Mặt-Trời của ta đã lớn hơn Trái Đất 1.301.200 lần, mà Sao Bắc-Đầu còn lớn hơn Mặt-Trời nữa, thì ta có thể tính biết Sao Bắc-Đầu to lớn hơn Trái Đất gấp mấy triệu lần ! Vậy mà ta ngó lên trời chỉ thấy nó nhỏ như một hột cát !

✿ Ô. Hùng sơn KBC. 4090/5, Nha-Trang.

— Theo một số đông các bạn làng Văn và Báo ở Saigon cho biết, thì tác-giả bài xuyên-tac và đề-mi-pha ông N.V. trong tờ « Hương-quê » mà ông nói đó, và ký tên là « Nguyễn-Tử-Năng ». (Nguyễn chứ không phải Nguyễn) chỉ là cái biệt-hiệu đe dấu tên thiệt của ông Cử-Tạ, tức là Thái-Bạch, PHẠM-THANH, tác-giả quyền « Thi-nhân Việt-Nam hiện đại » xuất-bản hồi năm ngoái. Riêng chúng tôi không được rõ và cũng không cần biết là ai.

N. V. không trả lời. vì toàn bài đó đều xuyên-tac không một điểm nào đúng sự thật, — Vì tác-giả không có can-dảm ký tên thật và nói sự thật. Nếu ông muốn « chất vấn » tác-giả bài ấy, thì ông cứ gởi thẳng đến tờ « Hương-Quê » (chứ không phải « Quê-Hương ».) Nhiều bạn đọc tíc giận đã gởi đến chúng tôi nhiều bài chỉ trích nhiệt liệt kể « ngâm máu phun người và dấu mặt dấu tên », nhưng chúng tôi cũng không đăng, vì tòa-soạn tạp-chí Phò-Thông và chính N. V. muốn giữ thái-dộ im lặng. Mong ông bạn thông-cảm cho. Đa tạ.

✿ Ô. Dương.ngọc-Phùng, 35 bến Chương-Dương

Xin thành thật cảm ơn về bài thơ của ông tặng.

★ Ô. Nguyễn-thành-Lẽ, 17-Võ.Tánh, Huế.

Hỏi : 1.— Thưa Cô

Ai sinh ra ông Lạc-Long và bà Âu-Cơ mới lấy nhau sinh ra một trăm trứng, thành ra 100 người con, theo sử của bắc Tiều-học ?

ĐÁP BẢN BỐN PHƯƠNG

Đáp :

❶ **Vua ĐẾ-MINH** là cháu ba đời vua Thần-Nông bên Tàu, đi chơi gặp một nàng Tiên tại núi Ngũ-Linh (tỉnh Hồ-Nam bây giờ) lấy nhau. Sinh được một trai, tên là LỘC - TỤC. Lộc-Tục lớn lên được Đế-Minh phong cho làm vua phương Nam, lấy hiệu là KINH - DƯƠNG - VƯƠNG

❷ **KINH - DƯƠNG - VƯƠNG** làm vua nước Nam, đặt tên là nước Xích-Qủy, vào khoảng năm 2879 trước Giê-Xu.

Kinh-dương-Vương lấy con gái của vua Động-dinh-Hồ (Hồ-Nam), tên là LONG-NỮ. Sinh ra một trai, đặt tên là SÙNG-LÂM. Sau lớn lên, Sùng-Lâm nối ngôi vua, lấy hiệu là LẠC-LONG-QUÂN

❸ **LẠC-LONG-QUÂN** cưới con gái vua Đế-Lai, tên là ÂU-CƠ. Âu-Cơ đẻ ra một cái bọc có một trăm trứng, nở ra thành 100 người con trai. Vua và Hoàng-hậu mới chia nhau từ biệt. Vua Lạc-Long, về giòng-doi Rồng, đem 50 đứa con xuống miền đồng bằng về miền bắc. Hoàng hậu Âu-Cơ, giòng dõi Tiên, đem 50 đứa con lên Núi ở với Tiên. Sau, Lạc-Long-Quân phong cho người con trai trưởng làm vua nước Nam đặt tên nước VĂN-LANG. Nhà vua đầu tiên ấy, của nước Văn-Lang, tức là HÙNG-VƯƠNG ĐẾ-NHÚT, lấy họ là HỒNG-BÀNG.

Hỏi : 2.— Cúng trên một quả Địa-cầu, tại sao lại chia ra từng dân tộc mà tiếng nói khác nhau ?

Đáp : Theo Thánh-kinh (sách Genèse, VI-IX), Chúa trời thấy loài người, con cháu của Adam và Eve, càng ngày càng trụy-lạc, hư-hỗng, bèn quyết định nồi trận lụt Đại-hồng-Thủy (Déluge) để tiêu diệt hết. Một vị kỵ-lão, tên là NOÉ khẩn-khoản xin ơn Chúa cứu loài người. Chúa bảo Noé đóng một chiếc thuyền to lớn (Arche), đem vợ con trốn trong đó và Chúa cho Noé được lựa chọn mỗi giống chim giống thú một con đực và một con cái để dấu trong thuyền. Khi Chúa rút nước Đại-hồng-Thủy xuống ngập cả Trái đất, thì chiếc thuyền của Noé trôi lèn-bèn trên mặt nước. Đến khi nước rút hết rồi, chiếc

thuyền của Noé tấp vào chun núi ARARAT và nhờ đó gia-dình ông Noé và các giống thú vật, được lên đất và sinh-nở lại, mỗi ngày mỗi đông tràn khắp nơi. Nhưng rồi, (theo như Moïse kẽ lại) con cháu của Noé sơ ở dưới đất không yên, bèn xây một cái tháp cao định leo lên trời. Chúa Trời tức giận liền phá tan công-trình ấy, bằng cách đặt cho mỗi người một thứ tiếng nói khác nhau để đừng nghe hiểu với nhau được. Công việc xây THÁP BABEL trong vùng Babel, vì thế mà không thành, rồi ai nấy đều tản-mác các nơi, mỗi người nói mỗi thứ tiếng, sinh sản ra con cháu, thành các chủng tộc ngôn ngữ bất đồng.

★ Ô. Nguỵen Ra, k.b.e. 4.671

— Ô. N. V. ra khỏi ngục Trà Khê vào tháng Hai 1945. Cùng một lượt, có trên 50 T.S. được « Sô lồng ». Còn hơn một nửa ở lại, đến khi Đảo chính Nhựt, tháng Ba 1945, cũng « Sô lồng » nốt.

— Mỹ lập « Báo Xuân Cà kê » trong mấy năm đó đều bị một vài anh em T.S. muốn giữ lén làm kỷ-niệm, đã dấu đâu mất biệt.

— Thân-mẫu và Thân-phụ của ông ấy đều đã quá-vãng từ lâu.

— Sẽ có một bài trong số báo sau, của một Bác-sĩ Mỹ, nói về
• Thuốc bồ Vitaminine.

★ Bà Lê-Trinh. (S.P.K.)

Hai câu chữ nho, bà hỏi đó là :

Thập niên tố đặc nhất cử tử,

Tam thập-niên tố bá! đặc nhất Thi-ông

(Mười năm học có thể thi đỗ ông Tú, ông Cử,
Ba mươi năm học chưa chắc đã nên nhà Thơ)

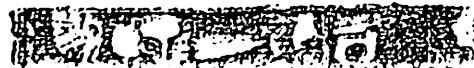
ĐÍNH CHÁNH

Trong mục này, trang 129, P.T. số 29, trả lời cô Bạch-Lan, về bà Từ-Dũ, nơi câu dưới : « Khi Vua Tự-Đức ký hiệp ước Patenôtre nhường đất Nam-Kỳ cho Pháp » xin sửa lại : « Khi Hòa-ước Giáp-Tuất (1874) nhường 6 tỉnh Nam-Kỳ cho Pháp v.v... »

NHỮNG BÀI LAI-CẢO, SẼ ĐĂNG HAY KHÔNG
ĐĂNG, XIN QUÝ BẠN MIỄN CHO VIỆC TRẢ LỜI.

Nhiều bạn có mý-ý gửi các bài lai-cǎo cho Phò-Thông : Thơ, truyện-ngắn, hồi ký, sưu-tầm, bình-luận, v.v... thường viết thư thúc-dục chúng tôi phải đăng và yêu cầu hoặc đăng hay không đăng cũng trả lời cho biết, hoặc cho các bạn biết ý-kiến.

Chúng tôi xin thành thật cảm ơn các bạn và rất hoan nghênh các bài của các bạn gửi đến. Nhưng vì lý-do này hay lý-do khác nhiều bài không đăng được và chúng tôi không thể trả lời riêng tất cả các bạn, vì nhiều quá. Vậy xin các bạn vui lòng miễn cho việc trả lời. Chúng tôi xin thành thật cảm tạ.



Nơi đáng tin cậy của các bạn yêu
nghệ-thuật nhiếp-ảnh

Quán ĐỒ THÀNH

Quán 23, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

— Nhận rửa, in, rơi các cỡ hình ảnh đen trắng và màn EKTACHROME.

— Nhận di chụp ảnh các nơi đám tiệc, lễ-lạc; ảnh quảng-cáo, ảnh phóng-sự v.v...

— Chụp lại các giấy tờ, tài-liệu, hình ảnh cũ ra mới.

— Mua, bán, sửa-chữa các loại máy ảnh, máy quay phim, chiếu.

— Bán phim, thuốc, giấy (có bán lẻ cho người muốn rửa hình lấy).

— Phát-hành các loại ảnh tài-tử Việt-Nam và Quốc-Tế.

— Sản-xuất các loại ảnh danh-lâm thắng-cảnh Việt-Nam

Chúng tôi lúc nào cũng sẵn-sàng để chỉ-dẫn các bạn mới chơi ảnh.